NGÀY 1 THÁNG 12 NĂM 1964

BACH KHOA

năm thứ tám

ĐOÀN - THÊM *chung quanh hiến chương 20-10-1964* • VŨ - BẢO *chức thư chánh trị của Togliatti* • NGUYỄN - HIẾN - LÊ *những sự xáo động trong thời đại quá độ hiện nay* • DOHAMIDE *gia đình người Hồi-giáo* • NGUYỄN - PHƯƠNG *J. Dupuis một Pháp thương đã làm mưa gió tại Bắc-Kỳ* • LÊ - DŨNG - DÂN *vấn đề phát triển ngành thủy sản ngư nghiệp tại Việt-Nam* • HOÀNG - ĐÔNG - PHƯƠNG *vòng tay học trò* • LUÂN-HOÁN — HUY-LỰC — TẦN-HOÀI DẠ-VŨ *thơ* • NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ *trường hợp của Mãnh* • NGUIỄN-NGU-Í *sống viết với Lê-Văn-Siêu* • **SINH-HOẠT** NGUIỄN-NGU-Í *ngày tưởng niệm và đoàn kết — viện đại học Vạn - Hạnh* • THU-THỦY *bão lụt miền Trung* • VŨ - HẠNH *sứ mạng báo chí* •

190

Thanh thoát
Fine
Dịu dàng
Racée
Tonique
NƯỚC HOA
"NGÔI SAO"
EAU
DE
COLOGNE
"L'ÉTOILE"
T
G
DÉSORMAIS FABRIQUÉE SOUS LICENCE AU VIETNAM PAR LA Ste Fse DES DISTILLERIES DE L'I.C.
DiC
L'EAU DE COLOGNE "L'ÉTOILE"
EST SI BONNE QU'ELLE EST SOUVENT CONTREFAITE
Assurez-vous de l'authenticité de votre achat,
en vérifiant que la capsule inviolable
que comportent les bouteilles
d'origine sous leur bouchon à
vis est bien en place
T
G
NƯỚC HOA "NGÔI SAO"
RẤT TỐT, THƯỜNG BỊ LÀM GIẢ TẠO
Muốn tìm được thứ thiệt, khi
mua quý ngài nên dè dặt kiểm
soát lại nắp chì ngừa gian
bọc ở miệng chai chánh gốc
nằm phía trong nắp vặn
đinh ốc còn nguyên vẹn.
DiC
AIP.

BANQUE FRANÇAISE DE L'ASIE

PHÁP - Á NGÂN - HÀNG

HỘI NẶC DANH VỐN 5.600.000 P.L.M

Số thương mãi Saigon số : 157B

Q.G.D.B. : 55.826.21.001

C.C.P. SAIGON No 27.04

TRỤ SỞ : 29, Bến Chương-Dương — SAIGON

Điện-thoại : 23.434/35/36 & 21.018 — Điện-tín : Fransibank

Chi-nhánh : Hành lang Eden, Saigon

Điện thoại : 23.207

ĐẢM NHIỆM TẤT CẢ CÁC NGHIỆP-VỤ NGÂN HÀNG
MỞ CÁC KHOẢN TÍN DỤNG VỀ
XUẤT-CẢNG — NHẬP-CẢNG

ĐẠI - DIỆN CÁC NGÂN - HÀNG TRÊN THẾ - GIỚI

GIAO THÔNG NGÂN HÀNG

BANK OF COMMUNICATIONS

Địa chỉ (Adresse)

Hãng chính (Siège Social)

ĐÀI BẮC TRUNG-QUỐC

Phân-hãng Saigon (succursale de Saigon)

87, Đại-lộ Hàm-Nghi (Bd de la Somme), 87

Điện thoại : 21.549 và 24.547

CHI NHÁNH CHOLON (Agence de Cholon)

158, Đại-lộ Khổng-Tử (Bd Gaudot)

Điện thoại : 36.268 và 36.269

KHO HANG : HƯ-KHỐ và KHO THƯỜNG

(Entrepôt Frictif et Ordinaire)

300, Đại-lộ Trịnh-Minh-Thế, Khánh-hội, Saigon

Điện thoại : 20.819

Danh sách điện báo : COMMUBANK

☆

CÁC HÃNG ĐẠI-LÝ THIẾT LẬP TRÊN CÁC THÀNH THỊ LỚN KHẮP THẾ GIỚI, CHUYÊN DOANH TẤT CẢ CÁC NGHIỆP VỤ NGÂN HÀNG : VÀ KIÊM DOANH CÁC NGHIỆP VỤ HƯ-KHỐ VÀ KHO THƯỜNG (ĐỂ CHO THÂN CHỦ ĐƯỢC TIỆN LỢI GỞI TRỮ HÀNG HÓA) ; VÀ CÓ TỦ BAO HIEM CHO THUÊ, MỖI TỦ TIỀN THUÊ MỖI NĂM TỪ 300$ TRỞ LÊN.

Pour vos voyages par

voie aérienne ou voie maritime,

DENIS FRERES agrée I.A.T.A
à votre service

REPRESENTANT AU VIÊT-NAM DE :

- *Pan American Airways*
- *Cathay Pacific Airways Ltd*
- *Thai Airways Company*
- *American Express*
- *United States Line*

BANQUE FRANCO-CHINOISE

POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

SOCIETE ANONYME FRANÇAISE

AU CAPITAL 5,300.000 FRANCS

SIÈGE SOCIAL : 74, Rue St-LAZARE — PARIS

VIET NAM — *SAIGON*

AGENCE : 32, Dai - Lô Hàm-Nghi .— Tél : 20.065, 20.066, 20.067,

BUREAUX : 178 - 180 - 182, Duong Lé-Thanh-Tôn (Marché central) — Tél. : 22.142

415 - 417, Duong Hai Bà Trung (Tân-Dinh) — Tél. : 25.172.

CHOLON : **AGENCE** : 385, Dai - lô Dông - Khanh (Cholon) — Tél. : 35.105.

KHANH-HUNG : **AGENCE** : 23, Duong Hoang-Diêu.

FRANCE : PARIS, LYON, MARSEILLE, MONTPELLIER

CAMBODGE : PHNOM-PENH, BATTAMBANG, KOMPONG-CHAM

MADAGASCAR : TANANARIVE, TAMATAVE

LOCATION DE COFFRES-FORTS PAR L'AGENCE DE SÀIGON
TOUTES OPÉRATIONS DE BANQUE ET DE CHANGE

BÁCH KHOA *trong số này*

Số 190 ngày 1 - 12 - 64

ĐOÀN-THÊM *chung quanh hiến chương 20-10-1964* 3

VŨ-BẢO *chúc thư chánh trị của Togliatti* 7

NGUYỄN-HIẾN-LÊ *những sự xáo động trong thời đại quá độ hiện nay* 15

DOHAMIDE *gia đình người Hồi-Giáo* 23

NGUYỄN-PHƯƠNG *J. Dupuis một Pháp thương đã làm mưa gió tại Bắc-Kỳ* 29

LÊ-DŨNG-DÂN *vấn đề phát triển ngành thủy sản ngư nghiệp tại Việt-Nam* 37

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG *vòng tay học trò (truyện dài)* 43

TẦN-HOÀI DẠ-VŨ *cho tương lai (thơ)* 51

LUÂN-HOÁN *cánh cửa lớn (thơ)* 52

HUY-LỰC *nỗi buồn đông phương (thơ)* 53

NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ *trường hợp của Mãnh (truyện ngắn)* 54

NGUIỄN-NGU-Í *sống, viết với Lê-Văn-Siêu* 81

SINH-HOẠT

NGUYỄN-NGU-Í *ngày tưởng niệm và đoàn kết — Viện Đại Học Vạn Hạnh cơ sở giáo dục cao đẳng của Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam Thống Nhất* 77

THU-THỦY *bão lụt miền Trung* 82

VŨ-HẠNH *sứ mạng báo chí* 88

kiểm duyệt ngày 28-11-1964

BÁCH-KHOA

trong những số tới

Phương thức tham gia việc công : Thành lập các Hội đồng chuyên môn	ĐOÀN-THÊM
Những sự xáo động trong thời-đại quá độ hiện nay	NGUYỄN-HIẾN-LÊ
Vấn đề số 1 của thời đại	— id —
Chính sách thi hành ở miền Bắc từ 1961 đến tháng 7-1964 (Họ Hồ 10 năm ở miền Bắc, IV)	NHƯ-PHONG
Nobel khoa-học 1964	VÕ-QUANG-YẾN
Nhạc Jazz	TRẦN-VĂN-KHÊ
Những xu hướng mới trong âm nhạc	TÔN-THẤT-TIẾT
Viết và sống với nhà văn Doãn-Quốc-Sĩ	NGUIỄN-NGU-Í
Một ngày của Ivan (Dịch A. Soljénitsyne)	NGUYỄN-MINH-HOÀNG
Gió trên đồi (truyện ngắn)	TRÙNG-DƯƠNG
Giấc ngủ của nàng	NGHIÊU-ĐỀ
Về già	LÊ-TẤT-ĐIỀU
Chỗ của Huệ (truyện ngắn)	DOÃN-DÂN
Cát lầy (truyện dài)	THANH-TÂM-TUYỀN
Đường về	Y-UYÊN

BÁCH-KHOA SỐ KỶ-NIỆM 8 NĂM

Cũng là **SỐ TẾT ẤT-TỴ** *(ra ngày 15-1-65) Các bài vở các sáng tác về Tết và Xuân năm nay, xin các bạn gửi về Tòa soạn trước ngày 15-12-64.*

chung quanh hiến chương 20-10-1964

ĐOÀN-THÊM

THEO điều 2 của Hiến-Chương, muốn triệu tập Quốc-Dân Đại-Hội, phải có một đạo luật ấn định thể-thức.

Đạo luật đó tất do Thượng-Hội-Đồng Quốc-Gia biểu quyết và do Quốc-Trưởng ban hành.

Song Hiến-Chương còn dự trù những đạo luật tổ chức.

— Thượng - Hội - Đồng Thẩm-Phán (điều 38).

— Đặc-biệt Pháp-Viện (điều 39).

— Hội-Đồng An-Ninh Quốc-Gia (điều 45).

Vậy những đạo luật đó cũng sẽ do Thượng-Hội-Đồng soạn thảo và biểu quyết, hay là để dành cho Quốc-dân Đại-hội sau này ?

Nếu còn lâu mới có Quốc-dân Đại-hội, Thượng-Hội-Đồng sẽ phụ trách, hay là cứ chờ đợi ? Thiết nghĩ các cơ-cấu quốc-gia cần được xây dựng càng sớm càng hay.

Lại còn Hội-Đồng Kinh-Tế Xã-Hội dự định ở điều 40 : nhưng sẽ do ai tổ chức ? *Hiến-Chương không dự trù một đạo luật như đối với các cơ-quan kề trên.*

Dù sao, Hội-Đồng Kinh-Tế Xã-Hội không tối-cần, khi đã có Quốc-Dân Đại-Hội là viện Lập-pháp, và Thượng-Hội-Đồng kiêm Thượng-Nghị-Viện.

Vì một dự-án kinh-tế xã-hội sẽ phải qua ba chặng trước khi được ban hành : ai hiểu các thủ-tục chánh quyền, cũng rất lo ngại sự chậm

trễ công việc, nhất là khi tình-thế đòi hỏi những biện-pháp mau lẹ.

Hay là ủy quyền cho Hành-Pháp ban hành sắc-luật, theo điều 16-2 ? Song như vậy lại phải tuyên-bố tình-trạng khẩn-trương, tình trạng thiết quân-luật, hoặc tình trạng chiến-tranh. Rồi chẳng lẽ vai tuồng của các Viện và của Hội-Đồng lại bị che khuất ?

Cơ-cấu càng giản-dị, công việc càng dễ tiến hành. Một hệ-thống nhiều tầng sẽ là trở ngại không nhỏ và sẽ làm tổn phí công-nho.

Hội-Đồng Kinh-Tế Quốc-Gia lập theo Hiến-Pháp 1956, không thâu lượm được nhiều kết-quả.

∴

Theo điều 45, khi Quốc-Dân Đại-Hội đã được triệu tập, Thượng Hội-Đồng Quốc-Gia sẽ trở thành một cơ-cấu tương-đương với Thượng-Nghị-Viện trong chế độ lưỡng-viện ; *một đạo luật sẽ ấn-định nhiệm-vụ và quyền-hạn của Viện này.*

Song đạo luật về Thượng-Nghị-Viện không lẽ đề tùy Hạ-Nghị-Viện tức Quốc-Dân Đại-Hội biểu quyết, khi có tính-cách trọng-yếu của một văn-kiện căn-bản, một Hiến-luật.

Quốc-Dân Đại-Hội chỉ có thẩm quyền, nếu là Đại-Hội Lập-Hiến.

Nhưng theo Hiến-Chương 20-10-1964, thiên thứ năm, thì Quốc-Dân Đại-Hội chỉ là một viện Lập Pháp.

Thượng-Hội-Đồng đã thảo Hiến Chương thì lý-ưng phải qui định ngay cả về Thượng-Nghị-Viện. Trong thực-tế, nhiều người đã không khỏi thắc-mắc : sao Thượng-Hội-Đồng lại tự biến trước ra Thượng-Nghị-Viện tương lai ?

Vì không có gì ngăn cấm Hiến-Pháp sau này đặt một Nghị-Viện mà thôi.

∴

Điều 49 định rằng Hiến-Chương có hiệu-lực kể từ ngày biểu-quyết cho tới khi có Hiến-Pháp.

Hiến-Pháp này sẽ do cơ-quan nào soạn thảo, biểu quyết, và ban hành ? Tất-nhiên do một Quốc-Hội Lập-Hiến.

Phải chăng Quốc-Hội này sẽ do Quốc-dân Đại-Hội ra luật triệu tập ? Thế thì *sao không giao phó luôn cho Quốc-Dân Đại-Hội quyền lập-hiến có tiện không ?*

∴

Sự triệu-tập Quốc-Dân Đại-Hội trong tình-thế hiện-thời, là việc rất khó.

Tổng-tuyển-cử, dĩ-nhiên là giải pháp lý-tưởng, mà ai cũng mong ước. Song khi các địa-phương đương bị rối ren hoặc phá hoại, khi các hạ-tầng cơ-sở thừa-hành ở nông-thôn chưa thể cải-tổ hoặc củng-cố, làm sao có thể kiểm soát chu-đáo để thực hiện một cuộc đầu phiếu tự-do và hợp-lệ ?

Hay là cứ tổ-chức tuyển-cử ở những nơi an-ninh và tương-đối

an-ninh ? rồi Chính-Phủ chỉ định thêm một số đại-biểu cho những vùng thiếu an-ninh ?

Về lý-thuyết, rất có thể ; nhưng trong thực-tế, chiến-sự biến chuyển khó lường, hôm nay nơi đây yên ổn, tuần tới sẽ bị quấy rối hay ngược lại.

Có vị đề nghị tuyển cử gián-tiếp : dân chúng bầu các Hội-Đồng Đô-Thành, Thị-Xã, và Tỉnh, theo các sắc-lịnh mới ban hành ngày 31-5-1964, rồi các Hội-Đồng này liệu cử một số vào Quốc-Dân Đại-Hội.

Nhưng đằng nào cũng phải bỏ phiếu từ cấp Xã, vậy thì sao không bầu luôn, bầu thẳng đại-biểu vào Đại-Hội, giá thử hoàn-cảnh cho phép tuyển cử.

Vậy chỉ còn một giải-pháp : *tất cả các đại-biểu sẽ được chỉ định ?* Chắc chắn nhiều người sẽ quyết-liệt phản đối, vì không chấp nhận một Hội-Đồng Nhân-Sĩ thứ hai.

Thực ra, không ai dám chủ trương thoái-hóa để tái lập một cơ-quan mà dư-luận đã nhiều lần chỉ trích.

Nhưng Hội-Đồng Nhân-Sĩ trước đây không đáp ứng được những nguyện-vọng và nhu-cầu chung, vì chỉ có nhiệm-vụ tư-vấn, lại chỉ đứng được một thời-gian ngắn, chưa kịp hoạt động để tỏ rõ hiệu-năng.

Trái lại, Quốc-Dân Đại-Hội theo Hiến-Chương 20-10-64, có quyền-hành rộng lớn của một viện lập-pháp dưới chế-độ đại-nghị, không lo bị bó tay, cũng chẳng ngại gì sự chi-phối của Chánh-Phủ, miễn là sự chỉ-định phải theo vài điều-kiện.

Ở trường-hợp Chánh-phủ tự-động tìm lấy số đại-biểu cần-thiết, các vị này khó lòng được đa-số dân-chúng tín nhiệm.

Điều bất-lợi đó có thể tránh nếu tính-cách vô-tư của sự chỉ-định được nhiều đảm-bảo hơn : vậy xin giao việc cho Thượng-Hội-Đồng.

Thượng-Hội-Đồng sẽ lựa chọn, căn cứ vào những danh-sách do các giới đệ trình.

Các đoàn-thể chánh-trị, tôn-giáo, văn-hóa, xã-hội, kinh-tế, v.v... sẽ được mời nhóm họp và đề cử những nhân vật tiêu-biểu nhất.

Tên tuổi những nhân-vật này sẽ được công-bố rộng-rãi để thăm dò dư-luận một vài tuần, trước khi Thượng-Hội-Đồng quyết định theo đa-số Hội-Viên.

Dĩ-nhiên khó tránh sự thiếu sót, song trong giai-đoạn này, giải-pháp nào cũng chỉ có giá-trị tương-đối : chúng ta chưa nên đòi hỏi quá nhiều, nếu không muốn kéo dài thời-kỳ chuyển-tiếp.

***

Thời-kỳ này không được Hiến-Chương ấn định là bao nhiêu lâu ; điều 44 chỉ nói : cho đến khi có Quốc-Dân Đại-Hội, Thượng-Hội-Đồng đảm nhiệm những quyền-hạn của Quốc-Dân Đại-Hội.

Nếu Thượng-Hội-Đồng muốn tổ chức tổng-tuyển-cử và đợi bao giờ thấy tình-thế sáng sủa hơn, tất quốc-dân không khỏi nóng lòng. Và không lẽ quyền lập-pháp và quyền kiểm-soát Chánh-phủ cứ phải giao phó lâu ngày cho mười mấy vị ?

Nên ít ra Thượng-Hội-Đồng cần được mở rộng, để đón tiếp thêm một số nhân-vật vào chia xẻ trọng-trách. Con số 50 không phải là quá lớn.

Vẫn biết quyết-định số 7 ngày 8-9-64 của Ban Lãnh-Đạo Lâm-Thời lập ra Thượng-Hội-Đồng, đã hạn chế số Hội-Viên tối-đa là 20 (điều 2).

Song-Hiến-Chương 20-10-64 hiện nay là văn-kiện căn-bản có hiệu-lực pháp-lý siêu-đẳng. Và Hiến-Chương có thể thay đổi những điều-khoản của Quyết-định số 7.

Chứng cớ, là mặc dầu Quyết-định số 7 không dự liệu, Thượng-Hội-Đồng đã được Hiến-Chương giao cho nhiệm-vụ lập-pháp.

Vậy nếu muốn mở rộng, Thượng-Hội-Đồng chỉ việc biểu quyết bổ túc Hiến-Chương, theo thể-thức của điều 47 : Hiến-Chương có thể sửa đổi nếu có đề nghị của 1/2 Hội-Viên Quốc-Dân Đại-Hội, tức là của 1/2 Thượng-Hội-Đồng hiện nay.

Đ. T.

SOCIÉTÉ D'OXYGÈNE ET D'ACÉTYLÈNE D'EXTRÊME-ORIENT

(S. O. A. E. O.)

★

DIVISION VIETNAMIENNE :

2, Nguyễn-Trường-Tộ (Khánh-hội) — SAIGON

Tél. : 23.741 — 23.742

●

Fabrication : **Oxygène — Acétylène — Gaz Carbonique**
Vente : **Hydrogène - Ammoniaque - Cyclopropane. Protoxyde d'Azote — Argon etc..**

Matériel pour soudures oxy-acétylémique et électriquel Installations de garothérapie.

Notre service technique d'application est à la disposition de a clientèle pour toutes études et installations.

Vũ-Bảo

Chúc-thư chánh-trị của TOGLIATTI lãnh-tụ đảng Cộng-Sản Ý

KROUCHTCHEV đến chậm mất 40 phút, không kịp gặp Togliatti lần chót trước khi nhà lãnh tụ Cộng-Sản Ý trút hơi thở cuối cùng. Nhưng dù có gặp mà nói chuyện với nhau, những lời trao đổi sẽ chỉ riêng hai người biết, thế giới sẽ không bao giờ hay chi tiết cuộc thảo luận. Đằng này Togliatti tuy không gặp Krouchtchev, nhưng đã để lại cả một bản văn phê bình chánh sách của Liên-Xô, lời tuy hòa nhã mà nội dung thật nghiêm khắc. Togliatti chết tới nay đã trên 3 tháng, Krouchtchev sau đó non 2 tháng đã rời bỏ chính trường vì « lý do sức khỏe » nhưng bản văn của Togliatti mổ xẻ chánh sách của Krouchtchev vẫn được tất cả các đảng cộng sản trên thế giới đem ra học tập. Những lời ghi vội vã của nhà lãnh tụ cộng sản Ý đã trở thành một « áng văn cổ điển » trong tủ sách Mác xít và được kêu là «chúc thư chính trị của Togliatti ». Trước khi phân tích bản văn này tưởng cũng nên biết qua về con người Togliatti vì ngay đối với con người Cộng-sản, rập khuôn và công thức như vậy, thành ngữ « văn tức là người » vẫn còn đúng nguyên vẹn.

Đừng có phiêu lưu

Palmiro Togliatti sinh tại Gênes ngày 25 tháng 3 năm 1893, nhằm đúng ngày lễ Lá (Dimanche des Rameaux hay Palm Sunday tức là ngày chủ nhật trước lễ phục sinh). Đo đó mà cha mẹ mới đặt tên là Palmiro. Thật là một sự trớ trêu khi con người mang tên

một ngày lễ của công giáo sau này lại trở thành lãnh tụ của một đảng Cộng-Sản lớn nhất Tây Âu (1)

Togliatti chú ý rất sớm tới các vấn đề xã hội. Học luật rồi bỏ dở tòng quân trong hồi đại chiến thứ nhất. Được giải ngũ vì lý do sức khỏe, Togliatti trở về Turin và gặp người bạn học cũ Antonio Gramsci, hai người bước vào nghề làm báo và cộng tác với nhiều tờ báo của đảng xã hội. Sau đó hai người có tờ báo riêng tờ «Trật Tự Mới» do Togliatti làm chủ bút. Lợi dụng một phong trào đình công lớn, ngày 21 tháng 6 năm 1921 Togliatti thành lập đảng cộng sản Ý. Năm sau, Togliatti được bầu vào Ủy Ban Trung Ương rồi vào Ủy Ban chấp hành.

Togliatti cho xuất bản tờ nhật báo « Người Cộng-Sản » nhưng sau đó đảng Phát Xít lên cầm quyền nhà in của tờ báo bị đóng cửa. Gramsci bị bắt rồi chết ở trong ngục, còn Togliatti trốn ở nước ngoài chỉ huy đảng Cộng-Sản Ý trong bóng tối chống lại với Mussolini.

Togliatti lưu ở Mạc-Tư-Khoa nhiều năm và là một trong những người thân cận của Staline. Khi sảy ra đại chiến thứ hai, dưới bí danh Mario Correnti, từ Mạc-Tư-Khoa ông ta hô hào các đồng chí phá hủy các nhà máy sản xuất võ khí của Ý. Chiến tranh chấm dứt, Togliatti trở về nước và tham dự hai nội-các liên tiếp.

Trong các lãnh tụ Cộng-Sản Âu châu, Togliatti thường được nhắc tới như là một người gặp nhiều cơ hội để

TOGLIATTI

nắm chính quyền và không lần nào nắm nổi.

Lần thứ nhất là khi Togliatti ở Mạc-Tư-Khoa về sau thế chiến thứ hai. Lúc đó kháng chiến quân Cộng-Sản võ trang rất hùng hậu và nếu Togliatti chấp nhận nội chiến thì đảng Cộng-Sản Ý đã có thể cướp chính quyền dễ dàng. Nhưng Togliatti không chịu, khiến sau này Staline phải nói mỉa mai : « Hắn không bao giờ làm cách mạng đâu. Hắn là một nhà trí thức ».

Lần thứ hai là vào năm 1947. Trong cuộc tổng tuyển cử, đảng Cộng-Sản Ý được 30 phần 100 số phiếu của dân chúng nhưng rồi lại bị đảng Dân-chủ Thiên-Chúa giáo của De Gasperi gạt ra khỏi chính quyền.

---

(1) Đảng Cộng-Sản Ý hiện có 1.700.000 đảng viên. Kỳ tổng tuyển cử năm 1963, Đảng đã thâu hoạch được 7.700.000 lá thăm tức là 25o/o tổng số thăm.

Tháng 7 năm 1948 Togliatti bị một sinh-viên phe cực hữu bắn bốn phát đạn trúng ngực, tình trạng rất nguy kịch. Togliatti mê man mấy ngày liền và có một phút tỉnh táo thì mồm cứ lẩm bẩm :

« Đừng có phiêu lưu. Các đồng chí nhớ lấy nhé, đừng có phiêu lưu ».

Lời nói xuất thần đó đã giúp người ta hình dung một phần nào con người của Togliatti mà chủ nghĩa Cộng-Sản cũng không thể nào gột nổi những nét trí thức tiểu tư sản.

Năm 1952 ông ta lại suýt chết một lần nữa. Giữa một cuộc mét tinh ngoài trời, Togliatti bị trúng thử, tê dại cả một cánh tay và một bên mặt, phải dưỡng bịnh rất lâu.

Hình như Togliatti là một trong những người được trời phú cho cái tài luôn luôn biết cách thoát hiểm. Và cái tài đó rất cần cho con người Cộng-Sản, không những để thoát ra khỏi những hoàn cảnh nguy kịch mà còn để thoát ra cả những bước chính trị ngặt nghèo.

Năm 1956 người ta lại chứng kiến cái tài đó của Toglialti một lần nữa. Ông ta là một người thân tín và rất trung thành với Staline. Nhưng tháng hai năm đó, vài giờ sau khi đặt vòng hoa lên mộ Staline, ông ta vào dự Hội Nghị và thấy Krouchtchev đọc bản cáo trạng kể tội Staline. Như vậy là đủ để cho Togliatti xây dựng ngay được một chủ thuyết mới chống lại với đường lối độc tài của Staline. Đó là chủ thuyết « Cộng-Sản đa-tâm », phong trào cộng sản quốc tế từ nay sẽ không phải chỉ có Mạc-Tư-Khoa là trung tâm hướng dẫn mà trái lại mỗi nước có đảng Cộng-sản sẽ là một trung-tâm thí-nghiệm xã-hội chủ-nghĩa.

Cái khuynh hướng cởi mở đó rất thích hợp với khung cảnh văn hóa Ý-Đại-Lợi và người ta không lấy làm lạ khi thấy nhiều nhà văn, nhà báo, nhiều nghệ sĩ Ý gia nhập đảng cộng sản của Togliatti. Tham vọng của Togliatti là lập được một khối cộng sản chấp nhận sự tranh-luận với Tây phương không những về phương diện lý thuyết chính trị mà ngay cả về văn hóa và nghệ thuật, chấp nhận sự đối thoại cả với khối công giáo, nói tóm lại vén bức màn nặng nề vẫn thường buông trùm thế giới cộng sản để đón gió bốn phương.

Và nhà lãnh tụ của đảng cộng sản lớn nhất Tây Âu đó không ngần ngại tự xây cho mình một biệt thự trong một khu sang trọng, mặc những áo len mầu rất tươi, và kêu ầm lên khi cà-phê thiếu sữa. Chính những nét đó của con người Togliatti giúp cho chúng ta hiểu hơn bản chúc thư ông ta để lại.

Đánh máy trên một cái máy chữ đi mượn

Trong trường hợp nào Togliatti đã thảo ra bản chúc thư đó ? Chính vì cuộc tranh chấp Nga-Hoa, một trong những nguyên nhân của vụ hạ bệ Krouchtchev. Không phải là Togliatti tán thành thái độ của Trung Cộng, trái lại ngày 22 tháng 4 năm nay, trước Trung Ương cộng sản

Ý, Togliatti đã có dịp nói hết sự phẫn nộ của mình về chiến dịch chống Nga của Trung Cộng, cho đó là « một điều không thể chấp nhận được, một điều tủi hổ và nguy hiểm cho phong trào thợ thuyền nói chung» Togliatti cũng cho rằng phải « lên án các hoạt động phân liệt của Trung cộng ».

Nhưng điều ông ta không đồng ý là cách giải quyết vụ tranh chấp của Krouchtchev, việc đưa Trung cộng ra xử trước Đại hội các đảng cộng sản trên thế giới. Cho nên khi vừa nhận được giấy mời của Krouchtchev để dự hội nghị sơ bộ vào ngày 15 tháng chạp sắp tới, Togliatti đáp máy bay đi luôn Mạc-Tư-Khoa để gặp Krouchtchev. Ngày hôm đó mồng 9 tháng 8 không có chuyến nào đi thẳng từ Rome tới Mạc-Tư-Khoa, ông già Togliatti 71 tuổi đã phải đi một chuyến tàu «chợ», bay lên đáp xuống nhiều lần, rất là mệt nhọc.

Ông ta cùng đi với bà vợ Nilde Jotti và con gái nuôi Marisa, 18 tuổi, con của một người thợ bị cảnh binh bắn chết. Khi tới nơi thì lại không gặp Krouchtchev, nên ông ta càng nổi giận. Togliatli gặp Brejnev nói hết những sự bất đồng ý kiến của mình về chính sách của Krouchtchev. Brejnev cho biết Krouchtchev hiện đang đi thăm các nông trại ở một miền xa và trong mười ngày nữa sẽ gặp Togliatti ở Crimée.

Tong khi chờ đợi, Togliatti đi Yalta trước. Vừa tới nơi ông ta ghi lên giấy những điểm chính mà ông ta có ý sẽ đề cập với Krouchtchev. Sáng hôm sau, 13 tháng 8, Togliatti dậy sớm viết lại rồi đưa cho vợ con đánh máy. Sau đó ông đi thăm một trại thanh niên.

Hai mẹ con ở nhà loay hoay mãi mới tìm mượn được một cái máy chữ chế ở Đức, các máy chữ Nga không dùng được vì mẫu tự Nga khác mẫu tự La-Tinh, Marisa đánh máy và Nilde Jotti ngồi đọc cho con. Hai mẹ con đang chăm chú làm việc thì chuông reo : có điện thoại từ trại thanh niên gọi về cho biết là Togliatti bị sung huyết lên óc. Hai mẹ con chạy tới thì Togliatti đã không tỉnh nữa. Các lãnh tụ Nga, đều kéo về Yalta. Phó bí thư đảng Cộng-Sản Ý Luigi Longo, người kế vị của Togliatti, cũng lật đật tới bên giường người bệnh. Togliatti hấp hối cho tới ngày 21 tháng 8 và trút hơi thở cuối cùng với mối hận không được gặp Krouchtchev. Nhà lãnh tụ Nga có tới chỗ hẹn, nhưng chậm quá và chỉ kịp chào thi hài người quá cố.

Nilde Jotti trao mấy tờ đánh máy cho Luigi Longo ngay tại Yalta.

Đám tang Togliatti cử hành rất trọng thể ở Rome. Brejnev thay mặt cho Chính Phủ Nga dự lễ táng và sau đó có một cuộc thảo luận rất gay go với Luigi Longo, Đảng Cộng-Sản Ý chỉ chấp nhận dự Hội Nghị sơ bộ 15 tháng chạp khi nào tờ Pravda, cơ quan chính thức của đảng Cộng-Sản Liên-Xô đăng nguyên văn « chúc thư chính trị » của Togliatti.

Ngày mồng 4 tháng 9 bản này được trao cho báo chí Cộng-Sản Ý đăng tải.

Tờ Pravda không có cách gì làm khác hơn là phải đăng theo.

Một chúc thư 5 điểm :

Vào đề Togliatti cho biết rằng đảng Cộng-Sản Ý sẽ cử đại diện tới dự Hội Nghị sơ bộ ngày 15 tháng chạp, và dự một cách tích cực, nhưng không phải vì thế mà không nói lên một số thắc mắc.

1) Không đồng ý về cách giải quyết vụ tranh chấp Nga-Hoa.

Theo Togliatti lập trường chính trị và những hoạt động phân liệt của Trung-Cộng là một điều sai lầm. Nhưng đảng Cộng-Sản Ý chủ trương giải quyết theo một kế hoạch khác có thể tóm tắt như sau :

— Nguyên tắc là không ngừng tấn công vào lập trường của Trung-Cộng. Nhưng khác với Trung-Cộng không luận-chiến với những danh từ quá độ những lời buộc tội bỉ ổi mà trái lại dùng các luận-cứ cụ thể khách quan và luôn luôn kính trọng kẻ đối thoại.

— Đồng thời tổ chức các buổi gặp gỡ từng nhóm các đảng Cộng-Sản trong các khu vực khác nhau (Tây-Âu, Nam-Mỹ, Á-Phi v. v...) để cùng xem xét thái độ của Trung-Cộng và ấn định các mục tiêu chung của phong trào Cộng-Sản quốc tế.

— Sau khi chuẩn bị như vậy trong vòng một năm hay lâu hơn nữa mới triệu tập Hội Nghị các đảng Cộng-sản trên thế giới. Khi đó mới có thể cô-lập-hóa Trung-cộng trước một mặt trận vững chắc của các đảng cộng sản đã đồng ý với nhau trong việc nhận xét về thái độ của Trung cộng và trong việc ấn định các mục tiêu chung. Vả lại khi đường lối và mục tiêu chung đã được chấp nhận trong mỗi khu vực thì có thể cũng không cần phải triệu tập Hội Nghị các đảng Cộng-sản nữa.

Tới nay thì người ta chỉ trả lời Trung-cộng bằng những luận điệu tuyên truyền chứ không lo phong-phú-hóa chính sách chung.

2) Bi quan về tình hình hiện tại.

Theo nhận xét của Togliatti « tình hình đã xấu hơn cách đây 2 hay 3 năm».

Mối nguy lớn nhất là do Hoa-Kỳ. Nước này đang qua một cơn khủng hoảng xã hội mà bằng chứng là các vụ sô xát giữa người da trắng và da đen, vụ ám sát ông Kennedy v.v... Togliatti lên tiếng báo động như sau : « Ta chớ có nên vội gạt ra ngoài trường hợp mà ứng cử viên cộng hòa Goldwater thắng phiếu. Hắn ta ăn nói như một tên phát-xít, và có cả một chương trình chiến tranh. Hoạt động của hắn càng ngày càng lôi kéo mặt trận chính trị Hoa-Kỳ về phía hữu và buộc Hoa-Kỳ phải gây hấn quốc tế để tìm một lối thoát cho mâu thuẫn quốc nội.

« Tại Tây Âu càng ngày càng có sự tập trung độc-quyền trong khối Thị Trường chung làm cho mức sống thợ thuyền sút giảm. Trong Tổ chức Bắc Đại-Tây-Dương tuy có những sự tranh chấp do thái độ của De Gaulle mà chúng ta phải khai thác, chúng ta cũng chớ vội có những ảo ảnh.

« Chiến cuộc ở Việt-Nam và ở Chypre cho thấy rằng nếu tình hình

cứ ngả về phía hữu, chúng ta có thể đứng trước những khủng hoảng bất ngờ buộc các lực lượng thợ thuyền Âu-Châu và quốc tế can thiệp.

« Tất cả các sự kiện trên giúp chúng ta có một đường lối đối với Trung cộng. Sự đoàn kết của các lực lượng xã hội chống lại các nhóm đế quốc phản động là một điều hết sức cần thiết. Ta không thể gạt Trung cộng ra khỏi mặt trận đoàn kết này. Cho nên tiếp tục cuộc tranh luận với Trung cộng phải đi từ khởi điểm nghĩa là chứng minh rằng trước hiện tình quốc tế sự nhất trí của phong trào thợ thuyền và của thế giới Cộng sản là một điều cần thiết và có thể làm được ».

3) Không lạc quan về phong trào Cộng-Sản.

Tại các nước Tây Phương, các đảng Cộng sản chỉ hoạt động hạn chế trong việc truyên truyền không có một ảnh hưởng gì trong đời sống chính trị (ngoại trừ các đảng cộng sản Pháp, Ý, I-Pha-Nho . . .) « Phải bằng đủ mọi cách đẩy mạnh các đảng Cộng-Sản vào thực tại chính trị để nắm lấy sự chủ-động và trở thành một phong trào đại chúng ».

Vì thế mà đảng Cộng-Sản, Ý mặc dầu cho rằng lập trường của Trung-Cộng vừa sai lầm vừa nguy hiểm, cũng không tán thành bản việc Nga triệu tập một hội nghị quốc tế nhằm mục đích duy nhất là tố cáo và kết tội lập trường đó, bởi lẽ rằng các đảng Cộng - Sản Tây-phương sẽ lại càng xa rời thực tế hơn và sẽ chỉ quay vào cãi vã xuông về lý thuyết. Mối nguy hại lại còn lớn hơn nếu trong lòng mỗi đảng Cộng-Sản lại nẩy ra một «phân bộ» ngả về Trung-Cộng, khiến cho quần chúng thêm hoang mang. Hiện nay thì Trung-Cộng đang cố gây ra nhiều « phân bộ» đó. Cần phải tránh làm sao cho «lượng» khỏi biến thành «phẩm» nghĩa là tránh cho số nhiều phân bộ đó cũng cố được thành một phong trào quốc tế.

Theo nhận xét của Togliatti hiện nay có nhiều điều kiện khách quan có lợi cho việc phát triển của các lực lượng Cộng-Sản nhưng phải biết lợi dụng các điều kiện đó. Người Cộng sản phải tỏ ra táo bạo, bỏ những giáo lý vũ đoán và giải quyết các vấn đề theo những phương thức mới. Và Togliatti có đưa ra một số thí dụ những việc có thể làm được để phát triển các cơ sở :

— Việc Tây-phương đang có những chương trình kinh tế chung cho nhiều nước chẳng hạn đòi hỏi giai cấp thợ thuyền phải có những biện pháp đối phó như mở rộng phạm vi và phối hợp các yêu sách, tranh đấu đòi cải tổ các cơ cấu kinh tế v.v...

— Đối với khối Công giáo, cái lối tuyên truyền vô thần cũ kỹ ngày trước bây giờ không dùng được nữa. Vấn-đề tôn giáo cần phải đặt lại nếu chúng ta muốn xâm nhập được vào đám quần chúng tôn giáo và để cho họ hiểu chúng ta.

— Trên địa hạt văn hóa và nghệ thuật các cửa đang mở rộng cho sự thấu nhập Cộng-Sản. Chúng ta đừng đem các quan niệm của chúng ta mà đối kháng lại một cách trừu tượng với các khuynh hướng khác, trái lại

lại chấp nhận sự đối thoại với các khuynh hướng này để xây dựng uy thế của những chủ thuyết Cộng-Sản.

— Trong những nước mà đảng Cộng-Sản mạnh như ở Ý và Pháp, vấn đề căn bản trong cuộc tranh đấu chính trị là cướp lấy các vị trí chính quyền để có thể thay đổi tính chất các nước tiểu tư sản đó tiến tới xã hội chủ nghĩa.

— Mỗi đảng phải biết chọn đi theo con đường riêng của mình tùy theo tình trạng phát triển của xứ đó. Đảng Cộng-Sản Ý xác nhận rằng phong trào thợ thuyền quốc tế là một phong trào thống nhất, nhưng sự thống nhất đó phải thực hiện trong những thực tại chính trị khác nhau.

Ngoài ra đảng Cộng-Sản Ý chủ trương nên có những cuộc tranh-luận công-khai giữa các đảng Cộng-Sản về các vấn đề chung để cho dư luận quần chúng chú ý. Nhưng phải tranh luận trong những hình thức đúng mực, nhã nhặn chứ không phải theo cái lối quá khích và thô tục của Trung-Cộng và Al banie.

4) Phát triển mối tương quan với các phong trào giải phóng.

Các đảng Cộng-Sản trong các nước tư-bản và các phong trào giải phóng tại các thuộc địa hay cựu thuộc-địa, cần phải tìm hiểu nhau hơn và giúp đỡ nhau nhiều hơn. Những mối tương quan đó không phải chỉ đặt giữa các đảng Cộng-Sản với nhau nhưng phải đặt với tất cả các lực lượng chống Đế-Quốc, và nếu có thể phải đặt ngay cả với các giới ở trong chính quyền tại các nước vừa mới thâu hồi độc-lập và có một chính phủ cấp tiến.

Đồng thời phải nghiên cứu việc phát triển kinh-tế tại các nước đó theo mục-tiêu của xã-hội chủ-nghĩa. Cần có những hội nghị quốc tế chuyên cứu về đề tài này.

5) Ngoài vụ tranh chấp Nga-Hoa, còn nhiều vấn đề khác phải chú ý trong các nước Cộng-Sản.

Trước hết đừng có trình bầy như là trong các nước đó mọi việc đều tốt đẹp cả. Về vấn đề xây dựng kinh tế trong các nước cộng sản chẳng hạn, Tây Phương biết một cách rất sơ sài. Cần phải cho biết rõ ràng các sự khác biệt giữa tình trạng các nước đó, những phương pháp hoạch định kinh tế đã áp dụng, những khó khăn đã gặp phải, những cải tiến đã thi hành. Có như vậy khi nói về các thành-quả người ta mới tin.

Sau đó các nước Cộng-Sản cho người ta cái cảm tưởng là sau thời gian cấm đoán dưới thời Staline, các nước này rất chậm chạp trong việc phục hồi sự tự do ngôn luận và tự do diễn tả trong các lãnh vực chính trị, văn hóa, nghệ thuật.

Ngoài ra một khuynh hướng ly-tâm đang thành hình trong các nước cộng sản. Có thể đó là tinh thần quốc gia tái hiện. Những sự tiến bộ về kinh tế càng làm cho khuynh hướng trên nẩy nở ? Nhưng theo Togliatti ngay ở các nước cộng sản, người ta cũng không nên quá chú trọng về sự giống nhau nhất loạt, một cách vừa bó buộc vừa hời hợt, và phải nghĩ củng cố được sự thống nhất của phong trào Cộng-Sản giữa sự tạp bác của các nước này.

Và Togliatti kết luận người Cộng-Sản phải có can đảm đương đầu với các vấn đề đó bằng một khối óc phê-bình để tạo ra sự hiểu biết lẫn nhau và một sự nhất trí trong phong trào Cộng-Sản.

Con đường mới về đâu ?

Đó là tóm tắt 5 điểm Togliatti đã ghi lại để nói chuyện với Krouchtchev.

Nhưng cả Togliatti và Krouchtchev đều đã gặp gỡ với định mệnh, người viết thư đã qua đời và kẻ nhận thư nay cũng không còn ở lại chính trường nữa. Bản ghi chép kia chỉ còn là một lá thư không gửi. Nhưng là một lá thư rất nhiều người đọc, và ảnh hưởng như thế nào hiện chưa ai lường được.

Hồi Togliatti còn sống, có ai phê bình về thuyết « Cộng-Sản đa-tâm » thì ông ta thường nhún vai mà nói « Siamo Italiani » (chúng tôi là người Ý). Nay Togliatti chết đi, tờ chúc thư của ông như là một bản văn chính thức xác nhận ông chủ trương một con đường riêng biệt, một con đường « Ý-Đại-Lợi » để tiến tới xã hội chủ nghĩa. Sau Tito với con đường Nam - Tư, Gheorghiu - Dej với con đường Lỗ - Ma - Ni, Gomulka với con đường Ba-Lan, người ta tự hỏi con đường Ý-Đại-Lợi với chủ trương đối-thoại tự-do trên mọi lãnh vực liệu có dắt tới một xã hội Cộng-Sản phong-phú hơn như Togliatti mong muốn hay chính vì mỗi người đi một đường mà rồi phong trào quốc tế cộng sản đâm vào lạc nẻo nếu không phải là rạn vỡ ?

Hiện nay hãy còn hơi sớm để trả lời dứt khoát cho câu hỏi đó nhưng ý nghĩ thầm kín của Tây-Phương hình như gần đây đã được giáo sư Reischauer đại sứ Hoa-Kỳ ở Đông-Kinh diễn tả ra khi ông tuyên bố với Hội các chủ báo và chủ bút Nhật-Bản rằng « chúng ta không cần phải nín thở để chờ ngóng tin của thế giới Cộng-Sản. Chỉ việc nhìn vào lịch sử hiện đại là thấy rõ thời gian hiện đang hỗ-trợ chúng ta ».

VŨ-BẢO

nhà in **VĂN HÓA**

412-414 Trần-Hưng-Đạo, Sàigòn — Đ.T. 20.161

MỘT NHÀ IN LÂU NĂM ĐƯỢC NHIỀU TÍN NHIỆM

- AN LOÁT MỸ THUẬT
- CÔNG VIỆC NHANH CHÓNG, GIÁ HẠ
- CÁC GIAI PHẨM, SÁCH BÁO, CÓ GIÁ ĐẶC BIỆT

những sự xáo động trong thời-đại quá-độ hiện nay

NGUYỄN-HIẾN-LE

Ai cũng nhận thấy rằng sự tấn bộ về kỹ thuật rất có lợi cho nhân loại : nó làm tăng sức sản xuất, do đó làm tăng mãi lực của mọi giới, đặc biệt là giới lao động ; nó làm giảm sự cách biệt về lợi tức, do đó làm giảm lần lần sự cách biệt giữa cái giai cấp ; nó nâng cao mức sống và thay đổi cả lối sống của con người, làm cho con người được thảnh thơi hơn, có thì giờ lo trau giồi tri thức hơn.

Như vậy thì tại sao lại có rất nhiều người mạt sát nó, mạt sát văn minh cơ giới ? Chỉ vì nó là một cuộc cách mạng, nó làm mất sự thăng bằng, sự ổn định trong mấy ngàn năm trước của nhân loại, mà chưa tạo được một sự thăng bằng, sự ổn định mới, nói tóm lại là nó gây ra nhiều sự xáo động về mọi phương diện và trong mọi giới. Trong chương này chúng tôi chỉ xét những xáo động quan trọng nhất làm cho nhiều người bất mãn nhất.

∴

Giá sản phẩm thay đổi bất thường và tiền tệ không ổn định

Khi năng xuất tăng, sức sản xuất tăng thì giá vốn tất giảm đi mà giá bán hạ theo. Người ta đã tính được rằng giá những sản phẩm kỹ nghệ trong một thế kỷ rưỡi nay giảm xuống chỉ bằng 1/37, 1/55, 1/800 (tùy món) giá hồi trước; giá các nông phẩm tuy cũng giảm nhưng vừa vừa thôi : 1/10 (lúa mì) hoặc 1/2 (khoai tây), còn giá những sản phẩm tam-đẳng như giá hớt tóc, học phí, vé hát. . , thì không giảm. Tôi nói giá đó là giá-thực, tính theo mãi lực của người lao động.

Nếu do một sự phát minh, năng suất tăng lên gấp năm gấp sáu trước, giá hàng sụt đi gấp hai gấp ba trong một thời gian rất ngắn (một vài tháng) thì tất nhiên có nhiều nhà kỹ nghệ, nhiều nhà buôn bị phá sản.

Rồi nếu — tại các nước tư bản — sức sản xuất tăng lên quá đến nỗi sản vật ối đọng thì giá càng sụt dữ và để giữ giá, có khi người ta phải hủy bớt sản phẩm đi : như Huê-Kỳ trong hồi kinh tế khủng hoảng 1929-1930 phải đổ cà phê xuống biển, phải dùng lúa để đốt lò trong khi đó hai phần ba nhân loại thiếu ăn. Vì cái tệ đó mà chính sách chỉ huy kinh tế đã lần lần được nhiều quốc gia áp dụng : Sản xuất mạnh là quí, nhưng không thể sản xuất một cách hỗn loạn được.

Lại thêm giá sản phẩm — tính theo tiền — khác nhau rất xa tùy từng xứ. Chẳng hạn giá :

Sản phẩm nhị-đẳng	*ở Le Caire*	*Paris*	*New-York*
Máy thâu thanh (loại rẻ tiền)	22.000 f	12.500 f	6.500 f
Mền len (cho một người)	3.700	2.000	1.700
Ki-lô-oát giờ điện	20	16	8
Sản phẩm tam-đẳng			
Công tháng một lao công	3.500	9.500	30.000
Hớt tóc	30	60	215
Công giờ một người giúp việc nhà	25	50	200

Ai có dịp đi ngoại quốc đều phàn nàn rằng giá hớt tóc, uốn tóc ở Âu, Mỹ đắt ghê gớm (nhiều bà ở nước nhà mỗi tuần đi «gội đầu» mội lần mà qua Paris sáu bảy tháng không hề bước chân vào một tiệm uốn tóc), và nhận thấy rằng chỉ những gia đình rất giàu có mới dám mướn người giúp việc nhà. Các ông kỹ sư, bác sĩ, giáo sư ở Paris, London về nhà đều phải đánh lấy giày, rửa lấy chén.

Do hai lẽ trên (giá sản phẩm thay đổi thường trong một xứ và sai biệt nhau xa từ xứ này qua xứ khác) nên trong thời kỳ quá độ từ nền văn minh sơ-đẳng qua nền văn minh tam-đẳng, nghĩa là trong thời kỳ kỹ thuật tấn bộ, trong thời đại hiện nay, tiền tệ ở nước nào cũng không được ổn định lâu mà hối suất thường phải định lại. . .

Không có chi khó hiểu cả : giá cả, tiền tệ nhất thiết đều tùy thuộc sự sản xuất, mà khi kỹ thuật sản xuất thay đổi rất mau—có vậy mới là tấn bộ—thì tất nhiên giá cả, tiền tệ cũng phải chịu phần xáo động. (1)

— Còn sự xáo động này nữa ảnh hưởng rất lớn về phương diện xã hội, nhưng từ trước tới nay các nhà kinh tế học ít lưu tâm tới, là *giá trị của tư sản giảm lần đi*. Người ta ít lưu

(1) Nhưng có điều này chưa ai hiểu được nguyên nhân : cả trong những thời bình thường, thịnh vượng mà tiền tệ ở Âu Mỹ cũng mất giá đều đều, trung bình là 3% mỗi năm.

tâm tới vì thực ra nó không phải là một sự xáo động trong đời sống, trên thị trường, mà chỉ là một sự biến chuyển lần lần, khó nhận ra được trong một thời gian ngắn.

Ông Fourastié trong cuốn «Le grand espoir du 20è siècle», trang 123, đã tính giá và lợi tức một héc-ta ruộng rất tốt ở miền Aisne (Pháp) và thấy rằng giá một héc-ta năm 1830 bằng 14.200 giờ làm việc của một người lao động, năm 1939 chỉ bằng 2.700 giờ. nghĩa là giảm xuống còn *một phần năm*.

Trong cuốn «Machinisme et bien être» ông cũng bảo rằng năm 1929, giá-thực (nghĩa là giá tính theo lương công nhân) của ruộng đất ở Pháp chỉ bằng một phần tư giá những năm 1879-81, nghĩa là chỉ trong nửa thế kỷ, giá trước là 4 nay chỉ còn 1. Giá nhà cửa lâu đài năm 1924-25 chỉ bằng 40% giá năm 1889. Riêng các nhà máy thì giá có tăng từ năm 1851 đến năm 1925 nhưng đã lần lần hạ xuống rồi.

Từ 1910 đến 1960, châu thành New-York kiến thiết thêm biết bao nhiêu, vậy mà giá tổng số các nhà cửa, dinh thự năm 1960 còn thấp hơn giá tổng số các nhà cửa, dinh thự năm 1910 nếu không tính theo Mỹ kim mà tính theo tiền công giờ của lao động.

Nhận xét mới mẻ đó của Fourastié có một giá trị rất lớn về phương diện xã hội. *Sự tấn bộ về kỹ thuật làm cho giới chủ nhân suy lần đi, mất bớt quyền lực đi.* Tính theo nhân công thì ruộng đất, nhà cửa ở Huê-Kỳ rẻ hơn ở Pháp, ở Pháp rẻ hơn ở Việt-Nam, vì nước nào kỹ thuật càng phát triển mạnh thì tư sản càng mất giá (1).

Ở nước ta, nhiều điền chủ đã nhận thấy rằng hoàng kim thời đại của mình qua rồi, họ đã chuyển qua nghề buôn, cho con cái học lấy một nghề để nuôi thân. Không còn hạng «cậu» suốt năm họp bạn đờn ca, ăn nhậu, lâu lâu lái xe đi chơi, đợi tới ngày mùa ngồi ca nô đi thu lúa ruộng nữa. Thời nay ở Âu, Mỹ, sản xuất có lợi hơn là làm chủ, lao động sướng hơn là tư bản ; có một nhà máy hay một đồn điền không lợi bằng có một kho đồ cổ, một tủ sách cổ vì những vật này đã không mất giá mà còn mỗi ngày một tăng giá. Chúng ta chẳng thấy những bức họa của Gauguin, Van Gogh quí như vàng đấy sao ? còn bức họa La Joconde thì thực là vô giá : người ta tốn không biết bao nhiêu công phu và tiền của chở nó từ Paris qua New-York để triển lãm trong vài tháng.

Nếu ai vẫn còn có ý muốn làm chủ đất thì tôi khuyên đừng mua ruộng mà mua đất ở Sài-Gòn hoặc Long-Hải, Đà-Lạt vì dân số các đô thị sẽ còn tăng mạnh nữa mà sống chen chúc ở Sai-Gòn khó thở quá, cũng muốn chiều thứ bảy đi nghỉ cuối tuần ở bờ biển hay trên núi. Nhưng cũng nên coi chừng đấy : tại Tel Aviv (thủ đô Israel), đất cất nhà đất cũng bằng ở Paris và chính phủ Israel đã có ý quốc

(1) Max Pietsch trong cuốn «La révolution industrielle» (Payot-1961) cũng nhận định như vậy : tư bản sẽ không tồn tại nữa khi văn minh cơ giới thay thế hẳn văn minh nông nghiệp.

hữu hoá đất thổ cư để con buôn khỏi đầu cơ (1).

— Sự tấn bộ về kỹ thuật còn có một hậu quả đáng mừng nữa là *giá trị tinh thần sẽ mỗi ngày một tăng* : trường học mở thêm rất nhiều mà vẫn thiếu, sách báo xuất bản thêm hoài mà vẫn bán được và người ta đã tính rằng chỉ hai ba thế hệ nữa, gần hết dân Pháp đều có trình độ tú tài, lúc đó mới thật là hoàng kim thời đại của văn chương, nghệ thuật.

Nhưng ta cũng phải nhận rằng về phương diện đạo đức thì hiện nay chưa thấy có sự tấn bộ nào cả, hình như còn thụt lùi nữa.

— Còn hậu quả này nữa mà người ta thường viện ra để chỉ trích văn minh cơ giới : sự tấn bộ về kỹ thuật gây ra những cuộc *khủng hoảng kinh tế* trầm trọng và *nạn thất nghiệp*.

Vấn đề rất phức tạp, các nhà kinh tế học đã tranh luận mấy chục năm nay mà vẫn chưa giải quyết xong. Chúng tôi chỉ xin tóm tắt dưới đây ít ý kiến của Fourastié trong các cuốn : Histoire de demain, Pourquoi nous travaillons, Machinisme et bien-être :

✱ Người ta bảo máy thay thế con người trong sự sản xuất và khi có một cái máy được chế tạo ra thì có hằng trăm người thợ phải thất nghiệp ; do đó mà gây ra những xáo động lớn trong xã hội. Năm 1817, thợ thuyền nước Anh nổi loạn để phản đối sự dùng máy trong kỹ nghệ, chính phủ đàn áp và có cuộc đổ máu ; ở Pháp, thế kỷ trước cũng có những cuộc nổi loạn của thợ dệt để đập phá các máy dệt. Hiện nay những cuộc nổi loạn như vậy không còn nữa, nhưng vẫn còn một số người lo rằng loại máy tự động sau này sẽ làm cho đời sống của giới lao động khó khăn hơn.

Theo Fourastié, lo lắng như vậy là vô lí vì công việc của loài người có hạn định đâu, nó tăng hoài, đổi mới hoài. Năm 1800 nhân loại không có một cái máy nào cả, tám chục phần trăm dân chúng làm ruộng mà chỉ bận việc trong những ngày mùa còn các tháng khác thì gần như ở không. Từ khi kỹ thuật tấn bộ, số người làm ruộng giảm đi tại Âu, Mỹ, chỉ còn vài ba chục phần trăm, đa số nông dân đã di cư ra thành thị làm trong các nhà máy, các hãng buôn, chứ có thất nghiệp cả đâu. Là vì muốn chế tạo một cái máy để thay thế một số người lao động thì cũng phải tốn nhiều công (vẽ kiểu, nguyên liệu, chế tạo từng bộ phận, lắp, chuyên chở, giữ gìn...) nghĩa là cũng phải dùng sức lao động, tới khi máy chạy rồi, sức sản xuất tăng lên, giá hoá phẩm rẻ đi, mãi lực của công nhân tăng lên mà có thêm nhu cầu mới, thì lại phải sản xuất thêm nữa, nghĩa là phải dùng thêm nhân công nữa.

Vậy một xí nghiệp có thể giảm số thợ khi dùng một máy mới, nhưng rồi số thợ đó cũng sẽ kiếm được việc khác trong những xí nghiệp khác. Hiện nay ở Âu Mỹ, nhiều chủ xí nghiệp đã có một thái độ đáng khen là cam đoan giữ tất cả số thợ khi hãng muốn tân-thức-hoá phương pháp sản xuất ; hãng sẽ tân-thức-hoá từ từ, từng giai

(1) Theo Klatzmann trong cuốn «Les enseignements de l'expérience israélienne P.U.F. 1962.

đoạn một, và số thợ dư trong phòng, trong xưởng này sẽ đưa qua phòng khác, xưởng khác. Tóm lại, có tình trạng thất nghiệp thật, nhưng chỉ là trong giai đoạn biến chuyển mà thôi, mà phải biến chuyển để canh tân chứ. Không nên vì cái hại nhỏ mà bỏ cái lợi lớn.

★ Nạn khủng hoảng kinh tế không do máy móc gây nên mà do sự sản xuất và sự tiêu thụ không ăn khớp với nhau. Vì các xí nghiệp tranh nhau sản xuất cho nhiều để giá được hạ, không nghiên cứu kỹ nhu cầu của dân chúng, nên sản phẩm mới ối đọng, mất giá và phải thải bớt người làm công đi.

Muốn tránh nạn đó thì phải dự tính về kinh tế và lập một kế hoạch sản xuất hợp với dự tính đó. Phải nghiên cứu quỹ chi tiêu của các gia đình, nhất là trong giới cần lao, để biết đại khái sức tiêu thụ của dân chúng là bao nhiêu về mỗi sản phẩm rồi tùy đó mà lập chương trình chế tạo.

Nguyên tắc giản dị như vậy mà thực hành rất khó. Vì phải điều tra kỹ lưỡng lắm, việc này rất tốn công tốn tiền, mà điều tra cũng khó đúng được nhu cầu của dân chúng thường thay đổi bất ngờ, nhất là những sản phẩm mới, cho nên ở các nước tư bản không sao tránh được tình trạng này : có những món hàng hiếm hoi và những món hàng thừa thãi.

Đó là điều tra về nhu cầu trong nước. Điều tra về nhu cầu trên thế giới để lập chương trình chế tạo những sản phẩm xuất càng lại càng khó gấp bội. Ai có biết được đích xác nhu cầu đó đi nữa mà không biết được chương trình của các nhà cạnh tranh với mình thì làm sao có thể dự tính cho đánh được ? Vì vậy môn nghiên cứu thị trường là môn rất phức tạp, càng ngày càng đóng vai trò quan trọng trong ngành thương mãi.

Vậy trong giai đoạn quá độ giữa hai nền văn minh sơ-đẳng và tam-đẳng, luôn luôn có sự bất ổn trong việc sản xuất và dùng nhân công. Chẳng những giá cả sẽ lên xuống thất thường mà sản nghiệp của các nhà kinh doanh cũng dễ suy sụp, sự thất nghiệp của lao động cũng dễ xảy ra. Nhưng xét trong một thời gian ngắn vài chục năm thì như vậy mà xét trong một thời gian dài một hai thế kỷ thì sự tấn bộ về kỹ thuật chỉ có lợi chứ không có hại cho giới lao động. (1)

— Do những hậu quả kể trên : thiếu ổn định về giá cả tiền tệ, giá trị của tư bản giảm lần, kinh tế thường bị khủng hoảng tế, thợ thuyền dễ bị thất nghiệp, mà *mọi giai cấp đều thấy bất mãn.*

Người giàu bất mãn vì thấy lợi tức của mình giảm đi, nhà cửa. đất cát mất giá và sản nghiệp dễ tiêu tan, sự làm ăn mỗi ngày một khó gì giới lao động đòi hỏi quyền lợi mỗi ngày một nhiều.

Người nghèo bất mãn vì lo bị thất nghiệp, vì nhu cầu tăng lên mau mà

(1) Ở Nga nền kinh tế bị chỉ huy chặt chẽ, sự sản xuất và cả sự tiêu thụ đều phải theo kế hoạch của chính phủ, nên không có nạn thất nghiệp nhưng lại có cái hại là người lao động có khi không được lựa nghề ; hết việc ở chỗ này họ phải qua chỗ khác theo sự chỉ định của nhà cầm quyền.

không thỏa mãn kịp : xưa kia hễ có được cơm ba bát, áo ba manh là mãn nguyện, nay phải có thịt, có rau, có đủ protéine, đủ sinh tố, phải có vài bộ đồ làm việc, một bộ đồ dự tiệc, có áo mưa, áo lạnh ; xưa trẻ ở nhà giữ em, lớn lên một chút thì chăn trâu, cắt cỏ, giúp việc đồng áng, nay phải cho nó đi học, học trường công rồi nghỉ hè lại học thêm trường tư. Và cả giàu lẫn nghèo đều thấy những giá trị cổ truyền suy sụp : nhân nghĩa là tiếng ngoài môi, an bần lạc đạo là lời ru ngủ ; chỉ có sự thành công — nghĩa là kiếm được nhiều tiền — mới là đáng quý : có tiền thì mới có tri thức, có tiền thì mới có tự do, mới được luật pháp bênh vực, được người khác niềm nở với mình. Bác ái, bình đẳng, tự do rút lại chỉ là vấn đề sinh tố T (tiền) cả.

Quả thực nhân loại trong thời đại này đã xuất thế thăng bằng trong những thế kỷ trước và chưa tạo được một thế thăng bằng mới. Kỹ thuật lôi cuốn con người tới một tương lai chưa biết ra sao. Đời sống cứ mỗi ngày một khó khăn, bấp bênh thêm. Đảo chánh rồi chiến tranh, xáo trộn lung tung. Chỉ biết có ngày nay mà không chắc có ngày mai. Chẳng biết tin cậy, trông mong vào một cái gì cả. Đó là lời phàn nàn chung của mọi người.

Xét vậy cũng lại chỉ là xét gần, chứ nếu xét xa, nhìn lại quá khứ, nhìn lại thế kỷ thứ 18 ở châu Âu và đầu thế kỷ 20 ở châu Á rồi nhìn tới tương lai mà ông Fourastié đã vạch cho ta trong đồ-biểu ba nền văn minh (B.K. 189 trang 48), thì ta sẽ thấy tình trạng xáo trộn, bất ổn hiện thời là cần thiết cho sự tấn bộ của nhân loại, nó báo hiệu một nền văn minh mới tốt đẹp hơn, phong phú hơn, công bằng hơn mà nhân loại sắp đạt được. Trong nền văn minh đó, nhân loại sẽ giải quyết được những vấn đề dưới đây :

• Cải thiện đời sống gia đình và xã hội, khuếch trương sự an ninh xã hội (sécurité sociale).

• giải tỏa các đô thị quá đông đúc,

• tăng số ngày nghỉ ăn lương trong mỗi năm,

• giảm thiểu, nếu không trừ được hẳn sự thất nghiệp bằng những kế hoạch sản xuất và tiêu thụ,

• bình dân hoá nền giáo dục : trẻ em bất kỳ trong giới nào cũng sẽ được xã hội cung cấp cho đủ phương tiện để học đến nơi đến chốn,

• nâng cao địa vị của phụ nữ : đàn bà sẽ hoàn toàn bình đẳng với đàn ông vì sẽ lãnh mọi nhiệm vụ trong xã hội như đàn ông mà đàn ông cũng phải chia xẻ nhiệm vụ trong gia đình với đàn bà (hiện nay ở Tây-Đức, cứ ba người hoạt động, nghĩa là làm một nghề gì, thì có một phụ nữ ; tỉ số đó sẽ còn mỗi ngày mỗi tăng),

• san phẳng các giai cấp : giới thợ thuyền sẽ có mức sống, lối sống như giới trung lưu mà giới này gồm những người trong hoạt động tam-đẳng, chiếm tới 80% tổng số người hoạt động, còn giới tư-bản thì sẽ lần lần mất hết đặc quyền và ưu thế. Theo Max Pietsch (La révolution industrille đã dẫn) thì hiện nay tại Hambourg một tỉnh ở Tây Đức, thanh niên trong

thợ thuyền không hiểu tiếng prolétariat — vô sản — và không chịu nhận rằng họ ở trong giai cấp đó.

Ông Louis Armand (theo Encyclopédie univeselle — sách đã dẫn) còn mong rằng :

• loài người sau này sẽ hằng năm, hằng tháng hoặc hằng tuần được thay đổi công việc làm như ngày nay chúng ta thay đổi món ăn, như vậy để khỏi phải chán việc và cũng để phát triển được hết khả năng của mình,

• hạng trí thức cứ làm việc năm sáu năm sẽ được nghỉ một năm, trở về trường Đại-học sống lại đời sống sinh viên trong một năm để trau dồi thêm kiến thức mà theo kịp những tấn bộ về ngành của mình.

Nhược điểm của nền văn minh tam-đẳng : một xã hội đơn điệu, mất tự do ?

Mặc dầu rất lạc quan và tin tưởng ở sự tấn bộ của kỹ thuật, ông Fourastié cũng ngại rằng văn minh tương lai tức văn minh tam-đẳng sẽ không hoàn toàn đẹp đẽ.

Rất có thể rằng xã hội tương lai sẽ đơn điệu, nhất luật. Á, Phi sẽ như rập một khuôn với Âu, Mỹ. Chẳng những về kinh tế, chính trị mà cả về văn chương, mỹ thuật. . ., mọi hoạt động của các dân tộc sẽ phải theo những quy tắc chung, những qui tắc của khoa học. Vì không ai có thể chống cự với khoa học được. Một khi khoa học đã chứng minh rằng phải làm việc theo lối đó mới có hiệu năng, phải ăn ở theo lối đó mới hợp lí thì cá nhân khó mà còn sáng kiến được. Lúc đó chúng ta sẽ uống một li nước cà chua, một li sữa với một viên Multivitamin mỗi buổi sáng, sẽ tính toán mọi cử động sao cho tác động được mau mà đỡ phí sức, ở những căn nhà y như Âu Mỹ, tiêu khiển y như Âu, Mỹ, thờ phụng y như Âu, Mỹ ... và cái áo dài phất phơ của phụ nữ Việt-Nam cũng nhường cho một kiểu áo hợp lí hoá của Âu, Mỹ.

Đáng buồn hơn nữa là cá nhân có lẽ sẽ bị bóp nghẹt. Chính quyền sẽ có đủ phương tiện rất mạnh để bắt dân phải theo đúng một đường lối, sẽ định đoạt kế hoạch sản xuất, thương gia, kỹ nghệ gia nếu còn thì gần thành hạng công chức, sự sản xuất sơ-đẳng và nhị-đẳng sẽ nằm trọn trong tay một số ít người và vài trăm kỹ-thuật-gia sẽ điều khiển đời sống và công việc của hằng triệu người. Chính quyền sẽ tổ chức tỉ mỉ lối sống của cá nhân và nhân-loại sẽ như một tổ ong vĩ đại.

Điều đó, Burnham đã tiên đoán từ hai chục năm trước. Trong cuốn «L'ère des organisateurs» (Calman Lévy-1946) Ông bảo rằng một nhóm « manager »— tức nhà tổ chức — sẽ điều khiển chính sách kinh tế và tài chánh của mỗi quốc gia.

Sau Burnham, André Siegfried cũng phàn nàn rằng chúng ta càng ngày càng bỏ xa đường lối dân chủ ở thế kỷ 18,

vì chính sách chỉ huy thời nay đòi hỏi những nhà kỹ thuật hơn là những người đại-biểu cho dân chúng.

Jean Billy trong cuốn «Les techniciens et le pouvoir» (P. U. F. - 1963) cũng ngại rằng quyền hành của bọn kỹ thuật gia sẽ mỗi ngày một mạnh, nhất là sau này loại máy tự động sẽ đưa tới sự tập trung kỹ nghệ, sự tổ chức thị trường. Hiện nay bọn đó không thích nắm chính quyền đâu, chỉ muốn có một chính phủ mạnh mẽ chịu nghe lời khuyên cáo của họ thôi. Nhưng tới khi có sự xung đột giữa chính quyền và họ thì có gì bảo đảm rằng họ không tìm cách chen chân vào chính trường, nắm hết quyền hành mà thành một bọn kỹ-phiệt (technocrate) cũng độc tài như bọn quân-phiệt ?

Nghĩ tới điều đó, ông Fourastié hơi lo, cho nên trong cuốn «Le grand espoir du 20è siècle» ông viết :

« Đã gần tới cái lúc mà (...) loài người có thể nghĩ tới việc sáng lập một triết lý mới cho thời đại mới » rồi trong cuốn «Histoire de demain» ông lại viết :

« Người ta phải tin ở nhân loại, nhân loại càng ngày càng biết cách dùng kỹ thuật để thỏa mãn nhu cầu của mình ; mà nếu có nhu cầu nào tăng tiến cùng với mức sống của một dân tộc thì nhu cầu đó chính là nhu cầu được tự do ».

Nghĩa là ông mong rằng cái triết lý cho thời đại chúng ta là thứ triết lý tôn trọng tự do, tôn trọng cá nhân.

Phải, chúng ta nên tin ở nhân loại. Đại chúng mỗi ngày mỗi khôn ; khi quyền hành tập trung vào bọn kỹ phiệt thì Quốc hội, các đảng phái các nghiệp đoàn, cả cơ quan hành chánh và báo chí nữa sẽ tìm cách lật họ, sẽ đòi cái quyền kiểm soát và sa thải những viên giám đốc thiếu tinh thần phục vụ, mượn danh nghĩa khoa học để phản lại nguyện vọng của nhân dân.

NGUYỄN-HIẾN-LÊ

Trích trong cuốn « Thế giới trong tương lai, Việt-Nam trong hiện tại»

đã do **LÁ BỐI** *phát-hành*

☆ **TÌNH NGƯỜI** *của TÂM-QUAN*

chuyện của một chú tiểu do chính chú tiểu viết

Giá 30 đ.

☆ **ĐẠO PHẬT ĐI VÀO CUỘC ĐỜI**

của NHẤT-HẠNH

tập khảo luận về những vấn đề then chốt của đạo Phật và dân tộc.

Giá 45 đ.

بسم الله الرحمن الرحيم

Tập tục của người Hồi Giáo

● *DOHAMIDE*

Khi đoàn lạc đà ngừng lại nơi nào thì mọi việc hạ trại, căng lều... đều do người đàn bà đảm nhận, trong khi đó, bọn đàn ông chỉ ngồi với nhau ngắm nhìn mây bay, gió thổi...

II.— Gia đình người Hồi Giáo

(*xin xem B.K. từ 181*)

Cuộc sống gia đình Hồi-Giáo phải đặt trên căn bản tình thương và nghĩa vụ phù trợ (1). Riêng đối với người mẹ, Muhammad đã dành cho tất cả tấm lòng thành kính. Sách chép rằng nhân gặp một môn đệ, Muhammad có hỏi (2) :

— Người có còn mẹ không ?

— Dạ còn.

Hãy giữ lấy bàn chân mẹ ; nơi ấy có cả một Thiên-Đàng ».

Trong thời tiền Hồi-Giáo, địa vị người đàn bà ở Á.Rạp rất thấp kém khi người chồng chết, góa phụ thuộc quyền người thừa kế gần nhất và người thừa kế này có quyền lấy người góa phụ này làm vợ hoặc gả lại cho người khác.

Muhammad đã cải thiện tình trạng pháp lý của phụ nữ rất nhiều, mặc dù Thánh kinh *Cur-An* (3) vẫn cho

(1) CUR-AN, xu-rat XXX, a-yat 20-21.

(2) HOUSN AL OUSSOUA, trang 403.

(3) CUR-AN, xu-zat II, a-yat 228. và xu-rat IV, a-yat 38.

người đàn ông hơn quyền người đàn bà trong gia đình.

Trong Hồi-Giáo luật, tư cách pháp nhân của người đàn bà biệt lập với tư-cách pháp nhân của chồng. Do đó, người đàn bà có thể tạo mãi, chuyển nhượng,.. không cần có phép của chồng.

Hôn-nhân không tạo nên một cộng-đồng tài-sản giữa 2 vợ chồng và dù là động-sản cũng vậy. Trong trường-hợp theo tục-lệ địa phương, người phụ nữ phải đem bàn ghế, giường... đến trang hoàng phòng hoa chúc, thì người ta phỏng đoán rằng đó là tài sản của người vợ, mặc dù người này vẫn không thể chứng minh cụ thể cũng vậy.

Người đàn bà có thể tiếp tục quản trị sản nghiệp của mình, nếu sự quản trị đó đã có trước đám cưới. Tuy nhiên, có điều hạn chế là người vợ không thể sử dụng một phần ba tài sản để làm lợi cho một đệ tam nhân, nếu không có chồng cho phép.

Muhammad đã cho người đàn bà tước vị « bà chủ gia đình », chăm sóc mọi việc nội trợ cùng con cái (4) để cho chồng chu toàn mọi việc bên ngoài. Đây cũng là một sự phân công của xã hội A-Rạp cổ, người đàn ông phải lo liệu mọi việc an ninh bảo vệ của cải chuyển vận theo đoàn lạc đà. Nhưng khi đoàn này ngừng lại nơi nào thì mọi việc hạ trại, căng lều... đều do người đàn bà đảm nhận, trong khi đó, bọn đàn ông chỉ ngồi với nhau ngắm nhìn mây bay, như không quan tâm đến những việc nặng nhọc của người đàn bà chung quanh (5).

Trong cuộc sống vợ chồng người đàn ông có những nghĩa vụ sau đây:

1) Nghĩa vụ đồng cư.

Người chồng bắt buộc phải sống chung với vợ. Khi đã đưa vợ đến ngụ tại cư sở hôn nhân, người chồng không được phép bỏ người vợ cô độc và đi xa lâu ngày.

Nếu người chồng vắng mặt luôn, người vợ có quyền khiếu nại và có thể cho đó là nguyên cớ chánh đáng để xin ly dị, dù rằng trong thời gian vắng mặt này, người chồng hoặc gia đình chồng vẫn chu cấp đầy đủ, lý do : nghĩa vụ cấp dưỡng không thể thay thế nghĩa vụ đồng cư được.

Các lý-thuyết gia chưa đồng ý với nhau về thời hạn vắng mặt, có người nói là năm năm, có người nói là hai năm.

Trong cuộc đồng cư đó, người đàn ông phải làm « phận sự người chồng» của mình. Nếu khiếm khuyết điều này, do lỗi của người chồng, như bị bất lực chẳng hạn, người vợ có thể xin tiêu hôn, trong trường hợp không được biết sự bất-lực này khi cưới nhau.

Tuy nhiên, nếu sự bất lực do tai nạn hoặc xem có thể sẽ chữa khỏi, thì người chồng được ban cho thời hạn một năm. Qua một

---

(4) Bukhori quyển III, trang 19.

(5) Montagne, La civilisation du désert, trang 96.

năm đó, nếu người vợ xét thấy vẫn còn trinh, sự bất lực của người chồng bị xem là nguyên nhân chính đáng để xin tiêu hôn.

Trong trường hợp lúc làm đám cưới, người vợ không còn trinh nữa, như trường hợp người đàn bà tái giá chẳng hạn, thì sau thời hạn một năm kể trên, người ta áp dụng thể thức «thề». Nếu người chồng chịu thề rằng mình có đi lại với vợ như người thường, người vợ sẽ không được xin tiêu hôn nữa.

Nhưng nếu người chồng không chịu thề thì lời thề sẽ thuộc người vợ và sau lời thề này, sự bất lực của chồng bị xem là có thật.

Theo Trường phái *Ha-nê-phy* và *Sa-Phê-Y*, người chồng chỉ có nghĩa vụ thăm viếng người vợ, và người này không quyền kêu ca gì cả, mặc dù người chồng đã chấm dứt mọi việc ăn nằm theo lệ thường.

Có điều đặc biệt trong Hồi-Giáo luật, như đã rõ, là người đàn ông có vợ có quyền cưới thêm ba vợ nữa, cho nên nghĩa vụ trung thành theo chiều hướng này, không thấy ấn định nơi người chồng và có lẽ người đàn bà không thể đòi hỏi người chồng trung thành với mình được. (Điều này, trong xã hội Hồi-Giáo ngày nay, có lẽ không còn đúng nữa !)

2) Nghĩa vụ chia đều các đêm ngủ.

Đây là trường hợp có nhiều vợ và sự chia đều ở đây tính trên thời gian người chồng dành cho người vợ và cả những cử chỉ âu yếm giữa vợ chồng, không phân biệt người nào cả.

Cũng có một vài ngoại lệ :

— đối với người vợ ngỗ nghịch, người chồng có thể trừng phạt, để « nằm một mình » (6).

— khi cưới thêm một người vợ mới, người chồng được nghỉ bảy đêm liên tiếp chung phòng với người vợ mới này, nếu y là một cô gái còn trinh. Ngược lại, chỉ có ba đêm mà thôi.

— Khi phải đi xa, không thể đem theo tất cả vợ đi cùng, người chồng có thể chỉ mang theo một người thì có thể chọn tùy thích.

— Một người vợ có thể nhường « đêm ngủ » của mình cho một người vợ khác.

Mặc dù, trên lý thuyết, phải đối xử ngang nhau, nhưng trên thực tế các tác giả cho rằng thường người vợ cả và nhất là người vợ đã sanh con trai, luôn luôn được chiều chuộng hơn.

3) Nghĩa vụ cấp dưỡng và đối xử tử tế.

Trong gia đình, người chồng có địa vị trội yếu, nên phải đảm đương mọi chi tiêu, và không được bắt buộc người vợ phải làm việc để nuôi mình.

Nghĩa vụ này được miễn trong trường hợp người chồng quá nghèo khổ, không việc làm, nhưng với điều kiện là sự nghèo khổ này có

---

(6) Cur-An Xu-rat IV, a-yat 38.

trước đám cưới và người vợ đã biết rõ như vậy.

Trong trường hợp bình thường, nghĩa vụ cấp dưỡng này được tiếp tục trong thời gian hai vợ chồng còn chung sống với nhau.

Nếu người vợ *bị bỏ* (ta-lăk), thì trong thời kỳ ở vậy bắt buộc (sẽ nói ở đoạn sau) vẫn phải được người chồng cung cấp chỗ ở và thực phẩm như thường. (7) Sự chu cấp này sẽ không có, nếu việc *bị bỏ* là do lỗi của người đàn bà.

Người vợ bị rầy có quyền đòi hỏi sự cấp dưỡng của chồng, trong thời gian cho con bú, dĩ nhiên là đứa con này phải con chung (8).

Khiếm khuyết nghĩa vụ cấp dưỡng trong trường hợp bình thường, người chồng có thể bị người vợ xin tiêu hôn được.

Bên cạnh nghĩa vụ cấp dưỡng, người chồng không được quyền đối xử thậm tệ như đánh đập vợ.

Thánh Kinh *Cur-An* đã khuyên nên đối xử nhân đạo với người đàn bà (9). *Ha-Đit* đã ghi lại những sự trìu mến, dịu dàng của người chồng dành cho người vợ.

Sự bạo hành quá đáng của chồng có thể là một nguyên nhân chánh đáng cho người vợ xin tiêu hôn.

Trước trách nhiệm bao bọc kẻ trên, người chồng dĩ nhiên cũng có thể đòi hỏi ngược lại ở người vợ một số nghĩa vụ :

a) Nghĩa vụ vâng lời chồng.

Người vợ có nghĩa vụ phải tuân theo mọi đòi hỏi chánh đáng của chồng.

Người chồng có thể không cho vợ đi ra ngoài phố hoặc đến nhà một người nào khác.

A-yat 32, 33, *xu-rat XXXIII Cur-An* thực sự chỉ định quy lệ cho những người vợ của *Na-Bi* Muhammad mà thôi, nhưng sau đó do quyết định của *U-Mar*, lại được áp dụng luôn cho toàn thể phụ nữ Hồi-Giáo có chồng.

Quy tắc này có vài ngoại lệ, khiến người đàn bà có thể không cần có phép của chồng, như trường hợp đi thăm cha mẹ và các bà con thân quyến ở mực độ cấm giá thú.

Người ta nhận thấy tại vài nước Hồi Giáo, phong tục đã ép buộc giới phụ nữ trong tình trạng «Khuê môn bất xuất», đôi khi chỉ được ra ngoài ban đêm và mỗi lần đi như vậy, đều phải có những vị thân tín của chồng hoặc những bà già cả đưa đi mới được.

b) Nghĩa vụ đồng cư và trung thành.

Người vợ phải đến sống ở nhà do người chồng định và không bao giờ được phép đi khỏi nhà này nếu chồng không cho phép.

Tuy nhiên, cũng có trường hợp ngoại lệ :

— Nếu khi đám cưới có thỏa hiệp trước, người vợ có thể tiếp tục

---

(7) Cur-An, xu-rat II, a-yat 242.

(8) Cur-An, xu-rut LXV, a-yat 6.

(9) Cur-An, ku-rat II, a yat 229 và IV, 23.

ở nhà cho mẹ mình, người chồng sẽ không được phép buộc vợ đi ở với mình chỗ khác.

— Người vợ có thể không theo chồng đến cư sở hôn nhân, nếu nơi này không có điều kiện xứng đàng về luân lý, về an ninh mà y được quyền hưởng.

Xu-rat IV, a.yat 38 Kinh Cur-An có nói : « người bàn bà đạo đức là » người đàn bà biết vâng lời và phục « tùng ; trong thời gian chồng đi « vắng, họ sẽ biết giữ nguyên vẹn, « những gì vừa Thượng Đế đã ban « lệnh phán cho họ ».

Từ quy định đó, người vợ Hồi-Giáo phải tuyệt đối trung thành với chồng, dù ở trong hoàn cảnh nào.

Và lại, mọi sự đi lại ngoài vòng hôn nhân, gọi là *Zi-nah* đều bị xem là một trọng tội, bị xã hội kết án gắt gao, cho nên những mối tình vụng trộm tuyệt nhiên không bao giờ được dung dưỡng trong xã hội Hồi Giáo.

Với những nghĩa vụ hỗ tương kể trên, người ta thấv trong gia đình Hồi-Giáo mặc dầu địa vị thấp kém hơn chồng, người vợ vẫn được một phần nào đảm bảo về vật chất lẫn tinh thần.

Tuy nhiên, cũng như mọi định chế gia đình khác, hễ có những điều kiện tác thành và duy trì thì sau đó, cũng có những trường hợp tan biến. Đó chỉ là những cái khung, như con người ta phải đi trên một con đường.

Yếu tố khiến cho con người ta gắn bó với nhau trên con đường đó, trong gia đình Hồi-Giáo, vẫn là tình thương, vẫn là đức kiên nhẫn vẫn là sự hy sinh, vẫn là lòng người.

DOHAMIDE

ĐẠI NAM VĂN HIẾN sắp phát hành :

LƯỢC SỬ VĂN NGHỆ VIỆT-NAM

Nhà Văn Tiền Chiến 1930-45, phê bình văn học của THẾ PHONG.

— LỮHỒ trình bầy bìa. Sách in dày 500 trang, tái bản. Bản đẹp có thủ bút người viết 150 đ., đề tên cho ông *Đỗ-Mạnh-Tường*. Vị nào đã mua, khi sách in xong, sẽ ưu tiên gửi tới.

— Còn quí vị xin ghi tên làm độc giả dài hạn LOẠI SÁCH BẢN THẢO rất tiếc là đã muộn. Vì từ 1965, chúng tôi tạm ngưng phổ biến loại sách này. Tuy nhiên, từ tháng 9 đến 12-64 sẽ gửi tới quí vị, những cuốn của TRIỀU ĐẨU : MEN RƯỢU ĐẾ, *truyện dài* — THẠCH TRUNC GIẢ : CHÂN GIẢ LUẬN, *truyện kể triết học* — EVTOUCHENKO : NHÀ THƠ VÀ CUỘC ĐỜI, *dịch* — THẾ PHONG : ĐÀN BÀ, VÀ TỔ QUỐC, *thơ*. Quí vị nào chưa gửi trả sinh hoạt phí cho xuất bản cục 1964 xin gửi cho trước tháng 12 này.

— Mọi thư từ liên lạc xin gửi về ĐẠI NAM VĂN HIẾN, hộp thư 1123 SAIGON, THẾPHONG giám đốc văn học.

B. N. C. I.

BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE

S.A. au capital de : 120.000.000 F.F.
Siège social : 16 Bd des Italiens-Paris 9e

SAIGON

36 Rue Tôn-Thất-Đạm
Téléphone : 21.902 — 3 Lignes
135 Đại-lộ Nguyễn - Huệ
(Immeuble TAX)
Téléphone: 797 — B.P. No E-5

PHNOM-PENH

Moha Vithei Preah Bat Norodom
(ex Doudart de Lagrée)
Téléphones : 385 et 48
B.P. 122

SUCCURSALE DE HONGKONG

Central Building Queen's Road Central
Tel. 35.601
P.O. Box nº 763

La B.N.C.I. et ses filiales possèdent plus de 1.350 sièges en France dans les territoires d'Outre-Mer et à l'Étranger, notamment en A.O.F A.E.F. Antilles, Colombie, Uruguay, Sarre — Francfort-sur-le Main (Bureau de Représentation), en Afrique du Nord, Irak, Liban : (B.N.C.I. «; à A ») Madagascar et à la Réunion, à Djibouti, à Addis-Abeba. (Bureau de Représentation) (BANQUE NATIONALE POUR LE COMMERCE ET L'INDUSTRIE — OCEAN INDIEN) ; à Londres, Lagos Apapa, Kane, Ebute Matta Batta (British and French Bank) ; à Bâle (Banque pour le Commerce International) ; à Mexico (Banco de Atlantico) ; à Panama (Panama Trust Co. Inc).

BÀI HỌC LỊCH SỬ : KHI MỘT CHÍNH QUYỀN SUY YẾU.

NGUYỄN - PHƯƠNG

Jean Dupuis

một thương nhân Pháp đã làm mưa gió ở Bắc Kỳ

KHI Nguyễn-Oai, tuần phủ Bắc-Ninh, nói cho viên sĩ quan Pháp, Senez, biết rằng có một người Pháp đang tìm gặp ông ở cửa cấm, quan tuần không biết người khách mới nầy là ai, nhưng Senez rất biết và còn biết cả mục-đích của việc đồng bào ông viếng Bắc-Việt lần nầy. Đáp lời quan tuần, viên sĩ quan Pháp nói ngay rằng : «Đó là Jean Dupuis» Vậy Jean Dupuis là ai, và con người mà *Thực lục đệ tứ kỷ* (q. 47 tờ 24 a) gọi là «Phú nhân Đồ-phổ-nghĩa » đó đến Cửa Cấm vào ngày 9 tháng 11, năm 1872 để làm gì ?

JEAN DUPUIS Năm 84 tuổi

Jean Dupuis trước khi đến Cửa Cấm

Nếu nay chúng ta lần qua các sách người Pháp chép về Jean Dupuis, chúng ta sẽ thấy rằng, thương gia đó là một vị anh-hùng xuất-chúng, đáng được tiếng thơm trong sử-sách muôn đời về sau. Hippolyte Gautier chẳng hạn, trong quyển «Les Français au Tonkin» (Những người Pháp ở Bắc-Kỳ) xuất-bản năm 1884 đã, viết : «Ông là một trong số những người hiếm có ở Pháp, đã biết, không khác gì người Anh, lay chuyển óc hương nguyện để mang ra nước ngoài trí thông-minh và kho nghị-lực, khiến cho quốc-gia chúng ta khỏi vắng mặt trên thế giới ».

Kỳ thực, Jean Dupuis là một người mang nặng bầm tính phiêu lưu hồ-hải.

Sinh ngày 8 tháng 12 năm 1829 ở làng Saint-Just-la Pendue trong quận

Loire ở Pháp. Jean Dupuis khi còn ít tuổi đã ôm mộng viễn-du. Năm 1859, ông bỏ nhà sang Ai-cập, với những trù tính lớn. Bấy giờ là lúc Ferdinand de Lesseps đang đốc-công đào kênh Suez. Người ta đặc-biệt chú-ý đến tương-lai thủy-lộ mới nầy, và ai ai cũng bàn-tán về dự-án kiến thiết thành phố Ismailia, nằm trên bờ kênh trung độ giữa hai biển Dự-án nầy, như nay mọi người đều biết, đã không thành sự thực. Nhưng bấy giờ, ý của Dupuis là đến đó để chiếm trước đi một khu đất kẻo về sau đất trở thành đắt-đỏ.

Khi ông đang ở Alexandria để chờ đợi thực hiện ý-định, ông gặp chủ tàu Leroux và nghe được nhiều tin tốt về việc buôn-bán ở Viễn-Đông. Một tư tưởng xuất-hiện rõ-rệt trong óc ông. Đang khi kênh chưa đào xong, chi bằng đi du-lịch một chuyến ở miền xa xôi đó để gây tình quen biết, rất cần-thiết cho việc thương mại sau nầy. Gặp cơ-hội tướng Cousin Montauban dẫn quân sang đánh Trung-quốc năm 1860, ông liền gia-nhập đoàn viễn-chinh, với một số hàng-hóa trị giá gần ba vạn quan (francs). Một việc xảy ra làm cho ông càng tin-tưởng vào tương lai hơn : đến Hương Cảng, số hàng hóa của ông đã bán ngay được với giá gấp đôi !

Chẳng mấy chốc, chiến-tranh kết liễu, và hòa-ước giữa Trung-quốc với Anh-Pháp được đem ra thương lượng ở Bắc-Kinh.

Dupuis đến thăm kinh-đô này rồi trở về Thượng-Hải, định sẽ quay lại Ai-Cập. Không ngờ đến Thượng Hải, ông đổi ý. Ở khách-sạn Imperial Hotel, Dupuis gặp một người đồng hương tên là Eugène Simon, được Bộ Canh-nông Pháp gửi sang để dò thám sông Dương Tử. Simon đem ra tất cả các lý lẽ để dụ-dỗ Dupuis theo giúp mình, và Dupuis xiêu lòng.

Lúc đó, Đô-đốc Anh, Hoop, đang ngược sông Dương-Tử để lên cho đến Hán-Khẩu, có ý-định xét xem nên mở thương cảng nào chiếu theo Hòa-ước Bắc-Kinh. Simon và Dupuis đi theo đoàn thuyền Anh. Họ gặp phái bộ Sarel và Blackeston cũng lợi dụng cơ hội để đi vào nội địa Trung Quốc. Mục đích phái bộ Anh là tìm một con đường thông thương giữa miền Tây-Nam nước Tàu với các tỉnh thuộc Anh ở Ấn-Độ. Đoàn thuyền Anh lia Thượng-Hải ngày 11 tháng giêng, đến Hán-Khẩu ngày 11 tháng hai, 1861. Đang khi phái bộ Anh tiếp tục công việc khai thám, phái bộ Pháp dừng lại ở Hán-Khẩu. Simon và Dupuis đã phác họa đường đi của họ, tức là lên Tây-Tạng, Lassa qua Ko-ko-nor, Mông-Cổ, rồi về Bắc-Kinh. Thật là một dự-tính vĩ đại, nhưng đó chỉ là một dự tính. Về phần Simon, ông ở lại Hán-Khẩu để làm tờ trình về Pháp, và tôi không đi thêm nữa, còn Dupuis thì từ đó lăn lộn với việc buôn-bán.

Việc buôn bán ở vùng nầy, bấy giờ khỏi có tính - cách liều lĩnh, nhưng lại có nhiều chỗ lợi to. Khi Đô đốc Hoop ngược sông Dương-

Tử, loạn Thái-bình đang làm chủ Nam - Kinh. Hoop giữ trung - lập và liên lạc với loạn-quân. Đô-đốc cũng để lại đó một chiếc thuyền để bảo đảm sự đi lại. Trước những hành động như thế, loạn quân vẫn kính nể thương gia người Âu một phần nào. Mà bởi thương-gia người Âu có thể đi lại dễ-dàng hơn, họ cũng đồng thời hốt những mối lợi lớn hơn. Trong trường-hợp đó Dupuis quyết chí làm giàu.

Không ngờ cuộc đời là phù-vân có đó rồi có thể không đó. Cuộc đời của Dupuis diễn đi diễn lại mấy lần tấn tuồng nầy, hai lần đang khi ở Hán-Khẩu, và về sau, một lần nữa ở Hà-Nội vào đầu 1874. Ở Hán-Khẩu khi đã thành một phú thương, Dupuis bỗng bị quân cướp đoạt mất bốn thuyền hàng hóa. Một dịp khác, cách đó ít lâu, tất cả hàng hóa của ông bị cháy sạch, khiến cho một số vốn 50 vạn quan bị ra tro !

Nhưng, một người như Dupuis không nản chí. Nhờ quen biết nhiều với các quan ở các vùng lân cận, ông buôn-bán phát-đạt trở lại, nhất là trong việc buôn khí-giới. Lối 1866, ông không còn giao-dịch với tư-cách cá-nhân, mà với tư-cách một nhân-viên của các quan lớn, khiến cho công việc bớt phần liều-lĩnh. Về sau, năm 1872, cũng với tư-cách này, ông đã đòi ngược sông Hồng-Hà, và vì đó, tình trạng Việt-Nam đã rắc-rối lại càng rắc rối thêm.

Việc buôn khí giới cho các quan Tàu càng lâu càng có lợi, nên Dupuis muốn mở-mang lên mãi. Nhưng càng đi vào nội địa, việc thông-vận càng khó-khăn. Khí giới ông chở từ Hán-Khẩu lên đến Tứ-Xuyên phải mất 70 ngày. Vậy nếu phải lên đến Vân-Nam, hỏi còn phải lâu và nhọc, và nguy-hiểm hơn biết bao nhiêu ? Ấy thế mà từ lâu trước, Dupuis đã nghĩ đến việc lên tận Vân-Nam để tìm lợi. Năm 1868, một gặp-gỡ càng giục ông tiến mạnh về hướng đó và đồng thời nhấn mạnh về một con đường mới. Phái-bộ khai thám của Francis Garnier xuôi từ Vân-Nam có dừng lại ở Hán-Khẩu. Dịp đó, một người trong đoàn, khi gặp Dupuis, đã mách cho ông nầy biết về tình-trạng Vân-Nam và về « Song Koi ». Thật thế Joubert con người đó, về sau, đã viết lại rằng : « Khi chúng tôi qua Hán Khẩu, tôi có cho ông Dupuis, người đồng châu của tôi biết Vân-Nam có thể là một thị-trường quan-trọng về khí-giới và các hàng-hóa Âu-châu khác, và tôi nói với ông rằng, theo tôi đoán, thì con sông Bắc-kỳ là đường thông-vận vắn nhất và dễ-dàng nhất ».

Tại sao Vân-Nam lại là một thị-trường quan-trọng về khí-giới ? Như thế, chính là vì bấy giờ Vân-Nam đang ở giữa cuộc nổi loạn Hồi-Giáo. ở đây, dân theo Hồi-Giáo khá đông. Năm 1856, sau một cuộc xích-mích, người Trung-Hoa đã âm-mưu với nhà cầm quyền có ý tận-diệt những kẻ khác đạo đó. Không ngờ, tín-đồ Hồi-Giáo biết được và họ nổi dậy

trong toàn tỉnh, Họ chiếm được thành Đại-Lý ở phía tây. Ở phủ Lính-An, người cầm đầu của họ là Mã-Hiền một vị tướng hăng hái và tài ba, thường được người đồng thời tôn là Mã-đại-nhân. Khi đã làm chủ được các phủ huyện vùng Đông-Nam, ông dẫn năm vạn quân đến vây Vân - Nam - Sảnh. May sao lúc đó, kẻ trước kia chủ mưu giết Hồi - giáo, tự tử và Mã - đại - nhân bằng lòng điều đình với các quan Vân-Nam. Từ đó Mã-đại-nhân cùng với một số quân Hồi-Giáo trở nên những tôi con trung-thành của nhà Thanh và lãnh nhiệm-vụ trấn-an những người đồng đạo trong vùng.

Năm 1868-1869, Jean Dupuis đi chuyến đầu lên Vân-Nam. Đến nơi, ông phải liều-lĩnh lắm mới vào được thành vì mặc-dầu Mã-Hiền đã qui-thuận, quân Hồi-giáo còn vây cả chung-quanh thành. Các quan, nhất là Mã-đại-nhân, cho ông biết rằng, ngày trước, khi quân Cờ Đen chưa chận đường ở biên giới Hoa-Việt, hàng-hóa Tây-phương thường theo đường Việt-Nam chở lên bán. Không rõ đường sông đó có thể chở khí-giới lên được không. Giữa lúc các quan rất cần khí-giới, thương gia muốn có lợi, tất phải tìm cách cung cấp cho hết sức mau-lẹ. Nhưng dầu Dupuis rất ao-ước đi dò thám đường « Song Koi », chuyến đó ông cũng đành chịu vì loạn quân còn quá mạnh và quá hăng.

Về đến Hán-Khẩu tháng 5, năm 1869, vào tháng 9 năm sau, ông lại lên đường đi Vân-Nam với ý định khai thám đường sông Bắc-Kỳ cho kỳ được. Để thực-hiện ý-định táo-bạo đó, ông rời Vân-Nam-Sảnh ngày 25 tháng 2, 1871, bất-chấp lời ngăn-cản của Mã-đại-nhân và nhiều vị thượng-quan khác. Sự thực, bây giờ không gì nguy-hiểm cho bằng một cuộc hành-trình như vậy. Nhưng cùng với một người đồng-hành tên là Yu. ông mạnh-dạn ra đi. Tướng Mã thấy thế, lo-ngại bèn sai một đoàn quân theo hộ-vệ và viết nhiều thư giới-thiệu.

Vì phải tránh những sào-huyệt loạn-quân, Dupuis không qua đường Linh-An, thành-thử phải sẻ lối, xuyên thông những chỗ rừng hoang thú dữ cho đến Mông-Xá. Đoàn hộ-tống mệt-mỏi, sợ-hãi, không chịu đi nữa, nhưng viên quan Mông-Xá liệu cho nhà thám-hiểm một đoàn hộ-tống khác, và Dupuis đến được Mang-Hao ở dưới quyền của một tù trưởng của bộ-lạc Bạch-y tên là Dương-Minh. Dương-Minh cai trị Mang-Hao dưới quyền của các quan Vân-Nam và coi-sóc việc thuế không phải ở đây mà thôi mà còn ở Lao-Kay nữa. Nhưng từ khi quân Cờ-Đen đến chiếm Lao-Kay, quyền của ông chỉ quanh-quẩn ở Mang-Hao và nguồn lợi về buôn-bán không còn gì nữa. Nghe nhiều chuyện rùng rợn về quân Cờ-Đen, đoàn hộ-tống nản chí thoái lui. Dupuis một mình với Yu lên thuyền xuôi...

Rời Mang-Hao, Dupuis đến Tân-Kay, một chợ Dương-Minh mới lập từ khi mất Lao-Kay. Ở Tân-Kay, người ta cảm thấy rõ-rệt sự tai-

hại của quân Cờ-Đen hơn, nên người ta mong chính quyền Vân-Nam chóng lưu-ý đến mình hơn. Do đó, Dupuis, một kẻ có nhiều quen biết với chính-quyền Vân-Nam, đã được đón tiếp hết sức nồng-hậu.

Quân Cờ Đen ở Lao-Kay cũng không thể làm hại ông. Với những chứng thư của các quan Trung-Hoa, Dupuis được đồ đệ Lưu-Vĩnh-Phúc kính nể, chẳng những không ngăn trở ông mà còn để ông quan sát Lao-Kay cùng cho nhiều tin tức. Xuống một chặng nữa, Dupuis gặp quân Cờ Vàng ở Bảo-Lạc. Hoàng-Sùng-Anh vì được thư giới-thiệu của quan Mông-Xá, tỏ ra niềm-nở với ông. Cũng như Lưu-vĩnh-Phúc, Hoàng-Sùng-Anh mong rằng khách sẽ nói tốt về mình với nhà cầm-quyền Vân-Nam và nhờ đó, mình được qui-thuận với Trung-Quốc một cách dễ-dàng hơn chăng. Với hi-vọng đó, tường Cờ Vàng cố giúp đỡ Dupuis và cho ông biết rằng cách Bảo-Lạc không xa sẽ có đồn người Việt-Nam, nói cách khác, ông không thể đi xa hơn được nữa. Phần Dupuis, đến đây cũng đã thừa đủ để minh-chứng rằng « Song Koi » có thể thông-vận được nên ông trở lại Vân-Nam.

Các quan Vân-Nam, khi nghe Dupuis tường thuật lại kết-quả cuộc mạo-hiểm, tất cả đều hứng chí chẳng khác nào như đứng trước một chân trời mới. Họ thấy nào là khí giới được tiếp-vận nhanh chóng hơn, hàng-hóa quí lạ được đem đến dồi-dào hơn, sản-nguyên phong-phú của Vân-Nam được buôn đi dễ-dàng hơn, và tất-cả đó nhờ sự can-đảm của Jean Dupuis. Không lạ gì họ sung-sướng gọi ông ta là Đồ-đại-nhân, và nhận Đồ-đại-nhân làm lãnh-sự của họ trong việc giao-thương qua sông Hồng-Hà.

Trước hết, các quan Vân-Nam cũng như Jean Dupuis không nghĩ rằng Việt-Nam sẽ cản-trở việc giao thương họ trù-tính. Lý-do của cái nhìn lạc-quan này là họ kể Việt-Nam là đất phiên-thuộc của Trung-quốc, nên một khi đã có giấy của một đại-thần của Thiên triều như Tổng-Đốc Vân-Nam thì nhà cầm-quyền Việt-Nam tất phải tuân-phục. Về hàng-hóa, lần này cần nhất là khí-giới để bình-định toàn tỉnh, vì một khi có an-ninh các quan mới dễ khai thác sản-nguyên.

Con đường đi đã tìm được, dự án đại qui-mô đã vạch sẵn, Dupuis về đến Hán-khẩu vào tháng 12, 1871 và tức tối lên đường về Pháp để vận-động xin trợ lực trong cuộc phiêu-lưu mới này. Gặp Bộ trưởng Hải-quân là Trung Đô-đốc Porthuau vào đầu năm 1872, ông trình bày tường-tận việc khai thác sông Hồng-Hà với tất-cả sự quan-hệ, theo ý ông, của con đường thủy mới đó, cùng xin chính phủ Pháp can-thiệp làm sao cho Triều Huế công-nhận ông là một lãnh-sự của nhà cầm quyền Trung-Hoa. Điều ông ao-ước là được một chiếc tàu của chính-phủ Pháp đem ông đến Huế, vì như thế, sứ-mệnh ông sẽ có một bộ mặt chính-thức.

Đô-đốc Porthuau không khỏi khoái trá vì những khám-phá của Dupuis, nhưng đồng thời không thể hoàn-toàn nghe theo lời yêu-cầu của thương-gia. Nếu có khi ông hùa theo Dupuis mà nghĩ rằng Pháp có thể mở một thủy-lộ liên-lạc giữa Sài-Gòn và Vân-Nam, thì ông cũng thấy « có sự bất tiện trong việc đem Pháp kỳ bảo-vệ một việc kinh-doanh như thế ». Cuối cùng Bộ trưởng bằng lòng cho một tàu Pháp ở Sài-Gòn đem ông ra Huế, với phi-tổn do ông chịu, và dặn rằng : « nếu ông và người của ông có bị giết, chúng tôi không thể can-thiệp để cứu đầu ».

Vào đầu năm 1872, Dupuis có gặp ở Paris một thương-gia khác tên là Millot cũng buôn ở Thượng-Hải ; thương-gia này tán thành triệt-để chương-trình của Dupuis, sốt-sắng giới thiệu Dupuis với nhiều nhân-vật cao-cấp ở Paris, như Đô-đốc Krantz chẳng hạn, và từ đó cộng-tác với Dupuis trong một thời gian.

Cùng với Millot, Jean Dupuis tung-hoành. Ông trở lại viễn-đông, chuẩn-bị cuộc đột nhập Bắc - Kỳ. Ở Hương-Cảng, ông mua hai pháo-hạm Anh, một chiếc ông đặt tên là *Hong-Kiang*, chiếc kia là *Lao-Kai*, mua một chiếc xà-lúp ông gọi là *Sơn-Tây*, và một chiếc ghe các chú để chở hàng-hóa cho Mã-đại-nhân, gồm chừng 7.000 súng trường, 30 chiếc súng lớn, và chừng 15 tấn đạn-dược. Ông thuê George Vlavianos làm thuyền trưởng *Hong-Kiang*, d'Argence làm thuyền trưởng *Lao-Kai*, thuê một số cựu binh-sĩ để làm huấn-luyện-viên cho bộ đội Vân-Nam và thuê kỹ-sư Ducos de la Haille để coi việc khai mỏ.

Các việc vừa nói sắp đặt xong, ông đến Sài-Gòn để nhờ sự ủng-hộ của chính-quyền Pháp tại đó như đã được Bộ-trưởng Porthuau ưng - thuận. Bấy giờ ở thủ-đô Nam-kỳ, người đứng đầu là tướng d'Arbaud, xử-lý thường-vụ trong khi vắng mặt Đô-đốc Dupré. Chúng ta thử nghe Jean Dupuis nói về dịp này : « Tôi được cả thuộc-địa đón-tiếp nồng-hậu, và ngay khi đọc xong thư-từ, vị tướng ra lệnh cho chiếc *Bourayne*, lúc đó còn đang được sửa-chữa, phải chuẩn-bị sẵn-sàng. Tôi nói chuyện nhiều lần với các yếu-nhân của thuộc-địa : với ông Montjon, giám-đốc nội-vụ, với Đức cha Miche, và nhất là với ông Legrand de la Liraye, thông-dịch-viên của chính-phủ, có nhiệm-vụ phải biết một cách rành-mạch tình trạng bang-giao với người An-Nam. Chính ông là người đầu-tiên đã khuyên tôi đừng ra Huế trên một chiếc tàu Pháp, và cho tôi biết ác-ý của triều-đình cùng thái-độ xấc láo của người An-Nam đối với chúng ta kể từ những biến cố không may năm 1870 ».

Đúng như Dupuis nghĩ, nếu De la Liraye xét không nên dùng tàu Pháp để ra Huế, xin phép thông-thương qua sông Hồng-Hà, thì d'Arbaud cũng xét không nên, Montjon cũng xét không nên. Cuối cùng, chẳng những người Pháp ở Saigon

bác việc dùng tàu Pháp để ra Huế, mà còn bác cả việc xin phép triều-đình Huế nữa. Thay vào đó, suý-phủ Sài-Gòn định cho Senez dùng chiếc *Bourayne* đi tuần du lần nữa giống như đã làm vào hồi tháng hai, 1872 ; trong dịp đó Dupuis sẽ đến và Senez sẽ giúp Dupuis. Khi chào biệt, d'Arbaud còn thêm rằng : « Không ai bỏ ông đâu, hàng tháng chúng tôi sẽ cho một tàu đi liên-lạc với ông ». Chính vì dựa trên lời hứa đó mà Dupuis đã dẫn đoàn thuyền của ông đến Cửa Cấm ngày 9 tháng 11, 1872, và sau đó gặp Senez

NGUYỄN-PHƯƠNG

Kỳ tới : Jean Dupuis tung-hoành Bắc-Kỳ.

● Đàn ông làm luật lệ, đàn bà làm tập tục.

Guibert

● Trong tất cả những thời cách mạng, các biến cố được tạo nên không phải bởi những lời *viết* trên giấy, mà bởi những lời *nói* ở cửa miệng.

Hitler

« SỰ AN-NINH CỦA BẠN LÀ TÙY NƠI NGƯỜI BẢO-HIỂM BẠN

DESCOURS & CABAUD

BẢO HIỂM

27-29, Đại lộ Hàm-Nghi — SAIGON

Điện-thoại : 23.739

ACCIDENT — INCENDIE — TRANSPORTS — RISQUES DIVERS

Tai-Nạn Hỏa-Hoạn Hàng-Hải Linh-Tinh

ĐẠI-LÝ

của

MUTUELLE GÉNÉRAL FRANÇAISE ACCIDENTS

CENTRALE — RHONE MEDITERRANÉE

LA MUTUELLE DU MANS

Chi ngánh : PARIS TOURANE — CHOLON — DALAT — CANTHO VIENTIANE — HONGKONG TANANARIVE — TAMATAVE ABIDJAN DOUALA

THAI BANKING SERVICES IN SAIGON

Bangkok Bank Ltd.

SAIGON BRANCH

44, Nguyễn-Công-Trứ, 44

SAIGON

☆ ★ ☆

HEAD OFFICE

Plapplachai, Bangkok.

OVERSEAS BRANCHES :

London :	*Barrington House 56-67 Greensham Street, London, E.C, 2*
Tokyo :	*No 1, 2Chome Muromachi, Nihon-bashi, Chuo-ku, Tokyo*
Hongkong :	*60, Bonham Strand West.*
Central district :	*Shell House, Queen's Road.*
Kowloon :	*580 A. Nathan Road Kowloon.*
Singapore :	*64 South Bridge Road*
Kuala lumpur :	*14 Ampang Street.*

VẤN-ĐỀ PHÁT-TRIỂN NGÀNH THỦY-SẢN NGƯ-NGHIỆP Ở VIỆT-NAM

LÊ-DŨNG-DÂN

CUỘC tranh đua canh tân của các nước đang tiến ở khu vực Đông Nam Á trong mục đích nâng cao mực sống của người dân hiện đang ở một giai đoạn rất sôi nổi. Nước nào đặt được nền tảng kỹ nghệ trước ở trong bất cứ một ngành nào tức là chiếm được ưu thế về kinh tế trên những nước khác không những ở hiện tại mà cả ở tương lai.

Biển chiếm trên 70% diện tích của quả địa cầu và là nơi sinh sống của cả cây cỏ và động vật. Những động vật to lớn nhất sống ở biển. Những cây cao nhất mọc dưới biển và không có nơi nào chứa một nguồn thực phẩm nhiều hơn và dễ khai thác hơn là ở biển. Không kể các loài sâu bọ, khoảng 4/5 động vật mà loài người biết đến sống ở biển.

Thực phẩm của nhân loại được cung cấp từ hai nguồn: canh nông và thủy sản. Trong khi ở mặt canh nông ta phải gieo trồng và chăm sóc rất nhiều mới có thể thu được một số thực phẩm giới hạn bởi diện tích của đất đai được canh tác thì các sản phẩm mênh mông của ngành thủy sản vẫn được sản xuất đều đều ở biển mà không cần phải gieo trồng chi cả. Mặc dù nguồn lợi ở biển chỉ mới được nhân loại khai thác một phần rất nhỏ mà số sản xuất của các nước trên thế giới đã lên đến con số trị giá trung bình từ 3 đến 4 tỷ Mỹ kim hàng năm.

Nước Việt-Nam có một bờ biển dài 2500 cây số mà riêng miền Nam hiện tại cũng đã có gần 1800 cây số bờ biển, Bắc-Việt có sông Hồng-Hà và Nam-Việt có sông Cửu-Long là những kho chứa cá và thực phẩm mênh mông. Đứng về phương diện đánh cá, bề lục địa của biển Việt-Nam vừa dài vừa rộng, giàu phiếu

sinh vật, nhiều cá, lại có những hải lưu đưa các đàn cá di hành qua lại biển Việt-Nam gần như suốt năm, vậy mà ngành thủy sản ngư ngiệp của nước ta cho đến bây giờ vẫn không được phát triển, dân ta vẫn thiếu cá ăn, thậm chí ta còn phải nhập cảng thực phẩm về thủy sản từ ngoại quốc.

Sự bành trướng về mặt biển của Việt-Nam là một điều cần, hơn bao giờ hết, nó sẽ quyết định một phần lớn địa vị của Việt-Nam ở Đông Nam Á trong tương lai. Vấn đề tổ chức lại nền Thủy sản ngư nhgiệp ở Việt-Nam trong giai đoạn hiện tại là một điều cấp bách và phải được đặt lên hàng «quốc sách» trong chương trình phát triển kinh tế của chúng ta. Với vị trí địa dư thuận lợi, với số ngư phủ và những người sống về ngành thủy sản đến gần nửa triệu, chúng ta có đủ điều kiện để tin là sự phát triển đúng mức của ngành thủy ngư nghiệp sẽ có thể biến Việt - Nam thành một nước giàu và mạnh trong tương lai.

Sự cần thiết kỹ nghệ hóa ngành thủy sản ngư nghiệp và bành trướng về mặt biển của Việt - Nam là một điều không thể phủ nhận được. Tuy nhiên, vấn đề không phải có thể làm trong một ngày một buổi được, mà phải lập một chương trình sâu rộng và phải làm thế nào cho thế hệ trẻ của Việt - Nam ý thức được sự kiện trên vì chính họ là lớp người sẽ thực thi chương trình đó.

Nhìn lại hệ thống giáo dục của ta từ bậc tiểu học cho đến hết trung học chúng ta phải hết sức thất vọng mà thấy không có một khoảng nào dạy cho học sinh hiểu cái tầm quan trọng của nền kỹ nghệ thủy sản, mà cũng không có một môn riêng nào nói đến địa vị đặc biệt của biển đối với sự phát triển kinh tế của nước ta. Ngay cả đến bậc đại học ta cũng không có được một ban thủy sản. Đây là một điểm mà Bộ Quốc Gia Giáo Dục của chúng ta cần phải chú ý đến trong việc lập chương trình về sau.

Nhật-Bản là nước độc nhất ở Á châu đã sớm ý thức được tính cách quan trọng và nguồn lợi của biển đối với kinh tế của một quốc gia may mắn ở ngay trên bờ đại dương. Sở dĩ người Nhật khai thác được triệt để tài nguyên của biển cũng là nhờ họ có một chương trình giáo dục đặc biệt chú trọng đến biển và kỹ nghệ thủy sản ngư nghiệp. Trong phạm vi một bài báo chúng tôi không dám bàn rộng, chỉ muốn nhấn mạnh rằng việc thành lập một ban thủy sản ở viện đại học Việt-Nam là một điều cần thiết để đặt nền tảng cho sự phát triển về mặt biểu của chúng ta trong tương lai. Ở đây chúng tôi xin đề nghị một vài biện pháp có thể áp dụng ngay hiện tại trong kế hoạch chấn hưng nền thủy sản ngư nghiệp của Việt-Nam.

Ngư phủ Việt-Nam so với ngư phủ các nước khác ở vùng Đông-Nam-Á thời khéo léo và chịu khó hơn. Tuy nhiên năng suất của ta rất thấp vì chúng ta chỉ đánh cá ở vùng gần bờ biển. Nha ngư nghiệp trong mấy năm gần đây có phát động phong trào gắn máy

cho các ngư thuyền nhỏ và kết quả đã rất khả quan. Năng suất của các ngư thuyền có gắn máy đã tăng lên thấy rõ, tuy nhiên chúng ta không nên quên rằng nguồn lợi khổng lồ ở xa bờ biển cho đến nay vẫn chưa được chúng ta khai thác. Chính phủ cần phải nâng đỡ về mặt vốn liếng và kỹ thuật cho tư nhân để mướn hoặc thành lập những đoàn tàu đánh cá viễn-duyên trang-bị đầy đủ với điện thoại, máy định hướng, máy tầm ngư để khảo sát các ngư trường ở xa bờ biển, đánh cá bằng lưới bao (purse seine) hay lưới rà (trawl-net). Vốn bỏ ra hơi lớn song năng suất của lối đánh trên gấp trăm lần lối đánh cá bằng ngư thuyền của dân chài ta, thành thử trong một thời gian ngắn ta có thể thu lại vốn được. Sự cộng tác của Hải, Không quân Việt-Nam để tìm các đoàn cá lớn di hành gần hải phận của ta và tin cho các đoàn tàu đánh cá ta đến là một điều cần nên khuyến khích. Trước chiến tranh thứ hai, người Nhật đã dùng lối này và đã đạt được nhiều kết quả rất tốt đẹp. Chúng ta còn có thể hy vọng tìm thêm được nhiều loại cá quan trọng trên thị trường bằng cách tổ chức những cuộc thăm dò nghiên cứu ở các vùng nước sâu xa hải phận Việt-Nam.

Sự canh tân về các phương pháp đánh cá và việc máy móc hóa các đoàn tàu đánh cá đương nhiên sẽ đem lại cho ta một số cá thặng dư lớn sau khi đã cung cấp cho thị trường trong nước. Ta có thể xuất cảng ra ngoại quốc, chế biến thành thực phẩm hay giữ dưới những hình thức có thể để lâu và tiêu thụ dần dần. Để có thể giữ cá luôn luôn tươi và không bị giảm giá khi tiêu thụ, ta cần thiết lập thêm nhiều nhà máy lạnh ở các ngư cảng. Giá cá không bị hạ, đời sống của ngư phủ được bảo đảm hơn. Hiện tại ở các nước tiến tiến người ta dùng kỹ thuật ướp lạnh có thể giữ lâu đến 2, 3 tháng và bán ra thị trường dần dần dưới hình thức cá tươi ướp lạnh. Ngoài ra kỹ thuật đóng hộp không những làm cho cá có mùi vị thơm ngon hơn nhờ nước « xốt » mà còn có thể giữ được trong một thời gian rất lâu. Thêm vào đó sự di chuyển các hộp cá cũng rất dễ dàng.

Ở Nhật các công ty thủy sản ngoài việc ướp lạnh, đóng hộp các loại ngư sản họ còn đóng hộp luôn cả trái cây và chế biến thành thực phẩm, dược phẩm từ các hải sản như rong biển, dầu cá v.v . . . Nhật Bản là nước đầu tiên đã dùng cá làm xúc xích, lạp xưởng, thịt muối v.v . . . Và đã thu lượm được những kết quả vượt bực về phương diện tài chánh.

Đối với những loại cá không tiêu thụ được ở thị trường, ta có thể dùng để chế thành bột cá làm thức ăn cho gia súc. Việt-Nam là một trong những nước sản xuất nư ớc mắm ngon nhất. Chúng ta có thể tổ chức kỹ nghệ làm nước mắm đại quy mô hơn để xuất cảng ra ngoại quốc lấy ngoại tệ. Ngoài ra ta còn có thể khai thác các hải sản khác như rong biển, đồi mồi, hải sâm, ốc xà cừ để chế biến thành thực phẩm và đồ dùng.

Biển Việt-Nam cũng rất thuận lợi cho công việc khai thác muối đại quy mô. Nước biển gọi là «nước» nhưng chính là một dung dịch chứa nhiều

chất muối và chất khí khác nhau. Số muối chứa ở biển theo dự tính lên đến con số 5 X 10^{16} thước tấn, nhgĩa là đủ để trải khắp trên những phần đất của địa cầu một lớp dầy khoảng 150 thước. Ta còn tìm thấy trong nước biển nhiều chất khác như : thiếc, mangan, phốtpho, đồng, chì, uranium, bạc, vàng, cobalt v.v... Trong chiến tranh thứ hai người ta đã thành công trong việc lập những cơ xưởng kỹ nghệ để lấy «Magnesium» từ nước biển.

Với sự tổ chức những đội ngư thuyền mạnh, ta có thể xây dựng cùng một lúc nhiều cơ xưởng kỹ nghệ nhẹ khác và tạo nên công ăn việc làm cho một số rất lớn công nhân trong nước. Nhật Bản có khoảng 30 công ty thủy sản lớn mà riêng những công ty như «Taiyo Gyogyo» và «Nihon Suisan» mỗi công ty dùng từ 5.000 đến 10.000 công nhân. Đó là chưa kể những kỹ nghệ khác như kỹ nghệ dệt lưới, kỹ nghệ đóng thuyền, tàu đánh cá mà theo đà phát triển của ngành thủy sản đương nhiên sẽ có điều kiện để nảy nở theo.

Song song với chương trình phát triển thủy sản hải ngư nghiệp chúng ta cũng không nên quên rằng ngành thủy sản lục địa cũng đóng một vai trò rất quan trọng trong kinh tế của Việt-Nam.

Nước Việt-Nam, đặc biệt là ở miền Nam Việt-Nam, có nhiều sông ngòi, ao hồ và ruộng. Đất đai phì nhiêu đầy thức ăn cho cá rất thuận tiện cho việc dưỡng ngư. Từ xưa dân quê mình vẫn thích nuôi cá, nhưng vì tổ chức không có hệ thống và thiếu phương pháp nên lợi tức tương đối ít. Với sự phổ biến những phương pháp khoa học về cách đào ao, thông mương lấy nước bón phân, chọn giống, lối cho ăn v.v... chắc chắn ngành dưỡng ngư sẽ đem đến một nguồn lợi rất lớn.

Lựa những loại cá ngon và dễ nuôi ở ngoại quốc đem về gây giống tại các trung tâm nuôi cá của Việt-Nam. Thí dụ gần đây người ta đã dùng phi cơ để đem lươn con Nhật-Bản (Anguilla Japonica) qua gây giống tại Nam Mỹ.

Trong chương trình dưỡng ngư, ta có thể mở những cuộc nghiên cứu và ngăn bần những eo biển thích hợp dùng làm chỗ nuôi cá biển, nuôi sò hến và ngọc trai hến. Loại hến trước dùng để làm thực phẩm và loại hến sau dùng để cấy ngọc trai nhân tạo. Dọc theo bờ biển Việt-Nam có nhiều khu biển rất thích hợp cho công cuộc nuôi sò hến và ngọc trai hến. Chúng ta cũng có thể tổ chức nuôi tôm (Pchaeus Japonicus) ở những ao ven biển. Kỹ nghệ nuôi tôm từ hai năm nay phát triển rất mạnh ở miền Nam Nhật-Bản. Trung tâm nuôi tôm ở Takamatsu thuộc miền Bắc đảo Shikoku sản xuất trên 100 tấn tôm biển hàng năm, Việt-Nam có một trung tâm nuôi tôm ở gần Vũng Tàu, rất tiếc là sự tổ chức của ta không đúng phương pháp nên bị thất bại. Chỉ cần sửa đổi một ít về mặt kỹ thuật, ta có thể thu một số lời rất lớn về ngành này ở Việt-Nam.

Sự phát triển của ngành thủy sản ngư nghiệp tùy thuộc rất nhiều vào đường lối hành chánh và một cơ quan ngư

nghiệp khéo tổ chức. Trong giai đoạn chờ đợi để có điều kiện thành lập một phân-khoa thủy-sản ở bậc Đại học, chúng ta cần đào tạo thêm cán bộ thủy sản bậc trung-học về các môn Hải-dương, kỹ thuật đánh cá, dưỡng ngư, lái tàu, đóng hộp, ướp lạnh, chế biến hải-sản, dệt lưới v.v... đồng thời ta cần gửi nhiều cán bộ cao cấp đi thăm những trung-tâm kỹ nghệ ngư nghiệp nổi tiếng ở ngoại quốc hầu lập những chương trình thích hợp với điều kiện của nước nhà trong việc áp dụng các kỹ thuật mới. Cùng với việc giáo dục ta nên tổ chức nhiều cuộc triển lãm để kích thích sự chú ý của dân chúng về nguồn lợi ở biển và kỹ nghệ thủy sản, lập những thủy-tộc viện ở các thành phố như Saigon, Vũng-Tàu v.v...

Trên đây chúng tôi chỉ phác qua một vài nét sơ lược trong mục đích nhấn mạnh sự cần thiết phát triển nền thủy sản ngư-nghiệp ở Việt-Nam hầu tìm một trong những lối thoát cho kinh tế nước ta trong tương lai. Biển chứa một kho thực-phẩm vô biên và là nơi cung cấp năng lượng và sinh lực cho một phần rất lớn nhân loại. Số cá đánh được hàng năm trên thế giới vào khoảng 20 triệu tấn. Đó là chưa kể các sản phẩm khác như sò, hến, rong biển, thịt cá voi, hải cẩu v.v... tổng cộng số thực phẩm khai thác từ biển lên đến gần 29 triệu tấn mỗi năm. Con số này xem ra to lớn nhưng thật ra chỉ tượng trưng một phần rất nhỏ tài nguyên ở biển. Với đà tiến của khoa hải-dương, con người sẽ còn có thể khai thác những kho khoáng-vật mênh mông ở biển.

Các phương pháp đánh cá càng ngày càng tỏ ra hữu hiệu hơn nhờ những nghiên cứu khoa học. Hiện tại người ta có khuynh hướng dùng điện thay lưới để đánh cá. Phòng thí nghiệm điện-tử quốc-tế ở Hamburg, Tây-Đức, đã thành công trong việc dùng điện-cực để thu hút cá. Phương pháp này tuy chưa được phổ biến rộng lớn nhưng tỏ ra rất có triển vọng áp dụng được trong tương lai. Vấn đề canh tác ở biển cho đến nay vẫn còn là cái mộng của nhiều nhà khoa học, tuy nhiên một khi được phát triển toàn diện, nó sẽ là một cuộc cách mạng trên bước tiến của nhân loại tương tự như sự biến đổi từ trạng thái săn bắn qua trạng thái canh nông trên đất liền ở thời tiền-sử.

Nước Việt-Nam may mắn có đủ điều kiện địa-dư và nhân-lực để khai thác tài nguyên ở biển. Sự phát-triển đúng mức của ngành thủy sản ngư nghiệp không những đem đến cho dân ta một nguồn thực phẩm phong phú mà chắc chắn còn góp một phần rất lớn vào công cuộc chấn-hưng kinh-tế và quyết định ảnh hưởng của nước ta ở khu Đông-Nam-Á trong tương lai.

LÊ-DŨNG-DÂN

● Châm ngôn cho những kẻ quyền thế : nếu kẻ nào liếm giày anh, hãy đạp đầu hắn trước khi hắn khởi sự cắn anh.

Paul Valéry

QUÀ TRANG NHÃ

BẠN ĐỌC HÃY TÌM CHO ĐƯỢC :

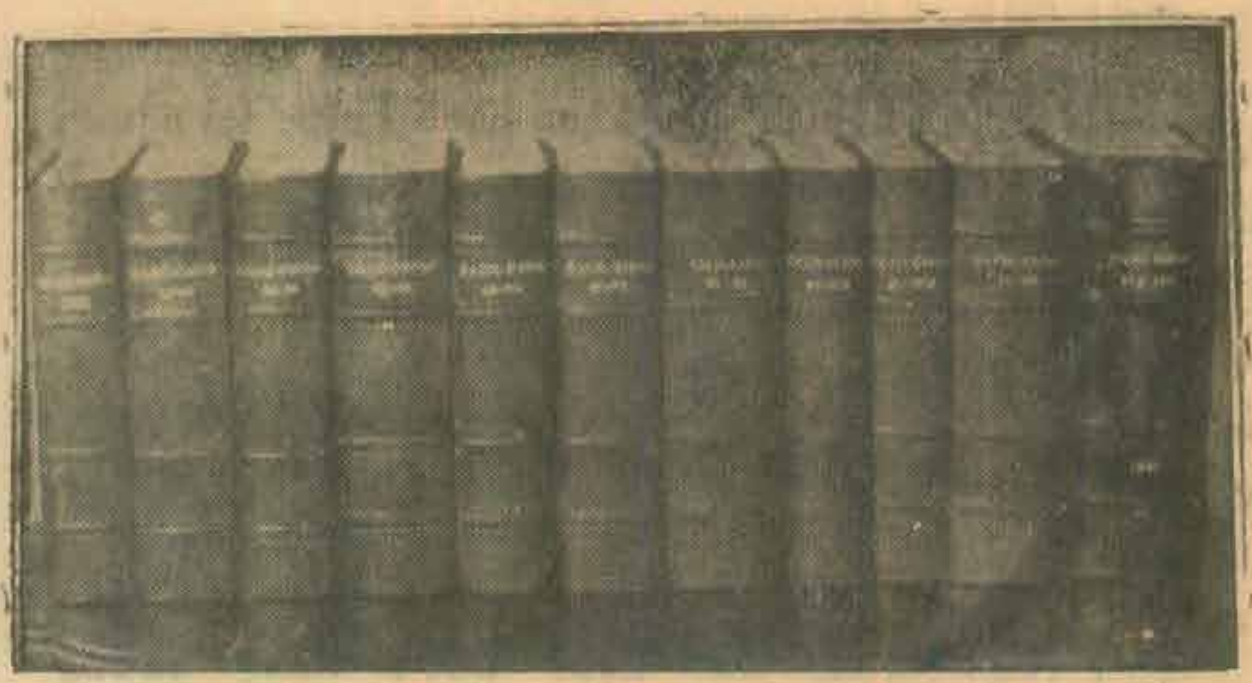

BÁCH - KHOA ĐÓNG TẬP

8 NAM : 23 TẬP

(188 SỐ)

8 TẬP (1957 — 60) MỖI TẬP 12 SỐ (giá 1 tập 110).

15 TẬP (1961 — 64) MỖI TẬP 6 SỐ (giá 1 tập 65).

(ở xa thêm cước phí)

MỘT BỘ BÁO CUNG ỨNG TÀI LIỆU MỌI MẶT, VỚI TRÊN 1600 BÀI BIÊN KHẢO VÀ TRÊN 1000 SÁNG TÁC VĂN NGHỆ ĐỦ LOẠI CÙNG 3 CUỘC PHỎNG VẤN LỚN VỀ VĂN NGHỆ VÀ HỘI HỌA

MỘT BỘ BÁO LỢI ÍCH CHO MỌI GIA ĐÌNH

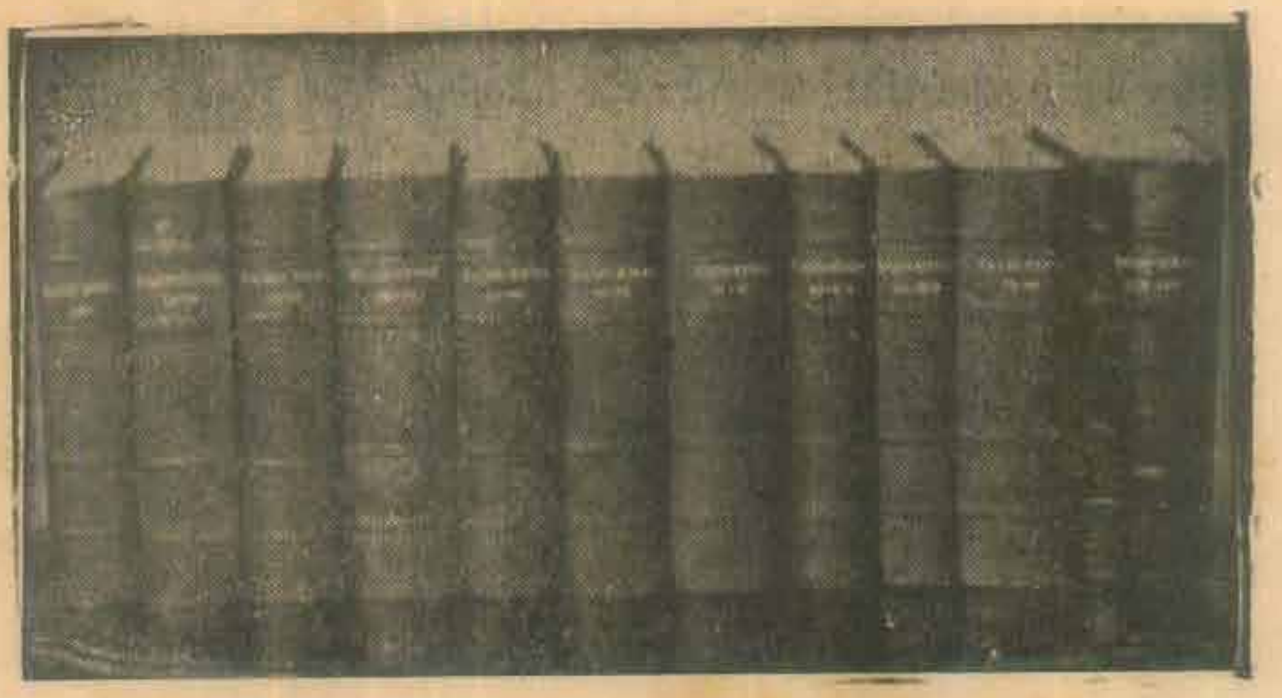

XIN HỎI TẠI CÁC HIỆU SÁCH VÀ TẠI TÒA SOẠN

BÁCH-KHOA *160, PHAN-ĐÌNH-PHÙNG — SAI-GON*

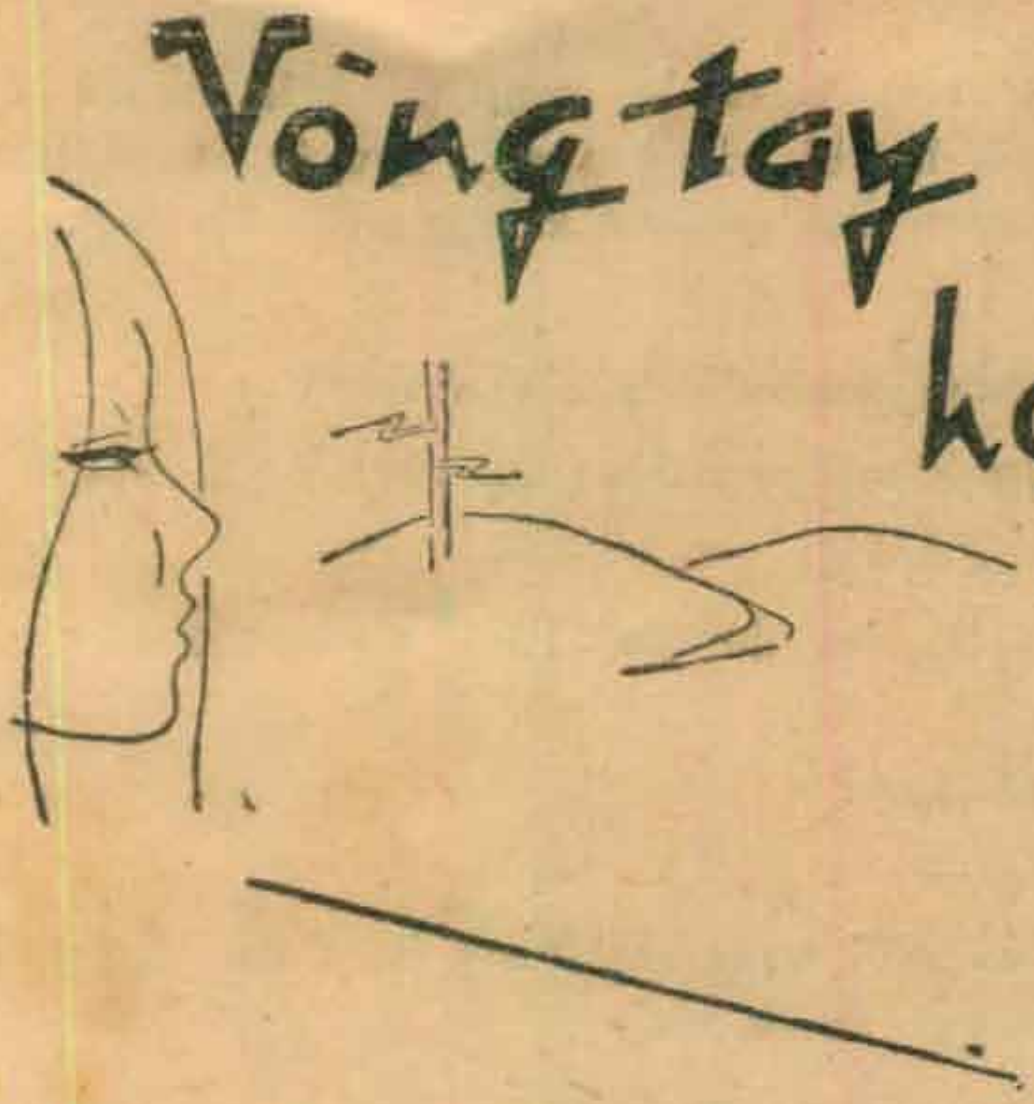

Truyện dài

HOÀNG-ĐÔNG-PHƯƠNG

(xin xem BK từ 169)

PHẦN THỨ BA

4 | Mười ngón tay lùa trong tóc rồi, đôi mắt mở lớn trong gương, Trâm bỗng lặng người với ý nghĩ mình là cô dâu trong giờ trang điểm cuối cùng. Nàng mím môi mắng bóng mình trong gương :

— Đồ hư.

Rồi thuận tay. Trâm vớ cái gương soi ném vụt xuống giường. Tiếng giày Minh chạy lên thang lầu thoăn thoắt. Đứng ở khung cửa, nó hỏi vọng vào :

— Xong chưa cô

— Sắp, mấy giờ rồi Minh ?

— Sáu rưỡi.

— Hẹn papa mấy giờ ?

— Bảy.

Minh đứng chống tay vào của ngắm Trâm từ đầu đến chân.

— Đẹp quá.

— Minh nói nhảm bao nhiêu lần rồi.

— Cô soi gương xem.

— Trong gương không phải tôi, chỉ bóng. Tôi không thấy được tôi. Minh cũng chỉ thấy cái bóng đó, không bao giờ biết tôi. Nghĩa lý gì cái bề ngoài của một người đàn bà.

— Vậy mà đàn ông cứ chết vì cái bề ngoài đó. Đàn bà mê đàn ông vì tiền, địa vị, đàn ông mê đàn bà vì nhan sắc, nguyên tắc thối đời nó thế. Nhưng cô đừng lo cho em. Em con trai không phải đàn ông.

— Minh ăn nói lạ.

— Cô cũng lạ. Nhưng mình quen cái lạ của nhau rồi.

— Này Minh, chốc nữa trước mặt papa đừng đùa với tôi đấy nhé.

— Dạ rồi sẽ thưa bẩm đàng hoàng.

— Không phải kịch, miễn là đừng du côn. Thôi xuống nhà dưới cho tôi chải tóc, nhé.

— Em đứng đây, được không ?

— Gì vậy ?

— Nhìn cô chải tóc. Đàn bà ngồi trang điểm hay lạ. Trâm nguẩy đầu cho máy tóc bung ra che kín khuôn mặt. Minh nói :

— Thôi cô đừng chải tóc, có phải đi dạy đâu.

— Nhưng gặp papa em.

— Em biết, nhưng cô chìu em một chút đi, một lần này thôi, để tóc vậy, đi với em.

Trâm mỉm cười yên lặng chải tóc bằng năm ngón tay, rồi nàng ném chìa khóa cho Minh.

— Minh khóa hết những cửa dưới lầu, trên lầu giùm.

— Khóa cô lại trong phòng này nhé ?

— Tưởng chìa khóa giam được tôi sao, tùy ở người khóa ấy.

Minh đặt chìa khóa xuống bàn :

— Em không khóa nổi . . .

— Minh . . .

Minh quay lại bắt gặp hai con mắt Trâm đăm đăm nhìn mình chưa bao giờ lạ lùng thế. Trâm nhặt chìa khóa đặt vào lòng tay Minh : Rồi nàng ra đứng chờ Minh ở thang lầu.

Bên ngoài trời vừa tối. Tiếng giày hai người trộn lẫn vào nhau trên bậc thềm đã lờ mờ. Con đường như một giải lụa xám bồng bềnh nổi lên giữa hai bờ cỏ đen thẫm thoang thoảng hơi sương. Thỉnh thoảng Minh đứng lại chờ Trâm lùi lại với những bước giày cao ngập ngừng. Màu áo Trâm lẫn vào trong tối, chỉ còn lờ mờ vết trắng của bàn tay mang găng. Tiếng gót giày gõ trên mặt nhựa đường long lở.

— Cô đau chân không, dừng đây chờ xe.

Giọng Trâm thoảng trong tiếng xạc xào của gió lá về đêm :

— Thôi cứ đi, lâu lắm tôi không được đau chân.

Trâm hoảng hốt nghe lời mình như một tự thú như chính nàng đang chiều theo một nơi gọi phiêu du liều lĩnh và nao nức nào. Bóng tối chìm sâu xuống và con đường như nâng cao vẽ thành một lối đi xa thẳm hoang đường, Trâm chưa bao giờ đến. Cách nhà một khoảng xa mới thấp thoáng có bóng đèn xe đầu đường. Xe chạy đến gần quét sáng một khúc đường. Có bóng người trên xe. Minh đứng gần Trâm cho tiếng nói phủ lên mặt nàng hơi ấm.

— Mình chờ xe taxi đó trở lại.

Nhưng khi xe trở lại vẫn còn bóng người trên. Trâm đã thất vọng thì xe bỗng đột ngột dừng lại, cửa bật mở và Trâm nhận ra cái đầu bao giờ cũng đi trước thân hình của Thâm giáo sư trên trường mình. Minh lùi lại một bước. Thâm hỏi bất đắc dĩ :

— Quãng này vắng xe, chị đi đâu mời chị đi cùng chúng tôi

Vợ Thâm ngồi cạnh chồng quay ra cười gượng :

— Vâng, mời cô cùng đi cho vui.

Nàng phân vân trong một thoáng suy tính. Cùng đi thì Trâm không muốn vì phải chung với vợ chồng Thâm, dù chỉ tạm bợ một quãng đường. Không đi, họ tưởng nàng ngần vì có Minh kèm theo. Để hợp thức hóa tình trạng, Trâm chọn giải pháp thứ nhất :

— Phiền anh chị quá, thôi tôi xin đi nhờ một quãng.

Trâm có ý chần chờ xem Thâm thu xếp vị trí trong xe ra sao. Lẽ ra thẳng thắn và giản dị, vì đã cùng đi, cứ việc chia ra hai cặp, nghĩa là vợ chồng Thâm ngồi trước, còn cặp kia đàng sau. Nhưng Thâm có lẽ lo lắng theo vấn đề thọ thọ bất thân quá kỹ nên mời Trâm ngồi sau với vợ và tóm thằng đệ tử động trời ra ngồi đằng trước với mình. Xe chạy. Trâm mím chặt môi cho tiếng cười khỏi bật lên khi thấy thầy giáo ngồi cạnh học trò cứng ngắt, im phắc, như khúc cây, tưởng chừng một cử động, một lời nói, cả bọn người trên xe đều phá lên cười rũ rượi, hay một trong bốn người sẽ nhảy ra khỏi xe chạy trốn. Ngồi đàng sau, Trâm tưởng Minh cũng đang cố nhịn cười như mình trong buổi kỳ ngộ tay tư quái gở. Vợ Thâm lí nhí hỏi Trâm chuyện nhà cửa. Trâm cố giữ giọng mình thật thản nhiên, che lấp những tiếng cười, nhưng như dầu đổ vào lửa vợ Thâm đột ngột chém một câu vô ý :

— Thưa . . . anh chị xuống đâu ?

Trâm tưởng Minh sẽ phá lên cười và mặt Thâm sượng cứng lại vì câu hỏi tàn khóc của vợ. Nếu là kẻ khác nói, Trâm đã cho là tinh quái độc địa, có ác ý cố nói lắm. Nhưng trái với chồng, vợ Thâm hiền lành giản dị, không thể ngang nhiên chơi xỏ phá Trâm như vậy. Vì sau khi lỡ

lời có lẽ vợ Thâm tưởng đang đi với cặp Chu Loan hay Khoa Yến, người đàn bà tỏ vẻ bối rối ngượng nghịu. Trâm gỡ rối cho vợ Thâm và chính mình phớt tỉnh và ngang nhiên tuyên bố :

— Anh chị cho chúng tôi xuống gần phố.

Gã tài xế taxi nhấn ga cho xe vút nhanh qua con đường đồi.

Thấy vợ Thâm len lén nhìn áo quần giày ví lóng lánh sáng chói của mình rồi lại nhìn lên khuôn mặt trang điểm kỹ càng, đoán là nàng sẽ nghĩ mình đi chơi đâu đó với Minh, Trâm hỏi lớn :

— Minh này, phải bác dặn em đúng bảy giờ chứ ?

— Thưa cô vâng.

— May gặp xe, không có cả nhà đàng đó lại chờ.

Lúc xuống xe, Trâm cố giữ vẻ tự nhiên và khoan thai cám ơn vợ chồng Thâm. Minh gật đầu chào nhanh giáo sư rồi nhảy xuống đường. Xe khuất, Trâm bật lên cười khanh khách. Minh tỉnh khô chìa tay :

— Cô cho hai chục đi.

Trâm đưa tiền cho Minh chưa kịp hỏi Minh đã giải thích :

— Mai hắn dạy em giờ đầu. Thế nào hắn cũng phát thanh trong hàng ngũ mô phạm tin tức sốt dẻo tối nay. Cả bọn lại trù mạt em tha hồ. Mai vào lớp em sẽ trả tiền xe bớt cho hắn giữa mặt cả lớp và cám ơn trọng thể cho coi.

Minh nghênh mặt đút tiền vào túi :

— Thật mà cô không tin sao.

— Tin gấp, Minh xếp sòng làm tàng.

— Lịch sự thế chứ làm tàng gì.

— Minh kỳ quá à.

Minh đứng dừng lại nhìn Trâm. Hai người quay mặt trông nhau bỡ ngỡ. Gió đêm phơ phất mái tóc loạn của người đàn bà trẻ. Ánh đèn phố vắng hắt lên khuôn mặt lỗ lộ từng nét bàng hoàng rung động và vành môi thoa son missdawn vẽ một nét cong rất Saigon - con - gái. Trâm là sự pha lẫn giữa dịu dàng cổ kính của Huế và man dại nồng nàn của Saigon, qua tiếng nói trang phục và tâm tính quay theo chiều chong chóng. Kỳ quá à. Những lúc cảm thấy thân nhau không còn biên giới, Trâm thường gắt Minh như thế.

— Cô nói nữa đi nào.

— Nói gì ?

— Nói kỳ quá à đi.

— Thôi, câm rồi.

Cả hai cùng bật lên cười và niềm vui đâu mãi trên môi cho đến khi vào nhà người bác họ, nơi ông Hân ở. Tiếng nói chuyện ở bàn ăn ngừng bặt khi Trâm theo Minh bước vào khung cửa sáng chói ánh đèn. Trâm cúi chào mọi người một lượt, luống cuống trong một mặt cảm lạ lùng đến nỗi không dám nhìn thẳng vào một ai, nhất là ông Hân. Ông đặt khăn ăn và xô ghế đứng lên qua phòng khách Ông chỉ Trâm ngồi ghế đối diện nói bằng giọng kẻ trên với người dưới :

— Cô đã dùng cơm chưa ? Nghe con tôi bảo cô không có người làm, có lẽ cô khó lắm. .

Những chiến thuật Trâm sắp sẵn dành đối phó với ông Hân bỗng nhiên tiêu tan hết. Nàng ngồi khép nép hai tay ngay ngắn trên tà áo, khốn khổ như con cá rơi vào lưới rộng. Lâu lắm nàng không nhớ ông Hân hỏi gì và ấp úng :

— Lẽ ra tôi phải đến thăm ngay khi ông mới về. Thế mà hôm qua ông đến thăm trước.

— Tôi đến thăm cô phải hơn. Để cám ơn cô đã săn sóc con tôi và... cho biết luôn thể.

Trâm cố quên mái tóc mình, quên Minh, quên đoạn đường vừa đi qua, trở lại nghiêm trang già dặn trong vai cô giáo, ở bậc phụ huynh, ngang hàng với ông Hân. Nhưng trong câu chuyện, vẻ lúng túng dè dặt của Trâm và giọng nói vừa thản nhiên dò xét của ông Hân đã vô tình phân định vai trò mỗi người.

— Nó ở trong nhà hẳn là phiền cô nhiều chuyện lắm ?

— Thưa ông, có gì là phiền. Chỉ sợ em ở với ông sung sướng đã quen, nay trọ nhà tôi cách cuộc gì cũng khác, đâu có đầy đủ được cho bằng ở nhà.

— Sướng mới hư thân mất nết. Chúng tôi thật khổ theo nó nhiều quá rồi.

— Ở với tôi, Minh lo học hành, cũng ngoan lắm, có gì đâu thưa ông.

Ông Hân nhìn Trâm chăm chú và mỉm cười. Trâm chợt lặng người như ông đang cười nhạt vào mặt mình : « này cô kia không qua mắt tôi nổi đâu đừng biện bác vô ích ».

— Mỗi năm đi học, nó đổi chỗ hàng chục lần. Xài tiền, ham chơi, học hành gì được. Cô không thấy nó như thế sao.

Trâm nhìn qua Minh đứng khuất bên kia cái cột lớn rồi nhỏ giọng :

— Nhưng theo tôi nghĩ thì điều đó cũng chưa tai hại bằng tính khí bất thường. Trường hợp Minh, tôi đã cố gắng tìm hiểu mong có cách gì cứu vãn. Tôi tự biết là không có quyền chỉ mong gặp ông để thưa chuyện ?

Lời nói chân thành và Trâm nhớ đến dự định sửa đổi Minh biến cái đời mình ngày trước. Nhưng giờ nàng tự thấy mình không còn xứng

đáng với vai trò đó và mọi điều giải bày với ông Hân sẽ không dễ dàng được chấp nhận cảm thông như nàng tưởng.

— Vâng, nhưng đó là bổn phận chúng tôi, cô không nên quan tâm?

Nhịp cầu giao nối đến đó là gãy đổ, Trâm tự thấy không bao giờ còn can đảm và trơ tráo để nói với ông Hân một lời nào nữa về Minh. Lời ông như một hất hủi, khước từ. Trâm tự nhiên cảm thấy mình lố bịch như kẻ diễn tuồng sai lạc mất vai trò mình từ đầu. Nàng đứng lên :

— Minh ở lại đây tối nay, tôi xin phép về nhà.

— Không được, mời cô ở lại, cùng đi chơi với chúng tôi.

— Thôi ông để cho khi khác.

— Biết còn dịp nào nữa không, cũng trong nhà cả có ai đâu.

Trâm nhìn về phía thang lầu, Minh cũng vừa nhìn lại ra dấu cho nàng bằng lòng rồi nghiêng đầu nhìn nàng chăm chăm tinh nghịch, nàng cũng hất đầu nhẹ bảo ngầm : đừng Minh, papa kìa. Minh cũng lắc đầu như đáp lại : bất cần.

— Minh, có phim gì hay không con ?

— Có, papa.

— Mời cả nhà đi, cũng vừa kịp xuất tối.

Ở rạp hát ra đã mười một giờ khuya, ông bác họ Minh đưa xe cho cả nhà đi ăn. Xuống xe, Trâm choáng váng đi vào vùng ánh sáng như người chưa tỉnh ngủ, Màu đèn xanh nhạt tỏa lên khuôn mặt Minh lờ đờ mệt mỏi. Tự nhiên hai người mỉm cười yên lặng với nhau cùng nhận ra chưa bao giờ cảm thấy cách xa nhau đến thế. Minh nói nhỏ khi đi lùi lại trên lối hẹp vào nhà hàng ăn :

— Thèm thuốc quá, muốn về ngay cho rồi.

— Có thuốc đây chứ, vào phòng bên kia hút xong rồi ra, papa không biết đâu, nhanh lên, nhé.

Minh khuất vào cánh cửa tối. Chừng hai phút sau Minh ra ngồi vào chiếc ghế trống còn lại, đối diện Trâm. Dưới ánh đèn sáng, cạnh những người đang kín đáo dò xét thái độ mình, Trâm không dám nhìn lên mặt Minh. Minh ngồi loay hoay, bực tức cảm thấy bị trói buộc trong không khí nặng nề khó chịu. Cái bàn lúc đó rộng ra như một con sông lớn, mỗi người ngồi bên này bờ nhìn sang bên kia, nhìn thấy nhau và cảm thấy ngăn cách vời vợi. Chưa bao giờ như thế. Trâm lau nhẹ đôi đũa trao cho Minh. Cử chỉ gợi lên bao nhiêu nuông chìu âu yếm những ngày tháng qua và trong ngăn cách hiện tại, sự săn sóc đằm thắm đó trở nên liều lĩnh bất chấp cho Minh do được lòng người đàn bà. Cơn nhớ xoắn lấy lòng Trâm nhưng nàng vẫn nói với Minh lúc ra xe :

— Tối nay, Minh về đàng bác, nhé.

Minh nháy mắt lắc đầu. Ông Hân bảo :

— Thôi mai, con đến với ba. Giờ con phải về với cô.

Trên xe, Minh ngồi đưa hẳn đầu vào cánh tay ông Hân. Hai cha con thỉnh thoảng thì thầm với nhau Trâm không nghe rõ. Sự thân mật đó bỗng chuyển qua Trâm một cơn xao động êm ái và buồn rầu. Nàng ngồi im, tựa đầu vào kính xe vờ mệt mỏi cho không ai hỏi đến. Gió quật mớ tóc vào mặt và Trâm nhắm nghiền hai mắt cảm thấy mùi thơm quen thuộc của khuôn mặt mái tóc Minh chuyển qua nàng trong gió.

Đến nhà ông Hân mở cửa xe cho Minh xuống quay lại dặn Trâm :

— Mai cô sửa soạn sớm chúng tôi đến đón đi Blao.

Trâm gật đầu như máy, chào mọi người lẳng lặng xuống xe. Ánh đèn và tiếng động mất hút sau rừng trong một thoáng. Từng cơn gió giá buốt tới tấp tạt vào mặt người làm Trâm choáng váng trong một cảm giác lao đao kỳ thú. Vòm sao long lanh sáng trên đầu. Thung lũng, đồi cao, cửa nhà mất hút trong đêm sâu. Chỉ còn tiếng rì rào của lá cây chải gió. Từng bậc thềm đá lờ mờ như lôi đi xuống nhà mồ hoang. Tòa lầu bỗng rờn rợn trắng lên giữa màu đen u uất bốn bề vây phủ. Hai người men theo lối cỏ ngập ngừng bước xuống như bóng ma bơi chập chờn trong biển đêm. Gió vẫn ào ào thổi tới, lay chuyển cả linh hồn thể phách Trâm vào hoang mê. Tiếng Minh như từ một đáy vực sâu hun hút nào vang vọng lại :

— Vào thôi cô, lạnh quá.

Lời người đàn bà run rẩy vu vơ :

— Sao đêm nay nhiều gió thế ?

— Tối quá, cô đi được không ?

— Không thấy gì hết, cứ bước xuống.

Hai bàn tay lạnh buốt tìm nhau. Một hòn sỏi lăn nhẹ xuống bậc thềm đá. Dưới cỏ, một con vật không tên nào tìm đường lẩn trốn, tiếng động nhỏ, buồn mà vang xa như một lời van xin yếu đuối tuyệt vọng. Trâm nghiêng người bước hụt bậc thềm cuối. Cánh tay nàng chạm vào ngực áo len mềm dịu ấm áp của người con trai. Nàng nhắm mắt, mặc cho Minh dẫn đường. Thôi thôi tôi sống cho đời đã quá nhiều đã quá lâu, giờ xin một phút cho tôi. Một phút mong manh đem trải dài khắp thời gian mai sau cao rộng. Cho tôi sống một lần dù phải chết một đời. Thôi thôi không còn quá khứ không còn tương lai không còn phải trái tốt xấu tội phúc. Tất cả thuộc về đời rồi. Tôi còn mình tôi dưới vực sâu này, ở xa tít một hành tinh khác, một số kiếp khác. Cuộc phấn đấu dằng dai đến đây là hết. Những tháng ngày bình yên, những tiếng tăm mua chuộc những dằn vặt khắc khoải ưu tư, đến đây là hết. Là hết.

Lời Trâm lúc đó là lời của một con đồng nhập xác vẳng lên :

— Chìa khóa đâu rồi Minh ?

Tiếng lách cách ở ổ khóa đáp lời. Hai người bước vào yên lặng. Cửa khóa lại sau lưng. Trâm với tay tìm chỗ bật đèn. Chiếc áo choàng rơi xuống. Minh nhặt cái áo, thong thả choàng lên vai Trâm, để yên hai bàn tay trên vai nàng. Một khắc nhín nhau nao nao tự thú. Những cánh tay cùng vươn dài. Hai vòng tay cùng khoác kín. Như phiến băng trong bóng mặt trời, thể xác người đàn bà tan rã trong hơi ấm nồng nàn của thân hình người con trai. Ngoài kia tiếng thông reo huyên náo lan xa khắp mấy bờ trời khuya khoắt. Những vì sao rộn ràng lấp lánh như chỉ sáng một lần cho đêm nay rồi chìm khuất trong hư vô. Từng trục hành tinh quay nhè nhẹ, lặng và buồn rồi ngừng hẳn. Trái đất chừng như mềm vỡ tan biến thành hương hơi. Ngọn lửa bừng lên đâu đó khắp xương da, trườn đi đốt cháy từng miền cảm giác mơ hồ. Ngọn lửa nhấc bổng nàng lên cao dần trên mặt đất. Sóng bão bỗng dềnh lên khắp mặt đời tôi từ phút này. Từ phút này tôi hoàn toàn đoạn tuyệt với đời, và tôi tìm gặp chính tôi. Từ phút này tôi đích thực là tôi, nhưng tôi cũng không còn là tôi nữa, tôi lạ tôi rồi. Tôi ở đâu. Tôi đi đâu. Tôi còn sống đây hay tôi đã không còn nữa. Chắc ngày mai tôi không thức giấc nữa cũng chẳng còn thấy mặt trời. Khuôn mặt nào phủ kín mặt tôi. Đôi môi nào ru ngủ môi tôi. Trái tim nào nặng chĩu lên trái tim tôi cho hơi thở nghẹn ngào chết ngất.

— Thôi đừng, đừng em . . .

Nhưng chiếc áo khoác của người đàn bà thêm một lần rơi xuống.

(Còn tiếp)

HOÀNG-ĐÔNG PHƯƠNG

● Nếu tôi cho những người khác thấy tôi thật là thế nào, thì họ sẽ cho tôi điên. Nhưng nếu họ cho tôi thấy con người thật của họ, thì có lẽ tôi cũng cho họ điên hết.

Benjamin Constant

● Ái tình, cần lao, gia đình, tôn giáo, tình yêu tổ quốc là những tiếng không nghĩa lý gì đối với người đang chết đói.

O' Henry

● Những tâm hồn tầm thường hay lên án những gì họ không hiểu được.

La Rochefoucauld

cho tương lai

TẦN-HOÀI DẠ-VŨ

cho tương lai ca hát
trên ngọn đồi bình yên
trên thửa ruộng đoàn kết
cành lo âu rụng tàn

cho nghĩa địa lãng quên
vài xác chết tranh chấp
mọi người là anh em
cùng một mẹ tương ái

cho ý thức giương buồm
qua trùng dương hành động
sáng suốt như lửa thiêng
thiêu rác rưởi mù quáng

cho hy vọng leo mọc
khắp tường thành số phận
hoa môi hồng ánh ngọc
trở bát ngát nụ cười

cho tự do trưởng thành
sau những ngày nhỏ bé
chặt đôi tay gông cùm
từ lâu choàng đất mẹ

cho con sông nhân đạo
chảy trên cánh đồng tim
chẳng gặp ghềnh ích kỷ
thuyền yêu không sợ chìm

cho những giọt lệ sương
lăn trên gò má cỏ
đẹp dáng trời quê hương
ấm mẹ già hơi thở

cho những người đã chết
đời công bình áo cơm
nửa khuya chợt thức giấc
chúc lành cho thế gian

cho ngủ say trong đầu
những côn trùng ý nghĩ
chất đầy lúa thi ca
trong vựa hồn tuyệt mỹ

cho rừng đời trút sạch
những lá vàng đau thương
những cộng rơm sợ hãi
niềm vui đi chật đường

cho đức tin vỗ cánh
khỏi hoang đảo nghi ngờ
mùa xuân thơm tiếng gió
trên trái mộng đơn sơ.

cánh cửa lớn

luân hoán

Những đêm nào khóc thầm
trên đất khô màu da thịt
nỗi xót thương còng hồn đất đi quanh
ôi vườn cà ôi vạc lúa ôi chòi tranh
xứ sở con
tấm lòng xanh của mẹ
nơi phát xuất những bầy chim sẻ sẻ
những bầy chim sâu chở điệu thân yêu
cành trĩu hơi thôi đã chợt tiêu điều
nhốt tiếng hát vào túi quần túi áo
mẹ ngủ rồi giấc dài ôi vô hạn
thôi mình con cùng với đứa em trai
lớn như quê hương lớn tiếng thở dài
nỗi từ thuở mẹ đau lòng đứt ruột
cửa những sáng Tam kỳ những chiều Tiên
Phước
ngồi trong tù nghe tiếng phi-cơ
lòng phòng giam :
đôi mắt chết bao giờ
bom với đạn
đói cùng đau
thế đó
đâu dám giấu những lời thơ đẫm máu
lắp vào lòng bắn vỡ mặt chiến tranh
rót cho con lời mẹ chân thành
tôi luyện mãi lưỡi lê tinh bén nhọn
ôi quê hương còn được gì vun bón
Đời của con nếu được là phân
nguyện làm xanh từng luống đất khô cằn

dù buổi sáng đã thổi còi báo động
dù thân thể vượt tầm tay đời sống
thơ con in rồi biết bán cho ai ?
độc giả như đồi, núi, sông ngòi
đã nằm xuống
với vai trò tắc đất
hẹn bảo vệ trái tim này chân thật
ôi anh em ôi tổ quốc ôi máu cờ
tôi xé lòng ve vuốt mái giòng thơ
xin đất nhận con chim trời gãy cánh
mẹ âu yếm cho con ngàn sức mạnh
trải cuộc đời ngăn sóng dữ lên cao
Lóng quê-hương thăm thẳm cửa đi vào...

L. H.

nỗi buồn đông phương

Đã vàng con mắt Á-châu
Tối giờ mê sốt vùi đầu chiến-chinh
Vũng sâu quên hút phận mình
Làm thân chậm tiến dặm trình nẻo xa.
Sương mù nhiễm độc tháng ba
Bụi hồng cơ-khí vỡ òa không trung
Mình tôi bán đảo hãi-hùng
Trái tim bồ-tát hai vùng bể dâu.
Giơ tay chới-với lên sầu
Em Á-đông em về đâu cõi này
Niềm tin thượng-đế gió bay
Nỗi buồn nhược-tiểu lưu đày nổi trôi
Tối giờ đông-á xa xôi
Thân đau chia cắt rã rời anh em
Nửa đêm hồn dậy đi tìm
Vành trăng huyền-nhiệm lặn chìm đông phương.

HUY-LỰC

1.11.1964

NGUYỄN - THỊ - THỤY - VŨ

TRƯỜNG HỢP CỦA MÃNH

TÔI muốn nói với các bạn về một khu vực của thành phố, vì trong đó mọi sự vật cứ hoạt động theo nhịp điệu cũ và diễn mãi bao nhiêu cảnh nhàm mắt.

Từ nhiều năm nay tôi vẫn không thấy gì thay đổi ở bến xe Lục Tỉnh này. Đây là một bộ mặt già nua của một vùng. Những dãy nhà bị cắt nghẽn bởi những con đường những mái ngói xám bẩn thỉu, cả những tiếng động ồn ào như thách thức với dòng thời gian trôi chảy. Kỳ lạ, nhìn nơi đây, tôi có cảm tưởng là phản ảnh của cuộc đời tôi. Sự hoạt động ầm ĩ nơi đây như sự dãy dụa, kêu thất thanh để đòi hỏi một cuộc thay đổi, nơi đây đã không cho tôi một kỷ-niệm nào sâu đậm, chỉ cho tôi một sự thản nhiên làm tôi ngao ngán.

Và dòng đời thì cứ ồ ạt trôi qua.

Nhưng hôm nay, cũng tại nơi này vẫn là một khung cảnh bất di bất dịch cũ. Ý tưởng sáo cứ lại chợt đến tôi. Người ta đặt sự sống từ trong lòng ra. Tôi vụt thấy mình bớt ủy mị.

Tảm giờ sáng bến xe lục tỉnh bắt đầu hoạt động. Các tiệm nước đầy đặc những khách hàng xuôi ngược từ lục tỉnh lên hay thủ đô về. Họ tạt vào tìm một cốc cà phê nóng, một dĩa xíu mại, bánh bao cho bữa lót lòng tạm bợ. Tiếng gọi của các chú «phổ ki» nhịp nhàng nối lên từng lúc.

Những chiếc taxi đỗ lại chầm chậm vào bến. Trong xe các hành khách chui ra với những chiếc va-li nặng trĩu. Các bác phu lái những chiếc xe ba bánh đầy những hàng hoá. Phần nhiều họ ở trần trùng trục trớt đẫm mồ hôi. Các chị hàng rong chạy bổ vào những chiếc xe sắp rời bến với những thúng hàng trên đầu. Họ mời mọc rất dồn tai. Thỉnh thoảng vài câu vọng cổ mùi nào nuột của các chú bán bài ca cất vọt lên như một vòi nước. Các anh lơ mời mọc và dành giựt những chiếc va-li của khách từ trên chiếc xích lô máy, taxi vừa bước xuống.

Tiếng mời mọc, tiếng rao hàng, tiếng động có tạo thành một âm thanh rối rắm như trong cơn mê sảng.

Tôi rời khỏi tiệm nước bước lại trạm bán giấy. Ly cà phê sữa kéo tôi ra khỏi cơn buồn ngủ. Trong ánh nắng bắt đầu rạng rỡ lòng tôi nao nức bâng quơ.

Sau một năm xa nhà để vật lộn với chén cơm, hôm nay, tôi được trở lại tỉnh ăn Tết với gia đình. Cái va-li không nặng lắm thế mà tôi lục đục thu xếp cả ngày. Rồi cả đêm thao thức vì ý nghĩa nôn nao về nhà cứ len lỏi vào lòng tôi. Tôi không sao ngủ được mãi đến 7 giờ sáng.

Cầm tấm vé trên tay tôi đến chiếc xe đò Hiệp-Thành tìm số ghế. Tôi bước lên chiếc ghế bìa sau lưng bác tài xế. Ở đây cảnh tấp nập làm tôi liên tưởng đến những ngày cận Tết của quê tôi. Nghĩ đến những cuộc vui mà gia đình tôi dành cho tôi trong mấy ngày Tết làm tôi không tha thiết trở về căn nhà trọ trong một xóm lao động ở Sài-Gòn. Nơi đây đem cho tôi những nỗi buồn dai dẳng. Không mấy tiếng đồng hồ nữa tôi sẽ trở về thăm lại bao nhiêu người thân mến. Tôi sẽ về kịp giờ chuẩn bị rước ông bà. Các ông già bà cả thường nói : «Ai rước ông bà trước sẽ có ông bà tốt ». Nhất định năm nay tôi sẽ rước ông bà trước hơn mọi người. Tôi và các anh chị em tôi sẽ tắm rửa sạch sẽ, ủi quần áo mới để chuẩn bị giao thừa. Chúng tôi sẽ quây quần bên cái radio nghe nhạc nói về Xuân.

Ở vùng chúng tôi ở, hễ đến giờ giao thừa thì tề tụ nhau dưới chiếc đèn «măng-son» đánh bài, nói chuyện tào lao. Bạn bè, bàng xóm cũng sang mừng tôi và gia nhập vào sòng bạc, đánh ăn tiền. Chúng tôi hỏi thăm nhau bao nhiêu điều sau một năm xa cách. Chúng tôi cười nói, cãi vã nhau ròn tan như pháo Tết.

— Cô Liên !

Tiếng gọi thanh, hơi nhão và hình như rất quen của người đàn ông thình lình làm tôi giật mình quay mặt xuống đường. Mãnh xách va ly đứng gần trạm bán vé.

Mãnh mặc chiếc sơ mi trắng mới toanh, chiếc quần «tet gan» xanh đậm. Cổ thắt chiếc cà vạt đỏ. Mặt chàng hôm nay tươi tỉnh hơn mọi

lắn. Đôi môi hình trái ấu của hắn cười một cách niềm nở. Hắn bạo dạn nhìn tôi, chưa bao giờ hắn có cái nhìn như vậy kể từ quen biết tới bây giờ. Tôi nghĩ thầm : Có lẽ Sàigòn đã biến đổi Mãnh, đã lột hết cái ngượng ngùng, cái mặc cảm quê mùa của hắn. Tôi kêu lên, mừng rỡ thật tình dù rằng từ hồi nào tới bây giờ tôi chưa có một phút thiện cảm nào với hắn.

— Chào thầy Mãnh !

Hắn tươi cười :

— Chào cô giáo.

Tự nhiên chúng tôi nhìn nhau rồi cười dòn dã hồn nhiên.

Tôi giả bộ rầu rĩ :

— Tôi không còn giảng là tập viên nữa. Tôi bị «dégradée» và trở lại nghề cạo giấy cho một hãng tư.

— Còn tôi đâu còn là thầy giáo lương công nhựt nữa bây giờ tôi làm chuyên viên phòng hóa học của một hãng nhuộm.

Tôi mỉm cười.

— Vậy thì bảnh quá rồi. Còn tôi với cái nghề mới này cũng đỡ nghèo hơn trước.

Hắn xoay qua chuyện khác :

— Cô ngồi băng nào, cô giáo ?

— băng số 2 ghế số 15.

Rồi tôi chỉ ghế số 13, nói :

— Nầy thầy chuyên viên, thầy nên mua vé ngồi ở ghế số 13 đi.

Hắn lắc đầu :

— Tôi kiêng số 13. Xuôi xẻo lắm cô à. Ngồi ghế số ấy tôi tưởng chừng như ngồi trên ghế điện.

Tôi cười rũ lên :

— Chớ không phải thầy sợ tôi hớp hồn thầy sao ?

Hắn cúi mặt xuống làm ra vẻ bạo dạn nói :

— Cô mới lên Sàigòn, cô chưa hoàn toàn là người Sàigòn đợt sống mới.

Vậy cô chưa đủ sức hớp hồn tôi được.

Nhưng chậm quá rồi, hai vành tai hắn đỏ lên, tố cáo cơn thẹn của hắn. Ôi ! đôi vành tai có nhiều gân máu dẫn tôi về cái quá khứ thú vị trong đó có một anh chàng Mãnh nhút nhát sợ gái cho tới bây giờ chưa ắn là hết.

Tôi mỉm cười lấy khăn sau trùm kín lên đầu, xe bắt đầu chạy. Hình bóng của Mãnh quá khứ càng gần tôi. Và tôi trở về sáu năm trước.

∴

Cái nhà ngang ngày trước má tôi dùng chứa lúa gồm 3 gian, vách bổ kho và lợp ngói. Mấy năm còn góp lúa được thì dãy nhà ấy dùng làm lẫm lúa. Nhưng từ sáu năm trở lại đây thì không còn được lúa như trước vì chiến cuộc. Má tôi nghĩ đem cho mướn ba gian ấy liền nhau cách phòng ngủ nhà tôi một cái sân gạch độ 7 thước. Từ cửa sổ phòng tôi có thể nhìn thấy rõ tận bên trong từng của lẫm lúa một. Sau vài hôm má tôi treo bản cho mướn thì gia đình thầy Mãnh dọn về ở trước hơn hết. Thầy cùng bà mẹ và hai đứa em : một trai, một gái. Nghe đâu bà chị lớn của thầy đã ra ở riêng mấy năm trước. Lúc mới về ở lẫm lúa, thầy Mãnh còn là cậu học trò một trường trung học ở tỉnh tôi.

Mãnh là một mẫu người ủy mị, đa cảm vặt, mắt láo liên như mắt thỏ. Tuy vậy nó không lộ vẻ gì tinh ranh, đôi mắt hiền từ chực để khóc và không bao giờ dám nhìn thẳng ai. Da hắn mát và mịn như vừa mới tắm xong. Mỗi sáng sớm hắn thường ra sân tập thể dục. Vì hắn tin rằng mọi người trong xóm tôi chưa ai thức. Một hôm nọ tôi thình lình xuống nhà rủ em gái hắn đi về nhà quê chơi. Vừa bước ra cửa hông nhà tôi để qua sân gạch tôi gặp ngay hắn đang ở trần. Mình hắn mỏng lét gần như là bộ xương trong quyển cách trí giáo khoa. Giật mình hắn luống cuống nhưng rồi hắn trấn tĩnh vờ không thấy tôi cứ tập như thường. Hắn phồng ngực, gồng đôi tay lên như nhà lực sĩ. Tôi liếc nhìn hắn và cố mím chặt đôi môi để khỏi phải bật cười vì tôi đã gặp đôi chân ống sậy của hắn đầy lông lá. Trông hắn có một sự oai vệ giả tạo như con gà lôi trống xòe đuôi, xù lông khi gặp gà mái. Tôi không đi vào nhà hắn và đứng lại nhìn hắn. Cái oai hùng của hắn tan biến mất và mặt hắn đỏ rần như vừa uống rượu mạnh. Tay hắn từ từ buông xuống và bên lên như cây mắc cỡ gặp phải cơn gió mạnh.

Hắn nhát gái đến nỗi có bận hắn đang ăn cơm, tôi đến thăm má hắn, hắn lật đật đứng phắt dậy như cái lò xo và bưng chén đũa chui vào buồng riêng. Thoạt đầu tôi lầm tưởng hắn mặc cảm vì bữa ăn thanh bạch. Nhưng dầu giữa bữa cơm thịnh soạn nhất của gia đình hắn, nhỡ cô gái nào vào nhà hắn, hắn cũng diễn lại tấn kịch cũ. Bắt đầu từ đó tất cả, con gái lối xóm tôi đều biết hắn sợ gái. Có lúc chúng tôi đang túm tụm nhau ở sân gạch nói chuyện khào, hắn thường lấp ló không dám đi ngang qua đó. Lũ bạn tôi thường gọi hắn là trưởng ban cầu an, trưởng ban nhu nhược. Rồi câu chuyện ấy chẳng mấy chốc lọt đến tai hắn. Hắn căm hờn nhưng không dám nói và hắn càng tăng thêm độ rụt rè như con mèo hoang.

Càng nhát gái, hắn càng mê gái. Các cô trong xóm thỉnh thoảng bắt gặp cái nhìn vụng trộm và đờ đẫn của hắn. Nhưng khi các cô nhìn lại hắn giả bộ lãnh đạm và khổ hạnh như một vị chân tu. Em gái hắn thường thuật lại với tôi là hắn thường thích sưu tầm những loại hình lõa thể của các cô kiểu mẫu trong tạp chí Paris Hollywod. Cô Nga gánh nước ở cuối xóm, tuy bần hàn nhưng khêu ngợi nhất xóm. Mỗi lần Nga đi xuống sông gánh nước thì hắn vờ đi tắm, lội ra ngoài ôm chiếc phao nhìn vào cặp ngắm đôi chân trắng nõn của Nga vén lên quá gối. Một đôi lần thì chẳng ai để ý nhưng mãi rồi gần như là thông lệ. Cô Nga gánh nước là cậu Mãnh đi tắm.

Tôi còn nhớ một buổi tối, nhơn lúc gánh nước xong xuôi, Nga vào tìm tôi có vẻ quan trọng.

— Chị Liên em có chuyện này ngộ lắm. Nhờ chị đọc giùm em cái thơ nầy.

Nga trịnh trọng móc trong túi áo một miếng giấy nhỏ.

— Của cậu Mãnh đưa cho em đó. Chị đọc coi cậu nói gì.

Tôi không ngần ngại mở ra xem để cho thỏa tính hiếu kỳ. Bức thư của sáu năm về trước tôi không còn nhớ rõ, chỉ mỗi lần tôi gặp thầy Mãnh là tôi không sao quên được câu :

... Em Nga ơi ! Muối xát lòng ai nấy mặn mòi, Cái tâm sự mà tôi muốn nói với em dây làm tôi áy náy không biết em có bằng lòng chấp thuận cùng không ?

Nga tinh ranh và ác độc vô cùng, chẳng những không chấp nhận đơn của hắn, lại rêu rao. Gặp hắn là ả dùng câu ấy để ca vọng-cổ. Tội nghiệp ! hắn lại càng sợ tất cả cô gái, hắn chỉ biết chui rúc trong cái vỏ mặc cảm đen tối và từ đó hắn càng cách biệt với mọi người, càng xa xôi lãnh đạm với bất cứ mọi bóng hồng nào. Và gương mặt hắn càng khắc khổ, nguội lạnh, thật ra, hắn nào có xấu mã gì. Sống mũi cao, môi tươi, trán rộng, mắt ướt tạo cho hắn một vẻ sáng sủa dễ thương. Nhưng khi hắn mở miệng là cái vô duyên hắn hiện ra một cách tàn nhẫn. Cái cằm vuông không tạo cho gương mặt hắn một vẻ gì cương quyết, nó vẫn để cho cái nhu nhược ủy mị hiện ra một cách sống sượng.

Hắn hiện ra trong đời tình cảm của tôi bằng một hình bóng lạt lẽo. Hắn rầu rĩ và nguội lạnh đến bao giờ. Có nhiều lúc trông hắn thui thủi mà tội, tôi muốn kêu lên : « Anh Mãnh con trai cần phải tạo cơ hội chứ không chờ cơ hội được. Anh phải tán cô nào anh thích không cần bay bướm nhưng phải trơn tru đừng vấp váp chỗ nào... thì họa may ..

Tôi ghét Nga vô cùng, Cái tinh ranh ác độc của nó vô tình phá hoại tất cả cái yêu đời của Mãnh. Và Mãnh còn giữ mặc cảm bị gái

khinh khi mãi. Có nhiều lúc tôi muốn giúp Mãnh bỏ nơi cái mặc cảm đó, nhưng nghĩ lại sự thương hại thừa thãi của mình biết đâu sẽ làm cho hắn tủi thân.

***

Bà Mai Lý sống trong căn phố nhỏ, trước kia là một căn bếp của một ngôi nhà dưỡng lão. Sau nầy nhà dưỡng lão làm trường trung học. Căn bếp được sửa sang lại, quét nước vôi sáng sủa. Cuộc đời góa bụa, một thân một bóng của bà sau buổi học chiều, càng hoang vắng. Bà dùng cơm do một đứa bé ở gần bên đem lại (bà ăn cơm tháng). Khi nào chê cơm, bà đốt réchaud luộc mì xạ mua ở tiệm rồi «sốt» cà, bằm thịt dùng làm món xào. Bà thường ngồi thêu dưới ánh đèn có cái tán bằng chai phớt xanh. Thỉnh thoảng bà nhìn lên bức tranh một người đàn ông đi săn mang ủng cao rồi mơ mộng ngẩn ngơ cho đến giờ đi ngủ.

Sau nầy, ba tôi rước bà về dạy tôi làm bánh, mứt và làm những bức tranh dệt laine. Từ ngày về với gia đình tôi, bà bắt đầu đoạn tuyệt dần với cuộc sống cô độc và được lòng hàng xóm. Nhưng bà thích chơi với bọn trẻ tuổi hơn để tìm lại hương vị cũ của thời còn là nữ sinh ở trường Áo Tím.

Chẳng bao lâu bà chinh phục được cả trai lẫn gái trong xóm tôi. Với người lớn tuổi hơn, bà tỏ ra bé nhỏ, nũng nịu để được chìu chuộng, đùm bọc. Đối với bọn trẻ tuổi hơn (dù bà đáng tuổi mẹ chúng tôi) nhưng lúc nào bà cũng tỏ ra bình đẳng trong lúc tán nhảm hay nô đùa. Đã ngoài bốn mươi tuổi nhưng bà có vẻ còn trẻ lắm. Da bà tươi sáng, vóc mình bà còn thon như con gái đương thì. Chỉ tìm được nét lớn tuổi là khi nhìn tỉ mỉ vào đôi mắt sâu thẳm của bà. Luôn luôn bà mặc bộ quần áo trắng để ở xa người ta tưởng bà còn là nữ sinh. Có nhiều cậu bị cái vóc mình mảnh dẻ và bộ áo trắng của bà lừa phỉnh rồi xách xe đạp chạy theo đến gần bà. Rồi tránh cho đỡ sượng sùng cậu ta vờ mừng rỡ kêu lên :

— Cô Tám, vậy mà tụi cháu tưởng cô nào chứ. Cô hôm nay trẻ quá.

Bà chỉ cười không dấu được sung sướng trên mặt. Có lúc tôi đùa :

— Nếu cô ở xa, trai trẻ nào cũng muốn chọc cô, nhưng tới gần cô, tụi nó nghĩ rằng nên nhường cho ông già tụi nó.

Tuy vậy, cuộc sống ấm ỹ chung quanh lúc đó vẫn chưa làm cho bà quên nỗi cô độc. Tuy quen chịu đựng nó đã lâu, nhưng đôi lúc, bà hoảng hốt trước một diễn ảnh trống trải. Do đó, bà vui buồn bất thường (khi thì nước ròng khi thì nước lớn). Bà đan thuê khâu mướn, đảm nhận những buổi tiệc sang trọng, nhưng bà còn bấu víu cái gì để nghĩ đến ngày mai ? Không chồng, không con, lại ngại ngùng về chuyện tái giá, lại nhút nhát với cuộc sống bừa bãi, bà gần như mòn mỏi trong sự trong sạch khô khan đó.

Ăn cần ở kiệm, rồi nâng niu trau giồi nhan sắc còn thừa lại, lúc nào bà cũng bận rộn.

Sáng nào bà cũng rửa mặt bằng loại xà-bông chế hóa đặc biệt dùng để nuôi da, uống ly nước trái cây tươi để cho vẻ mặt lúc nào cũng sáng sủa. Mỗi tối, trước khi đi ngủ bà cũng thoa Lanoline trên mặt, uống thuốc Jouvence du lys, để giữ cho kinh nguyệt điều hòa và thỉnh thoảng bà tiêm thuốc testostérone. Nét tươi trẻ giả tạo của bà cũng thỏn-mòn dần, và điệu giả vờ hồn nhiên của bà dần dà làm chướng mắt mọi người. Tuy vậy không ai nỡ kéo bà ra khỏi cái ảo tưởng thanh xuân.

Bà thường khoe khoang mình được nhiều người trai trẻ mê và bà dệt nhiều chuyện hết sức ly kỳ không kém những cuộc tình duyên trong những tạp chí «Nous deux». Ban đầu, nói ít người ta còn có thể tin nhưng khi nghe nhiều chuyện động trời, ai ai cũng tưởng bà là một nhân vật quái đản không còn một chút liên lạc với cõi đời này nữa? Tuy vậy người ta vẫn khen bà đẹp, dáng bà vẫn mềm mại. Vì lẽ đó bà càng nỗ lực níu giữ lại cái nhan sắc còn xót muộn rồi tự mình mình thưởng thức cái nhan sắc mình một cách bàn khoăn áy náy.

Bà thích làm ra vẻ nựng nịu với Mãnh và Hỗ (bạn thân của Mãnh) Mỗi khi bà trang điểm thì hai chàng là cố vấn sắc đẹp của bà. Họ không tiếc lời tán tụng bà. Những lúc rảnh việc bà gọi Mãnh và Hỗ đến chuyện vãn và dạy họ hát những bản do Tino Rossi trình bày. Vào những buổi trưa thanh vắng, tiếng bà the thé cất lên rồi đến giọng khàn khàn của Mãnh và Hỗ. Họ hết hợp ca đến hợp «cười». Bà không còn thì giờ để ngắm bức ảnh người đàn ông đi săn, mang ủng cao nữa.

Có lần đi bác sĩ, bà được biết mình có sán lãi trong bụng. Về nhà, bà gọi Mãnh và Hỗ báo cáo ngay bệnh trạng của mình. Quá giàu tưởng tượng, bà thêu dệt thêm cho bịnh ấy có vẻ trầm trọng và bắt mọi người phải nghe chuyện đau bịnh của bà. Mãnh có vẻ lo lắng và chàng tức tốc sang Cần-Thơ chuộc ngải về để trục con «Tênia». Hắn đi suốt ngày. Đến xế chiều, đem về một gói ngải xiêm. Mãnh đem ngải giã cho nhuyễn rồi mang đến cho bà. Hắn cầm ly «xá xị» trộn ngải đâm nhỏ rồi ép bà uống. Nể công của Mãnh, bà cố gắng uống thuốc giết «tenia» của thầy Ngải Xiêm.

Cảm động trước sự chăm sóc tận tụy của Mãnh từ đó bà thân Mãnh nhiều hơn. Hết bịnh «tênia» bà cắt bỏ đầu tóc búi để uốn theo kiểu đào chớp bóng. Trước khi định «cải tiến» cái đầu tóc một tuần, bà hỏi Mãnh và Hỗ phải uốn thế nào cho hợp với khuôn mặt. Sau khi ở tiệm uốn tóc về bà đứng hàng giờ trước gương ngắm nghía. Mãnh và Hỗ không tiếc lời khen kiểu tóc làm bà trẻ hơn lúc búi. Mỗi lần được khen bà lấy tay vuốt nhè nhẹ lên trên những sóng tóc và cười rất tươi. Trong câu chuyện hàng ngày, lúc nào bà cũng để cập đến chuyện uốn tóc. Bà bắt hàng xóm phải nhiều phen «khổ» vì nghe mãi câu chuyện một chiều của bà cả mấy tháng liền. Đối với việc quan

trọng hóa mọi vấn đề của bà chỉ có anh chàng Mãnh là giàu chịu đựng. Vì thế Mãnh rất được lòng mến chuộng của bà.

Trước sự mật thiết của bộ ba, Mai Ly, Mãnh và Hỗ, tôi chỉ làm một phiến đá trầm lặng giữa những cuộc đùa giỡn sôi nổi của họ. Trong khoảng thời gian đó, tôi học ráo riết làm bánh, thêu tàu và đan áo len. Tôi có một thế giới riêng mà trong đó có Nga và Tuyết Ngô, em gái hắn. Nga võ vẽ học hát những bản Vọng Cổ Lý Con Sáo, Kim Tiền. Ả mua những xấp bài ca mỏng nghêu ngao suốt ngày. Tuyết Ngô bắt đầu lớn tập đủ mánh khoé để làm duyên với đàn ông và tập viết thư tình bằng giọng văn réo rắt trong các vở hát cải lương. Ba chị em chúng tôi thường quây quần ở chiếc bàn tròn trong phòng khách vào mỗi tối thứ bảy. Dưới ánh sáng vàng uá của cây đèn dầu Huê Kỳ, chúng tôi báo cáo cho nhau những chuyện xảy ra trong khu tỉnh lỵ. Gặp chuyện hài hước, chúng tôi kềm hãm giọng cười khỏi vang vội chát chúa, để má tôi khỏi nhiếc là gái to mồm lớn mép. Trong khi đó, Hỗ, Mãnh và bà Mai Lý lăn lộn cười thét lên như thác vỡ bờ ở bàn giữa gian phòng khách. Bà Mai Lý có một giọng cười eng ét như tiếng thét của heo bị thiến.

Tuy vậy mọi người trong nhà tôi đều vui lây với bà. Trông bà, sự tươi sáng hồn nhiên như trẻ thơ. Tôi quên mất cái nét nhăn bắt đầu len lén hiện trên đôi má của bà. Còn Mãnh, tuy nụ cười nở rộng trên môi nhưng ánh mắt đờ đẫn mộng mị của hắn hướng về bà Mai Lý không nhuộm chút tươi tắn nào lên gương mặt. Riêng về Hỗ, chàng trai có vẻ một khán giả dễ dãi trước một vở hài kịch nhẹ nhàng trong trẻo.

Tôi quay lại hai cô bạn của tôi, tiếp tục bàn bạc nho nhỏ những mẩu chuyện vui riêng biệt. Thật ra, một sự ngờ ngợ không dứt khoát cứ lẳng vẳng mãi trong đầu tôi. Tôi cố xua đuổi nó ra khỏi tiềm thức. Nhưng sau đó, tôi bớt liên tưởng quàng xiên. Lòng tôi thanh thản như qua một cơn giông ngắn. Nga khêu đèn cho sáng thêm, rồi mùi mẫn ca sáu câu vọng cổ. Tâm trí tôi bị lôi cuốn hút vào âm điệu rên-rĩ của loại nhạc đó. Rồi đó, tôi viết dùm cho Tuyết Ngô một lá thư tình. Để trả ơn cho tôi, Tuyết Ngô sẵn sàng chịu cho tôi sai bảo làm những công chịu lặt vặt : làm nước chanh giải khát, bắt chấy cho tôi và thêu khăn cho tôi. Tôi hoàn toàn bỏ rơi ba người kia. Thỉnh thoảng bà Mai Lý bắt tôi làm trọng tài để phân xử cuộc tranh luận giữa bà và Mãnh, Tôi chỉ cười mà thôi. Ảnh hưởng của những lời văn âu yếm trong lá thư tình do tôi sáng tác làm cho tôi thú vị dai dẳng. Bây giờ tôi có một thế giới riêng đầy ảo-tưởng lộng lẫy. Bởi vậy, trước mặt tôi ba người ấy đã chìm trong cõi vô thức của tôi. Mãnh có ý muốn đổi nghề. Chàng sang hỏi ý kiến bà góp ý làm đơn xin thi vào trường « quốc-gia điện ảnh ». Trong mọi chuyện dù lớn lao hay nhỏ nhặt bà và Mãnh làm cố vấn lẫn nhau. Bà muốn Mãnh ở lại, bà viện cớ là Mãnh sắp được vô ngạch. Bà bảo Mãnh :

— Mãnh đừng đi, lên Sài-Gòn tứ cố vô thân khổ lắm » thực ra Mãnh cũng lưu luyến quê nhà nhưng chàng lại nghĩ nhiều về tương lai. Sau hai tháng, Mãnh đến báo tin cho bà là chàng đã đỗ vào nghành điện ảnh. Trước khi từ biệt quê nhà chàng có vẻ lưu luyến bà thực tình. Bà gọi chàng đến và « bói » cho chàng một « quẻ » bài cào.

Bất phải quẻ nầy, đi tốt, nhưng sẽ không thành công trong công việc. Mãnh có vẻ không bằng lòng lắm. Nga cho rằng bà không muốn Mãnh xa bà vì bà thừa biết rằng chuyến đi này sẽ làm mất một người bạn trẻ đã giúp bà quên làng trong những ngày bà sống cô độc. Bà sắp xếp hành lý hộ Mãnh, tặng cho Mãnh ít tiền làm lộ phí. Mãnh từ chối, nhưng trước sự nài nỉ của bà chàng không cầm lòng được. Mãnh có vẻ bùi ngùi trước sự thay đổi của mình.

Tôi nghĩ rằng Mãnh có thể tìm thấy nhiều an ủi mà bà dành cho chàng cảm thấy mọi người lãnh đạm và khinh bỉ, chành chỉ tìm thấy bà Mai-Lý có thể làm chàng bớt dần sự mặc cảm quá đáng.

Vào một buổi sáng tháng chín rét mướt hơn mọi năm, Mãnh đến chào bà Mai-Lý lần cuối. Bà dặn dò chàng mọi thứ làm chàng cảm động đến rưng rưng nước mắt.

Bớt vui nhộn như mọi ngày, lúc nào bà hình như cũng nghĩ ngợi miên man. Cứ mỗi lần ông đưa thư đạp xe đi ngang qua là mỗi lần bà hồi hộp đợi tin Mãnh. Hai tháng nặng nề trôi qua. Những lời bà căn dặn Mãnh hình như chàng không còn nhớ nữa. Bà đến nhà hàng xóm càu nhàu về sự bặt tin của chàng. Một hôm Nga vội vã tìm bà và trao cho bà một bức thư của Mãnh. Không dấu được sự vui mừng bà loan tin cho cả xóm hay là Mãnh vì bận việc và đau ốm luôn nên không gửi thư về sớm. Bà đọc lại đoạn cuối của thư Mãnh « — Cháu lúc nào cũng nhớ mãi sự giúp đỡ và khuyến khích của cô. Trong tương lai tươi sáng của cháu một phần lớn do cô. Chỉ nghĩ đến cô cháu tin tưởng nhiều... »

Sau ba tháng Hồ có dịp lên Saigon sắm Tết, chàng tìm Mãnh và bà chủ trọ cho Hồ hay là Mãnh đã vào nằm dưỡng bệnh ở nhà thương « Hồng Bàng » và bà ta còn thêm :

— Khi đi học về thầy ấy xỉu dọc đường và được bạn bè đưa vào nhà thương !

Hồ bàng hoàng trước cái tin ác ấy. Hồ đi ngay vào bệnh viện. Gặp Mãnh đang nằm trại « không mất tiền », Hồ được biết là Mãnh đã khạc ra máu và bác sĩ bảo chàng lủng phổi. Hồ lại khuyên Mãnh nên về nhà tịnh dưỡng. Nghe tin Mãnh về, bà Mai-Lý chạy vội sang mừng. Mãnh không đả động về chuyện bịnh hoạn. Chàng có vẻ buồn bã lạ thường. Hồ gọi bà ra ngoài và cho bà biết về căn bệnh hiểm nghèo của Mãnh. Bà hốt hoảng và sau khi lấy lại bình-tĩnh bà vội vã ra nhà thuốc mua cho Mãnh một số thuốc uống và chích. Hồ

và bà thay nhau làm « y tá » điều trị cho Mãnh. Bà có của, Hỗ có công. Từ khi về nhà thuốc men dồi dào hơn ở bịnh viện, Mãnh đỡ dần...

∴

Rồi một buổi trưa hè vắng ngắt tôi nằm vừa thiu thỉu ngủ trên bộ « đi văng » cạnh buồng bà Mai-Lý. Mãnh rón rén bước vào. Tôi không lấy gì làm lạ về sự đi lại tự do của Mãnh. Thực ra, buồng bà Mai-Lý lắm kẻ ra người vào không có giờ giấc. Đặc biệt nhất là Mãnh và Hỗ thường lui tới lúc bà Lý ngủ trưa. Có khi Hỗ đánh thức bà dậy báo cáo chuyện vụn vặt của hàng xóm hay nói chuyện tào lao.

Tiếng dép của Mãnh dừng lại. Tiếp theo là tiếng cựa mình của bà Mai-Lý và tiếng « kỳ quá » xé bầu không khí tịch mịch. Mãnh bước vụt ra ngoài, lủi thủi về phía cửa chính. Tôi nhìn theo Mãnh. Mặt hắn đỏ bừng ; bước đi của hắn thoăn thoắt...

Chiều hôm ấy bà Mai-Lý dạy tôi làm bánh ở nhà bếp. Đôi mắt bà có vẻ đăm chiêu. Tôi lặng lẽ làm theo lời bà dặn cách cân bột, lường đường. Thỉnh thoảng tôi nhìn trộm bà. Đôi mày bà díu lại. Tiếng dép quen thuộc của Mãnh tiến về phía chúng tôi. Bà không ngẩng đầu lên nhìn Mãnh. Nét bực dọc trên mặt bà càng tăng. Thoạt thấy bà, Mãnh lùi lại rồi đi sang lối khác. Tôi vụt hỏi :

— « Hình như có chuyện gì làm cô buồn ? »

Như không còn chịu đựng được sự bực dọc nữa, bà kể lể :

— « Em nghĩ xem. Qua xem cậu Mãnh như là em cháu. Cậu ta thấy qua thân mật nên đâm nhờn. Hồi trưa... bà Lý ngập ngừng lúc qua đang ngủ cậu ấy... Bà rưng rưng nước mắt. Tôi vội hỏi dồn :

— « Cậu ấy làm gì cô hả ? »

Bà cười nhạt rồi nước mắt bà thi nhau rơi.

Tôi cảm thấy có cái gì nặng trĩu đè lấy người tôi.

Từ đó hai người cố lánh mặt nhau gần hai tháng. Hàng xóm tha hồ bàn tán. Có kẻ đổ lỗi ở bà Mai-Lý. Người khác buộc tội Mãnh. Mỗi lần họ gặp bà Lý hay Mãnh đi qua, họ túm tụm nhau xầm xì. Bà Lý ít khi sang tán gẫu với hàng xóm. Sau giờ làm việc, bà vào phòng riêng đọc sách. Cuộc sống cô độc ngày trước như xâm nhập lại lòng bà. Tiếng cười ngặt nghẹo của bà tan biến mất.

Tuyết-Ngô sửa soạn lấy chồng. Bà Tư mẹ của Mãnh nhờ bà Lý giúp bà trang hoàng nhà cửa. Tuy giận Mãnh nhưng bà có nhiều cảm tình với bà Tư, bà sẵn sàng tiếp tay mẹ con của Mãnh trong việc chuẩn bị đưa Tuyết-Ngô về nhà chồng. Thoạt đầu cả hai có vẻ ngượng nghịu Mỗi khi bà Lý muốn cần dùng gì thì bà nhờ Tuyết-Ngô làm trung gian. Cái không khí ngỡ ngàng

giữa hai người kéo dài được vài ba hôm. Đến lúc Mãnh phải làm quen với bà Mai Lý để lo việc đưa Tuyết-Ngô vu quy. Trong những ngày có tiệc tùng, cái không khí nguội lạnh cơ hồ tan biến mất. Tiếng cười nói giữa bộ ba được hâm nóng lại. Tiệc tàn. Mỗi người lùi về cái thế giới riêng của mình. Bà Mai Lý dè đặt trong cách đối xử với Mãnh hơn dạo trước. Mãnh không thường lui tới với bà nữa. Những lúc gặp nhau họ chào hỏi nhau vài câu bâng quơ cho có lệ, Mãnh đóng cửa làm thơ hay hát vài ba câu tân nhạc vớ vẩn.

Một hôm, Mãnh vừa đi vắng, Nga vừa quẩy gánh nước đi ngang nhà hắn. Nhìn quanh quất thấy không một bóng người lai vãng, nàng bỏ gánh nước và rón rén đẩy nhẹ cửa vào chỗ bàn viết của Mãnh. Nga bước nhè nhẹ như con mèo ăn vụng, tiến lại bàn giấy. Bắt gặp một mảnh giấy đang viết dở. Ả mỉm cười vội gấp tờ giấy lại lận vào lưng quần, rồi chạy vụt ra, quẩy gánh nước đi thẳng. Vừa đi nàng vừa mủm mỉm cười. Gặp tôi Nga níu lại rỉ vào tai tôi.

— Em vừa đánh cắp cái giấy nầy của thầy Mãnh. Vậy chị đọc thử coi. Mấy hôm rày thầy ta đóng cửa im ỉm rồi viết cái gì không biết. Tôi kéo Nga vào nhà, nàng mò trong lưng lấy ra tấm giấy bằng ba gang tay. Bây giờ tôi chỉ nhớ mang máng Mãnh làm một bài thơ gửi lòng cô đơn của mình vào vần thơ lục bát. Chàng lấy bút hiệu là Mộng-Liêng. Tôi đọc cho Nga nghe bài thơ ấy. Đôi mắt Nga sáng một cách tinh nghịch. Nàng vỗ vai tôi cười ngặc nghẹo. Nầy chị, chị có biết lấy « Mộng-Liên » là gì không ?

Tôi lắc đầu.

Nga tiếp :

— Mộng-Liêng là... « miệng lông » chứ gì ? Chúng tôi cười sặc sụa. Và khi gặp Mãnh nàng vào ngay câu Vọng Cổ mùi :

— « Miệng lông ơi ! tội tình chi mà anh phải đọa đày ! »

Thoạt đầu Mãnh không hiểu Nga ám chỉ gì chàng. Riêng tôi, lúc đó tôi đa cảm mà bây giờ nghĩ ra càng thêm thẹn. Tôi thường đọc bài thơ ấy với một niềm thương vay khóc mướn một cách lố bịch rẻ tiền.

— Tôi chép bài thơ của Mãnh vào quyển sổ tay. Nhiều lúc nhàn rỗi, tôi lẩm nhẩm đọc từng câu, tâm hồn tôi thấm thía với âm điệu rền-rĩ thâm trầm của bài thơ đó, bài thơ gợi cho tôi một bầu trời tràn ngập cảm xúc, nụ cười xa-xăm lơ đãng và những buổi chiều tê ngắt điển hình cả một cuộc đời. Nhưng rồi, khi nghĩ đến tác giả của nó lại là Mãnh, tôi vụt cảm thấy bài thơ ấy đượm nhiều cái trâng tráo hài hước. Thú thật tôi bất công nhiều với Mãnh. Tôi không tìm thấy cái rung động chân thành của hắn nữa.

∴

Tôi về Vĩnh-Long được một tuần. Ba ngày Tết trôi qua như giấc mộng trong suốt đến nhạt như nước ốc. Tuy vậy, sáng mồng một, tôi vẫn phải trang điểm. Tôi buồn chết đi được. Ngồi thu mình trên ghế bành, tôi ngắm nghía màu hồng ánh bạc của nước thuốc sơn móng tay với bao ý nghĩ đen tối. Tôi biết rằng nếu đi dạo phố hôm nay chỉ đem cái mặt rầu rĩ khép nép lẫn mơ mộng chín mùi mà chưng với thiên hạ. Cuộc đời tẻ ngắt của tôi thêm một tuổi nữa... Tôi nghĩ đến bà Mai-Ly. Bà đã già, nhưng phải nâng niu trau chuốt cái gương mặt cũng rầu rĩ và đam mê như mặt tôi. Bây giờ bà ở riêng. Bà mập. Hai bên hàng thịt mỡ xổ bung ra trái với hai cánh tay thì vẫn còn khẳng khiu như cũ. Bà mất hết cái dáng dấp nữ sinh lý tưởng rồi. Trông bà tôi liên tưởng đến con heo nái xề xệ.

— Chiều mồng một, tôi qua chúc Tết bà. Niềm nở bà rót nước ngọt mời tôi. Bà mặc chiếc áo gấm vàng sáng loáng. Xâu ngọc trai giả buông thòng xuống cái ngực bề bộn của bà. Giọng bà Mai-Lý vụt xa vắng :

— Cái già đến mau quá em à. Năm ngoái tôi còn kiêng cữ ăn uống. Năm nay thì mặc kệ. Già rồi mà sc sua người ta trề môi nhún mỏ phải không em ?

Tôi chỉ cười. Tôi nghĩ đến Nga.

Cũng chiều ấy, cơm nước xong, tôi sửa soạn đi thăm Nga. Bây giờ nàng ở riêng. Con đường đất hẹp, cỏ mọc lan gần choáng cả lối đi đưa tôi đến một gian nhà lá nho nhỏ nép mình dưới tàng cây vú sữa. Ánh nắng chiều không đủ sức xuyên qua những chiếc lá hai màu - xanh, và hung hung đỏ đầy đặc. Một làn gió thoảng, vài chiếc lá khô bay tả lả xuống mặt sân. Cái sân đất vuông vắn, bóng nhẵn như lát gạch.

Bên hông nhà vài liếp mía tây vàng ối.

Phía sau là ao rau muống và chiếc cầu bằng tre bắc ngang qua ao. Trước nhà chiếc hàng rào «bông tuội» xanh rờn. Vài chiếc hoa đỏ thắm treo lủng lẳng trên bờ ráo.

Nga tiếp tôi bằng một thái độ thẳng thắn hơn là khó chịu và e-ngại. Nàng đã biến đổi thành một mẫu người khác. Nét buồn rầu tạo cho nàng một vẻ trang nghiêm và thanh lịch. Vẻ đẹp khêu gợi lẫn quê mùa đã hoàn toàn biến mất. Đối với đàn ông, sự đổ vỡ về tình yêu không tai hại và quan hệ bằng đối với đàn bà. Tôi nhớ hồi nào Nga thích chạy theo thời trang. Bao nhiêu tiền gánh nước, Nga mua sắm toàn là những chiếc áo nylon đủ màu bó sát lấy cái thân «vệ nữ của nàng. Hàng xóm thường xầm-xì :

— Khi con Nga ra đường, đố ai biết nó đi ở mướn. Nó ăn diện như con bà phủ bà huyện có khác».

Nga không thoát dưới đôi mắt thèm thuồng của ông chú họ. Ông ta tung tiền mua tặng cho nàng những món quà đắt giá. Nàng đã nhận quà và nhận luôn mối tình tội lỗi ấy.

Hai tháng sau nàng bỏ trốn trước khi ba mẹ nàng hay được tin chẳng lành. Nàng lên Saigon tìm đến nhà một người bạn cũ tá túc. Nàng vẫn tiếp tục nghề cũ nhưng nàng phải làm gấp hai để dành dụm tí tiền ăn lúc sinh nở. Và tác giả bao thai của nàng không lui tới với nàng, nữa bắt đầu ngày nàng khóc chia tay. Sau khi sanh nở Nga vì túng quẫn không đủ nuôi con, nàng liều một lần nữa. Nga lấy một Mỹ Kiều. Cuộc sống trao đổi giữa tiền và xác thịt kéo dài hơn hai năm. Nàng có một số vốn nho nhỏ và cái ý nghĩ trở về làng sống lại đời lương thiện đã nẫy nầm ở lòng nàng. Nga nhất định ly khai đoạn đời tăm tối ở Saigon để mai sau có đủ quyền dạy đứa con gái của mình.

Nàng đã thu xếp và bồng con hồi hương.

Nàng tậu một gian nhà ở tận cuối thôn cũ.

Nga đưa con tôi tôi ẵm: Đứa bé vừa tỉnh giấc, nhoẻn miệng cười. Tròng mắt xanh thăm thẳm của nó ướt át, linh động. Tôi cúi xuống đặt môi thật lâu trên đôi má tròn và mịn màng của nó. Tôi lại hỏi :

— Mãnh khen con em xinh lắm.

Nga buồn :

— Anh Mãnh coi được quá chớ. Ảnh tặng cho con em một cái áo len và một hộp sữa Guigoz. Phải dè...

Tôi rầy :

— Đừng em...

Nga lại nói :

— Thật ra, tới bây giờ em chưa hề yêu anh ấy. Nếu trước kia ảnh hỏi em làm vợ thì em ưng. Đằng nầy, ảnh muốn bất tình với em.

Tôi bật cười :

— Sao em không bất tình với hắn, rồi dụ hắn cưới em.

Nga che miệng ngáp :

— Em biết không đời nào gia đình ảnh chịu nhận em làm dâu. Còn bất tình để đòi cưới thì mệt đứt hơi chứ phải chơi sao, mà chắc gì được.

Rồi Nga hỏi tôi :

— Gia đình ảnh ưng có một nàng dâu như chị lắm mà.

Tôi nhún vai :

— Nhưng hắn không ưng và chị cũng không ưng em à.

Nga bông đùa :

— Ảnh gầy mà chị cũng gầy. Đằng gầy như nhau mà không biết thương nhau. Chị quái gở lắm. Mà ảnh cũng kỳ. Ai đời con nít lại mê bà già.

Khi tôi từ giã ra về, mẹ Nga đưa tôi ra tận cổng Bà nói thấm thiết :

— Tôi tưởng nó đi học tiếng Huê-Kỳ để kiếm sở làm. Ai mà dè nó chỉ học có hai tiếng Dết. Nô (yes, no). Dết, nô riết tới chừng cái bụng nó thè lè như bụng con ành ương tôi mới biết.

Tôi ngạc nhiên hỏi :

— Vậy còn đứa con đầu của Nga, đâu bác ?

Bà cụ rầu rầu kể :

— Tôi toan đem nó cho bà phước. Để thêm nhục nhã tổ tông nhưng tôi không nỡ. Có ai như con Nga đâu. Người ta hư hỏng một lần là cũng đủ chết còn đàng nầy nó...

Tôi vội ngắt lời mẹ nàng.

— Bây giờ Nga khổ lắm rồi. Vậy bác cũng bỏ qua cho. Âu cũng là định mạng bác à.

Bà cụ nhìn tôi rưng rưng nước mắt và thở dài...

∴

Qua sáng mùng năm tôi lại lên Saigon.

Chuyến xe đò khởi hành vào năm giờ sáng cho tôi một ý nghĩ là lạ. Trời hãy còn tối đen. Khung cảnh bến xe bắt đầu nhộn nhịp. Đèn đốt sáng trong tiệm nước. Tất cả như trở về nhịp sống bình thường. Nhưng có sao tôi có cảm tưởng hương xuân còn lưu luyến đâu đây. Tôi sẽ trở lại bàn giấy. Tôi sẽ nhìn lại bộ mặt nuối tiếc phong vị những ngày Tết ở Saigon. Và bây giờ tôi tách rời bầu không khí thân mật cùng bao chuyện hài hước đầy thú vị nơi đây. Mùa xuân cạn ngày. Cuộc đời tôi xếp an lành vào bao công việc cũ. Cùng với tôi bao nhiêu nhân vật ở tỉnh lỵ nầy tiếp tục lại cuộc sinh hoạt thường nhật. Nhưng tâm trạng những kẻ quen thân với tôi vẫn không thay đổi. Bà Mai-Lý càng lúc càng thu mình vào bóng tối của dĩ-vãng. Cô Nga nằm giữa sự đổ vỡ và muốn tìm một cơ hội để tạo lập lại cuộc đời.

Và Mãnh nữa, không hiểu đã có một bóng người đàn bà đi qua đời hắn chưa ? Thật tình tôi mong cho hắn tìm được một đối tượng để hắn vung vãi cái tình yêu tràn trề trong lòng hắn. Bao nhiêu gương mặt tẻ ngắt, bao nhiêu sự mơ ước của họ như lẳng vẳng mãi trong quá-khứ trầm lặng của tôi. Họ dãy dụa trong bóng tối của một quãng đời nào đó.

Tỉnh Vĩnh-Long bắt đầu kiến thiết lại. Mặt tiền tối tăm của dãy phố được sửa sang lại. Nhưng có sao tôi có cảm tưởng đó chỉ là những gương mặt già tô son trét phấn một cách vụng về, trơ trẽn. Và những gương mặt quen thuộc ở đây dần dà đã xiêu lạc phương nào. Tôi đã bỡ ngỡ nhiều gương mặt mới của những kẻ tứ xứ tới đây lập nghiệp. Khi việc mới

bắt đầu xây cất. Những biệt thự kiến trúc tân kỳ, những công sở nguy nga mọc lên. Khu mới kiêu hãnh tách khỏi cảnh châu thành cũ. Nơi đây sẽ là ánh sáng tương lai, và nó đã gieo trong lòng tôi một xúc cảm nghẹn ngào. Tôi muốn trở lại trước bộ mặt cũ thân mật của tỉnh nhà ngày xưa.

Trước kia tôi đã từng chán cái bất di bất dịch của bến xe đò Lục-Tỉnh ở Sài-Gòn. Nhưng cớ sao trước bộ mặt mới mẻ xa lạ của nó hiện giờ tôi có cảm tưởng mình bị hất hủi. Tôi sẽ trở về Sai-Gon. Nơi đó ngày tháng đều đặn trôi qua. Cuộc sống tôi sẽ khác hẳn ở Vĩnh-Long. Tôi không còn được ngắm buổi chiều hò hẹn, không một lá thư ướt át, không một khóe mắt tỏ tình. Tôi sắp làm một bà Mai-Lý thứ hai, một Mai-Lý cô đơn nhiều mơ ước không bao giờ thỏa mãn.

Nước mắt của tôi âm ấm nơi khóe. Xe bắt đầu chạy. Tôi quấn khăn len lên cổ. Ồ ! tôi sắp bỏ cái bóng tối nơi đây. Chắc chắn khi tới Sài-Gòn tni ở vào một ngày nắng đẹp. Nhưng trong nắng, bóng tịch liêu lẵng vẳng và một cuộc đời bình thản sắp chào đón tôi. Tôi sẽ dùng những chuyến xe buýt để đi đến sở. Rồi đó những buổi tối nằm dã dượi trong căn phố trệt, tôi mơ mộng cho đến giờ đi ngủ. Đầu óc tôi bị quấy rộn bởi những tư tưởng rối rắm, những thắc mắc rải rác trên sách vở... Cuộc đời mới dài làm sao.

Tôi ngủ thiếp đi. Trong mơ, tôi thấy mình ở trong một lớp sa mù. Tôi lạc loài, tìm kiếm nhưng chẳng thấy một ai. Sau lưng tôi quá khứ rã rời hết mầu sắc lộng lẫy. Trước mặt tôi, một con đường dài mút mắt gieo nhiều sợ hãi cho tôi.

Tôi tỉnh dậy khi xe đến Cai-Lậy, Trời ửng sáng. Bỗng có tiếng gọi :

Cô Liên !

Tôi quay lại, Mãnh ngồi cách tôi hai cái băng. Mắt hắn gởi về tôi một cái nhìn thân mật, xã giao. Tôi cười đáp lại. Đầu óc tôi ê ẩm. Dĩ nhiên, đường đời đã ngăn cách chúng tôi, như hai cái băng bây giờ. Tôi hướng mặt về phía trước. Con đường quanh co trong nắng sớm mới bóng lộn làm sao. Những rặng cây bắt đầu thay lá. Cảnh vật vốn thản nhiên với cuộc sống trong lòng tôi.

NGUYỄN-THỊ-THỤY-VŨ

Cuối đông 63

● Không một người nào có trí nhớ giỏi để mà thành công trong sự nói dối

Lincoln

SỐNG VÀ VIẾT

NGUIỄN-NGU-Í

với LÊ VĂN SIÊU [1]

MỘT người bạn văn nói với tôi : « Trông anh Siêu giống như một người thợ ! » Khiến tôi lại nhớ đến một ý nghĩ đã đến trong trí, cũ đã mười năm, dạo cùng anh giúp báo Phương-Đông. Anh làm chủ bút, tôi là một biên tập viên, phụ trách mục «Gia đình văn nghệ». Một hôm, cần giao bài cho anh gấp, tôi đến tòa soạn, thì anh vừa xuống nhà in, tôi đuổi theo ; nhưng khi leo đến đầu thang, thấy anh, tôi lại không vội đưa bài, mà đứng nhìn anh giây lát.

Vì tôi bắt gặp một Lê-Văn-Siêu khác. Anh đang chỉ cho anh xếp ti-bô sửa đổi cách «mi» một trang báo. Trông anh lom khom (anh vốn cao hơn mức trung bình của người Việt), miệng nói, tay chỉ giữa các anh em thợ nhà in, tôi thấy cái không khí lao động rối rít nầy hợp với anh hơn là cái không khí bàn giấy ở nhà báo, và tôi nghĩ : trông anh như một chú thợ cả với đàn thợ con !

---

(1) Sanh năm 1911 tại Hà-Nội ; giấy tờ ghi ngày 20-6-1914. Nhập tịch làng báo từ năm 1936, khi là một công chức Công chánh ở Hà-Nội. Tác phẩm đầu tiên là *Thanh niên và thực nghiệp*, do Hàn-Thuyên, Hà-Nội, xuất bản năm 1940.

Và tên các tác phẩm của anh lúc bấy giờ hiện lên trong trí nhớ : *Thanh niên và thực nghiệp ; Luận lí thực nghiệp ; Hợp lí hóa chủ thuyết Taylor, chủ thuyết Ford ; Tương lai kĩ nghệ Việt-Nam.*

Lời người bạn kia, ý nghĩ nầy, tôi nói lại với anh sau khi anh bước vô nhà, nụ cười thân hữu trên môi, với lời giải thích : « Anh Văn-Thanh gặp tôi ở Kim-Lai ẩn quán, cho hay anh đạp xe lên tôi, tôi vội qua đò Thủ-Thiêm, lên xe Lăm - bết - ta về đây ».

Anh tươi cười trả lời tôi bằng cách đưa tôi xem một thẻ công nhân anh lấy ra ở một ngăn kéo. Thẻ cấp năm 1947, ở Hà-Nội, do một vị quan năm Pháp : ở khoảng nghề nghiệp, rành rành chữ menuisier (thợ mộc).

Tôi nhìn anh, hỏi bằng đôi mắt.

Anh châm điếu thuốc, mỉm cười.

— Anh quên rằng mười năm trước, trên báo Phương - Đông, tôi có cho đăng dở dang thiên hồi kí : « Tôi làm thợ mộc » sao ?

Tôi chợt nhớ lại, nhưng không nhớ gì hơn là cái tít ! Nên tôi muốn biết anh học nghề cầm đục cầm cưa hồi nào. Và trong gian nhà tĩnh mịch đứng hiền lành giữa vườn cây trái do chính tay anh tạo lập đã sáu năm nay, cách xa lộ trên vài trăm thước, quá hãng xi măng Hà-Tiên một chút, tôi được anh cho biết đầu đuôi.

Anh và hai người bạn nuôi chí sang Pháp du học. Cần phải có trong tay một nghề, để sinh sống tại quê người trước đã. Nên cùng vào học trường Kĩ nghệ thực hành ở Hải-Phòng. Trương Tửu học nghề đồng, Nguyễn-Ngọc-Lễ học nghề sắt...

— Nguyễn-Ngọc-Lễ ! Có phải là trung tướng...

Anh gật đầu.

Rồi theo khói thuốc, anh kể tiếp.

Anh chọn nghề làm khuôn (modeleur). Các nghề khác như nghề sắt hay đồng, chỉ đòi hỏi sự chăm chỉ và khéo tay lanh mắt. Riêng nghề làm khuôn của anh thì thêm ngoài sự biết làm đồ mộc ra, lại phải rất tinh tường về kĩ nghệ họa và phải có thêm phần tính toán để ngừa sự co của các chất kim khí từ lúc đổ khuôn đến lúc nguội, và phải ngừa những phần việc trên bộ phận máy của các ngành thợ khác, khi bộ phận đúc xong, lại phải ngừa trước để đóng cái khuôn gỗ thế nào cho người thợ nặn ở lò đúc đắp đất rồi, rút được khuôn gỗ ra, mà không vỡ đất thì giữa mới có khoảng trống để đổ kim khí.

Nhờ học nghề này mà anh có được tinh thần tổ chức. Chính Taylor, người khai sáng phương pháp tổ chức hợp lí hóa làm cách mạng nền kĩ nghệ thế giới, một thời cũng là người thợ làm khuôn như anh vậy.

Hồi ấy, nha Học chánh Bắc-Kì có cho một học bổng về Khoa học, người được hưởng sẽ qua Pháp học cho đến khi thành tài. Ngụy-Như Kontum là học sinh xuất sắc nhất về Khoa học của các trường học chữ, còn anh, của các trường học nghề, nên hai người phải thi tuyển. Tự nhiên là người học trò học nghề tranh chẳng lại người trò học chữ trong một cuộc thi trên giấy tờ. Tới giờ, nhắc lại, anh mới nhận đó là một điều bất công mà các thầy anh và gia đình anh chẳng thấy để kêu nài bỏ cuộc thi nọ mà đề nghị một giải pháp nào công bình hơn, chẳng hạn như cùng chia đôi học bổng. Thế là tan cái mộng đi Tây. Vì lúc bấy giờ khoảng 1932, tình hình chánh trị và kinh tế trong nước không thuận tiện cho việc xuất dương của ba người trai giàu ý chí mà nghèo tiền tài và thế lực ấy.

Nghe anh nhắc đến trường Kĩ nghệ thực hành Hải-Phòng, tôi không kkỏi đưa ra một nhận xét :

— Cái trường « máy móc » này thật là có duyên với con nhà văn lắm đó. Trước anh và anh Trương-Tửu, có anh Vi-Huyền-Đắc, sau hai anh, có anh Phạm-Cao-Củng, cũng đều xuất thân tại cái trường vốn chuyên đào tạo những đốc công (contremaitre) này.

Hỏi anh có phải Trương-Tửu đưa anh vào nghiệp viết lách chăng, thì được đáp :

— Chính người bạn này khuyến khích tôi trong bước ban đầu. Bà thân Trương-Tửu và thân mẫu tôi vốn là hai bạn buôn chung với nhau từ lâu, lại ở chung một nhà nữa. Trương-Tửu và tôi thân nhau từ khi mới bốn năm tuổi.

— Loạt sách về thực nghiệp anh viết cho nhà Hàn-Thuyên trước kia, chắc hẳn là bắt nguồn từ lúc anh làm quen với cuộc sống ở trường Kĩ nghệ thực hành ?

— Bắt nguồn từ đó, rồi đời sống của người đốc công (sau khi tốt nghiệp, tôi có làm đốc công cho một hãng Pháp trong một thời gian) nó khai thông... Nhưng động cơ chính, có lẽ là vì tôi được thấy cái học từ chương nó hại thanh niên ta nhiều, và con đường thực nghiệp chưa được thanh niên nước mình chú ý đến, hoặc thờ ơ, xem rẻ. Đến tôi viết sách cổ xúy về mặt này. Chắc anh còn nhớ tác phẩm đầu tay của tôi là cuốn « *Thanh niên và thực...* »

— Xin mời hai «ông» *thực* cơm cho cái đã. Mười hai giờ rồi». Chị Siêu vừa nói vừa cười.

Mười hai giờ rồi ! Ốc ở hãng xi măng Hà-Tiên hụ lên một tiếng dài, phá hẳn cái tĩnh mịch của cái xóm nhà quê này, trong chốc lát.

Bữa cơm rau mắm với măng kho dùng với người bạn cũ ở trong bầu không khí trong lành, vắng tiếng ồn ào này, quả là một điều thích thú cho người sống ở đô thành. Nếu không nóng lòng muốu biết tin tức trong nước khi đang ở cảnh dầu sôi nước bỏng,

thì tôi đã xin chủ nhân tắt máy ra đồ để hưởng một buổi trưa hoàn toàn thôn dã.

Chúng tôi thong thả ăn và tiếp tục chuyện trò. Dĩ nhiên là chuyện thời sự : cái ra đô chạy bin nhắc nhở tình trạng đặc biệt của nước nhà. Anh nói :

— Chánh phủ dân sự đầu tiên mới ra đời chưa chi gặp lắm khó khăn. Chẳng biết có qua khỏi cơn bão tố này không.

Trán rộng anh nhăn lại sau những lời này

Tôi kéo anh ra khỏi nước với việc Trung-Cộng có bom nguyên tử. Anh đưa ý kiến :

— Người ta rút nhỏ tầm quan trọng của việc này. Tôi thấy khác hẳn. Đó là biến cố quan trọng vào bậc nhất, chẳng những cho các nước nhược tiểu ở sát chú khổng lồ Trung-Cộng, mà cho cả thế giới nữa. Mĩ mà không đối phó mau và mạnh, thì chẳng những mất cả miền Đông-Nam-Á, mà mất luôn cả trận đại chiến thứ ba !

— Anh tin rằng loài người phải cúi đầu chịu trận giặc nguyên tử này à ?

— Tôi thấy rằng khó mà loài người thoát khỏi nó. Nhiều triệu chứng không hay đã xuất hiện đó, đây. Nếu bọn chúng ta may mắn còn sống sót thì kể như là đã được tuyển vào nước Thiên-đàng vậy !

Cơm xong, chúng tôi lại bàn tròn, dùng nước. Vài tiếng chim véo von trên cành. Chiến tranh thế giới rồi có nổ bùng, đại cục nước nhà dầu hỏng bét, cũng chẳng ai nỡ đem ra làm đầu câu chuyện, sau buổi cơm, trong cái khung cảnh dịu dàng này, mà cây cỏ và chim muông như đã hoà đồng. Nên tôi hỏi chủ nhân về vườn tược.

Anh nói vườn này lập được sáu năm. Thế là trước khi có xa lộ. Vậy lúc anh về, an ninh vùng này chắc không bảo đảm lắm. Anh liều lĩnh hay anh thấy xa ?

Anh nhìn ra giàn mướp còn tòn ten một trái, đôi mắt như có vẻ mơ màng :

— Nói tôi lo xa thì đúng hơn. Tôi đông con, mà cái nhà nhỏ của chúng tôi ở trong một cái hẻm ở Chợ Quán không đủ đâu vào đâu. Nên tôi có ý định lui về quê cho các cháu được sống gần thiên nhiên, có chỗ để mà chạy nhảy ; lại tuổi cũng đã lớn, cuộc sống quá náo nhiệt ở thủ đô không hợp mấy. Tiền dành dụm chẳng bao nhiêu, nên phải tìm đất xa. Chín năm trước, tôi đã về đây, mướn đất cũng gần đây, cạnh con đường đá xanh, xây nền để rồi dựng một cái nhà máy xay lúa nho nhỏ Nhưng xoay tiền không ra, cái mộng con ấy chỉ được thực hiện ở cái phần thấp nhất : cái nền. Ba năm sau, tôi dành được một số tiền, mới mua miếng đất này, và rủ năm bảy anh em quen biết cùng nghề mua mấy đám ở gần, cho hôm sớm có nhau.

Tôi nhìn ra ngoài.

Mít, ổi, xoài, bưởi, quít . . . xanh um. Chắc rằng đã thâu huê lợi.

— Cây đã có trái rồi, nhưng huê lợi kể như chưa có gì. Vừa đủ cho lũ cháu chúng «thưởng thức» và dùng trong nhà. Tôi sung sướng ở chỗ là tuổi thơ của chúng nhờ mảnh vườn này mà có nhiều kỉ niệm êm vui. Anh biết không, có những trái ổi vừa tầm, chúng không lấy ngón tay bấm coi chua chưa, mà lại hả miệng ra cắn thử, thấy chát thì bỏ đó, mà chua thì cắn luôn, có khi vì ham vui hay bị anh chị rượt, bỏ dở trái ổi bị thương kia trên cành rồi quên luôn. Để sau đó, cha mẹ hoặc ông bà chúng tình cờ thấy được, ra tay «tế độ» giùm !

Chị Siêu từ nhà dưới lên, ẵm một đứa cháu lên một. Nó đưa tay đòi ông ngoại bồng. Tác giả «*Học để làm gì ?* » cười với cháu rồi đưa tay ra bế.

Tôi nói :

— Thăm qua vườn anh, người ta biết con người anh nó ra sao.

— Nó ra sao ? » Anh hỏi lại, nét mặt vui vui.

— Nó nửa nầy nửa nọ. «Thực nghiệp» đành là phần cốt yếu, nhưng cũng có xen đôi cái mộng, mơ. Cây ăn trái đầy vườn, song chủ nhân lại trồng một ít cây để làm kiểng, hoặc để nhớ một tích xưa gì, tỉ như bụi tre đằng ngà anh trồng ở góc kia. Chắc chẳng một ai nghĩ rằng chủ vườn có ý bán loại tre đặc biệt nầy khi chúng lớn, mà hiểu rằng thứ tre da màu ngà này nhắc lại tích cậu bé làng Phù - Đổng thuở xưa đã dùng chúng làm khí giới đuổi giặc Ân. Và biết đâu, chủ vườn lại chẳng nghĩ thêm rằng một ít đất đai cõi Bắc đã bám vào lớp rễ bụi tre ni ?

Nghe tôi nói, anh chỉ mỉm cười, cười tôi đã buông dây cương cho tưởng tượng ? cười tôi đoán đúng ẩn ý người trồng tre trong vườn cây ăn trái ?

Người chủ nhà như sực nhớ lại :

— Chúng mình còn nhiều thì giờ, anh hãy đi nghỉ trưa một chút cho nó khoẻ. Rồi nếu câu chuyện chưa xong chiều nay, thì anh chất vấn tôi dưới ánh đèn dầu, rồi ở lại đây, ngủ một đêm cho biết «mùi» đêm nhà quê.

Tôi nghe lời anh, lại nằm nghỉ cạnh cửa sổ, để cho gió đồng và tiếng chim ru mình, thiu thiu. Tôi đánh một giấc khá dài, khi thức giấc, nhìn lại đồng hồ, thì đã ba giờ. Để mắt tìm chủ nhân, tôi gặp anh đang ngồi viết ở phòng làm việc, cạnh phòng khách.

— Anh viết tiếp bộ *Văn học Việt-Nam* ?

Anh lấy cái gương người có tuổi xuống, trả lời tôi :

— Tôi đang viết một cuốn sách mới.

— Còn « nợ cũ », anh tính chừng nào mới trả ? Sau *Văn học thời Bắc thuộc*, *Văn học thời Lý*, độc giả đợi

chờ những quyển tiếp. Thấy anh im lặng khá lâu sau quyển thứ nhì, anh em có người cho anh đã bỏ cuộc, có người cho anh bị nghề báo chiếm hết thì giờ. Chẳng biết ý kiến nào đúng ?

Anh cười cười :

— Quả nghề báo có chiếm nhiều thì giờ của tôi thật, song bỏ cuộc thì không. Tôi ngưng lại đó, vì tài liệu thu nhặt chưa được đầy đủ như lòng mong muốn, lại có những tài liệu hiện mình không thể kiểm soát được.

Rồi anh hỏi tôi :

— Anh có nghe anh em nói gì thêm về bộ văn học còn dở dang này ?

— Tôi được biết vài bạn cho anh «bạo» trong lối lập luận. Anh thường kết luận theo lối suy luận của riêng anh, không đưa ra những bằng chứng cụ thể, mà căn cứ trên những điều rất-có-thể là-như-vậy.

— Nghĩa là thiếu Khoa học chớ gì ?» Anh tiếp lời tôi với một nụ cười.

Tôi chờ anh nói thêm, nhưng anh lại mơ màng theo khói thuốc, tôi nói :

— Cũng có người bình vực anh. Họ nói có những bằng chứng rờ mó được, mà cũng có những bằng chứng chẳng còn hình bóng, thì người ta sao lại chẳng nhờ vào tâm linh, vào tiềm thức ? Anh Nguyễn-Mạnh-Côn từng...«đem tâm tình viết lịch sử », thì anh có không theo sát tinh thần khoa học của Tây Phương trong khi thảo luận văn học nước nhà, âu cũng là điều thông thường vậy.

Anh có chiều nghĩ ngợi.

— Tôi cố nghĩ lại (repenser) lịch sử và nền văn học nước nhà, thành ra có một số bạn bè cho tôi ưa « tân rộng ».

— Nhưng chắc rằng anh đã có một điểm tựa nào đó rồi, mới từ đó mà suy luận ra...

— Điểm tựa của tôi là óc phê bình (esprit critique) và lương tri (bon sens). Ví dụ một sự kiện sau đây dưới đời nhà Trần. Sử ghi Trần-Thủ-Độ muốn diệt dòng họ Lí, nhân lễ tế Tiên hậu nhà Lí ở thôn Thái-Đường, làng Hoa-Lâm ở tỉnh Bắc-Ninh, Thủ-Độ sai người đào hầm, làm nhà lá ở trên, khi các tôn thất nhà Lí đến tế lễ thì cho sụt cả xuống hầm, rồi chôn sống cả. Tôi thì không nghĩ thế. Lễ cử hành tại thôn của tôn thất nhà Lí ở, thì Thủ-Độ có cho đào hầm kín đáo cách nào cũng không lọt khỏi mắt dân trong thôn, vốn người họ Lí. Người quyền biến như Thủ-Độ chẳng lẽ lại ngốc đến thế ! Sự thật sao không thể là : tôn thất nhà Lí chủ mưu việc ấy để hại vua tôi và dòng họ nhà Trần, chẳng ngờ Thủ-Độ biết được, mới tương kế tựu kế, thành rốt cục, tôn thất nhà Lí tự đào mồ để chôn lấy mình.

«Tôi đã thử dựng sự kiện lịch sử hợp lí này trong một cuốn sách nhi đồng viết cho nhà xuất bản «Đất nước» in từ mấy năm trước, với

cái nhan : «Chôn sống các tôn thất nhà Lí». Ngoài điểm tán rộng ra, chắc anh em cũng có đưa ra những nhận xét khác ? »

— Tôi chỉ nghe có mỗi điểm ấy. Về phần tôi, tôi thấy có sự biến chuyển từ tưởng ở anh. Trước ngày toàn quốc kháng chiến, 19-12-1946, anh viết chuyên về thực nghiệp và phổ biến những tư tưởng chánh trị quốc tế trong loại sách «Vỡ lòng» của Hàn-Thuyên sau khi Nhật đảo chánh Pháp. Nhưng từ sau đó, anh lại quay về với những cái vốn tinh thần của dân tộc : hoạt động, thì anh đứng ra tổ chức cuộc triển lãm sách, báo, ảnh các văn nhân, kí giả, anh phổ biến bức tranh cây Văn hiến Việt-Nam, viết sách, thì là : *Văn minh Việt-Nam, Nếp sống tình cảm của người Việt-Nam, Văn học thời Bắc thuộc, Văn học thời Lí, Học để làm gì, Tân xuân tùy bút*, giới thiệu và chú thích thi văn, thì anh chọn thiên anh hùng ca *Giai nhân kì ngộ* của cụ Phan-Tây-Hồ. Tôi không dám nói rằng anh đi từ duy vật đến duy tâm, hay từ quốc tế trở về quốc gia, nhưng quả trong anh có sự nghĩ lại !

Khách nói nhiều, mà chủ đáp lại vắn tắt :

— Đó chẳng qua là hai mặt của con người tôi, chúng chẳng có gì là tương phản, mà chúng vốn bổ túc cho nhau.

Tôi cười :

— Anh làm tôi nhớ đến hai hạng người, một hạng luôn luôn tự hỏi : «Linh hồn hay xác thịt ? » và một hạng tự trả lời : «Linh hồn và xác thịt ! »

Anh cười, như xí xóa, rồi chúng tôi qua chuyện khác. Anh nói qua về tác phẩm đang viết. Tác phẩm tên chung là « *Đất nước chúng ta* », gồm ba quyển : miền Nam, miền Trung, miền Bắc. Anh khởi đầu bằng cuốn miền Trung. Với cuốn này, anh sẽ đưa người đọc thăm qua cảnh nước non nhà, dọc theo ven biển, trước từ Bình-Thuận đến Thanh - Hóa, rồi đưa bạn đọc về nơi phát xuất, xuyên qua miền núi và vùng Cao-nguyên. Có cảnh đẹp, có dấu tích người xưa, có những nét riêng biệt về thói ăn, cách ở, về thổ sản làm địa phương được nổi danh ; có ảnh, có địa đồ các tỉnh lị. Một thứ sách chỉ nam cho miền Trung, nhưng chẳng khô khan như sách cùng loại, vì có thêm những cảm tưởng của khách lữ hành. Anh có ý định viết sách này từ mấy năm về trước : làm chủ bút cho nguyệt san hình ảnh « Sáng Dội Miền Nam », anh thường có dịp đi thăm gần khắp các tỉnh miền Trung. Điều thích thú là đi xe của nha Kiến-thiết, có nhiếp ảnh viên theo, đến đâu đi, ở tùy mình, không có chương trình vạch trước; tới mỗi tỉnh, thì có ti Kiến thiết cung cấp tài liệu và hướng dẫn.

— Có đi như thế, mình mới thấy tình yêu đất nước càng thắm thía. Mong truyền lại cho người đọc — nhất là cho các bạn chưa có dịp đi nhiều — mối tình thắm thía ấy, nên tôi góp nhặt lần hồi tài liệu từ bốn

năm nay, và nay tôi mới bắt tay vào việc.

Hiện anh đang « đi » tới Huế, vào thành nội thăm cung này điện nọ, Nếu chẳng gì bất ngờ cản trở, khoảng hai tháng sau, anh sẽ xong cuộc hành trình.

— À, tôi quên một điều. Là sách có phần nói đầu, trong đó tôi ghi rõ lịch sử cuộc Nam tiến của dân tộc Việt mình. Để mong đánh tan một mặc cảm, mặc cảm đền tội.

— Đền tội ? Đền tội cho ai ?

— Đền tội cho ông cha ta đã tiêu diệt cả một dân tộc hùng cường, dân tộc Chiêm-Thành, trong lúc tiến về Nam. Có dư luận cho rằng vì lẽ đó mà nay dân tộc ta chịu bao cảnh đau lòng, nào nước bị cắt làm hai, nào anh em một nhà chém giết lẫn nhau, nào hai mươi năm tang tóc kéo dài chưa biết ngày nào chấm dứt. Chẳng qua là ta trả cái nghiệp báo do ông cha mình gây nên.

« Tôi chứng minh người Chàm đã chiếm đất đai ta trước, ta lấy lại, rồi sau để tự vệ, để trừ mối đe dọa thường xuyên ở sát nách. Khi thắng họ, ta đâu có dùng những chánh sách tàn bạo, bốc lột theo kiểu thực dân da trắng, mà ta hòa đồng với họ. Đối với Thủy-Chân-Lạp, ta nào phải cướp mà lấy, mà chính họ mời ta đứng ra phân xử những cuộc tranh chấp của họ, rồi họ nhường đất cho ta để tạ ơn.

« Như thế, thì trong cuộc mở mang bờ cõi, ông cha ta chẳng có vay gì để lũ con cháu là ta đây phải nai lưng ra trả. Không đâu, vận nước ta gặp hồi quá rủi, chớ tổ tiên ta chẳng làm gì nên tội để chúng ta nay phải đền ».

Anh nói một hơi, hăng say rõ rệt. Con người nhà báo giản dị, nhà văn hiền lành đành nhường chỗ cho người chiến sĩ quyết binh vực màu cờ của xứ sở mình, Tôi nhớ đôi bạn thường cho rằng anh Siêu dễ dãi, xuề xòa, một mẫu người chừng mực. Nhận xét trên đây đúng, mà không hoàn toàn. Anh Siêu cũng có lúc nồng nàn, thiết tha. Như lúc này. Như lúc anh không tiếc lời ca ngợi di cảo «Giai nhân kì ngộ» của cụ Phan-Chu-Trinh. Như lúc anh « lăng xê » cây Văn hiến 5.000 năm (*Nước Việt ta có 4.000 năm Văn hiến*, nhiều học giả đã cho rằng con số ấy quá đáng, ta nói thế vì lòng tự kiêu dân tộc, riêng anh thì lại cho rằng cây Văn hiến của nước Việt ta tuổi đến năm ngàn !).

Trong số các tài liệu bày trên bàn giấy, tôi thấy một xấp ấn cảo. Tôi hỏi anh :

— Anh đang in quyển gì đó ?

— Tôi cho tái bản hai quyển « *Văn minh Việt-Nam* » và « *Nếp sống Tình cảm của người Việt-Nam* » chung làm một quyển.

— Có sửa chữa gì không, anh ?

— Có, bớt, sửa theo những lời phê bình mà tôi nhận là đúng.

«Một vài nhận định mới cùng tài liệu mới cũng được thêm vào».

(còn tiếp 1 kỳ)

NGUIỄN-NGU-Í

SINH HOẠT

Ngày tưởng niệm và đoàn kết

Tưởng niệm những người đã chết vì chống chế độ họ Ngô, và *đoàn kết* các chiến hữu quốc gia, các thành phần tôn giáo, đã bị chế độ bạo tàn này đàn áp, truy nã, tù đày.

Ngày được chọn là ngày 11 tháng 11, một ngày lịch sử chống họ Ngô bằng võ lực và xuýt thành công, bốn năm về trước.

Nơi được chọn làm lễ, là nhà Văn-Hóa, tức Quốc hội cũ.

Trên sân khấu, nhiều tràng hoa tươi được đặt trước bàn thờ tôn nghiêm. Hai bên có lộng có chiêng có trống.

Người dự chật cả thính đường, một số đông phải lên từng lầu thứ nhất. Và gồm gần đủ hạng người trong xã hội, từ trẻ măng cho đến bạc đầu : chiến sĩ, chánh trị, giáo dục, kinh doanh, tu hành, lao động, sinh viên, học sinh, nam và nữ.

Ông Hồ-Hữu-Tường
trong buổi lễ

18 giờ 30 phút, ba hồi trống, chiêng khai mạc buổi lễ.

Vị nạn nhân cao tuổi nhất, cụ Nguyễn-Đình-Đa, được cử lên làm lễ dâng hương.

Sau khi ông Tạ-Nguyên-Minh tuyên bố lí do buổi lễ, ông Tạ-Chương-Phùng lên độc điếu văn nhắc đến thành phần những liệt sử đã gục ngã trước một chiến tuyến duy nhất : chiến tuyến chống chế độ độc đảng, chống sự đàn áp, bất công và chống sự chà đạp lên các tự do căn bản của con người, tinh thần chịu đựng, chí hi sinh, cái chết bi thảm của họ được nhắc đến và đề cao. Tấm gương cao cả và quí báu ấy, rất cần cho các thế hệ mai sau.

Cử tọa được mời đứng dậy để mặc niệm những người đã bỏ mình vì đại nghĩa.

Bài « *Hồn tử sĩ* » của Lưu-Hữu-Phước trỗi lên trông bầu không khí trang nghiêng và ngậm ngùi.

Sau đó ông Lê-Ngọc-Chấn đọc lịch trình tranh đấu chống chế độ Ngô triều từ 1955 đến 1963. Chúng tôi xin sao lại đoạn liệt kê những vụ đấu tranh chống lại họ Ngô-Đình, để cống hiến bạn đọc một ít tài liệu lịch sử gần đây :

« — Từ năm 1955, *Mặt trận Thống Nhất toàn lực Quốc-Gia* đã bột phát tại miền Nam để dẫn đầu cho những phong-trào chống đối chế độ Ngô-Đình.

« — Cùng năm này và cũng tại Miền Nam có *phong-trào Thống Nhất dân tộc Việt-Nam*, theo đường lối dân-tộc. Phong-trào này bị bắt ngày 26-11-55, 7 người bị đưa an trí Biên-Hòa, còn 2 người thoát khỏi, bị truy nã.

« — Trong lúc ấy thì tại miền Trung hai tỉnh Quảng-Nam và Quảng-Ngãi đã xảy ra vụ *Việt-quốc li-khai* chống chính quyền mà đến 1956, chánh phủ Diệm phải một mặt chia Quảng-Nam thành hai khu để vừa đàn áp, vừa cử người lên thương thuyết.

« — Cùng vụ Quảng-Nam, Quảng Ngãi, tại Quảng-Trị lại có vụ *li khai của Đại-Việt* ở chiến khu Ba-Lòng.

« — 1956, *Đại-Việt Quốc-xã* của cụ Nguyễn-Xuân-Tiếu đã hoạt-động và bị khủng bố.

« — Tại miền Trung, chính-phủ Diệm lại giả tạo vụ gián điệp để vu khống một số người có máu mặt hoặc âm thầm chống họ Ngô.

« — 1957 *Đảng nhân dân Việt-Nam* (lập trường Dân tộc) hoạt động và ngày 15-5-57, 9 người bị bắt đưa đi Thủ-Đức. Đến tháng 7-60, 6 người khác bị bắt giam ở Công-an hoặc đưa ra miền Trung. Sau ngày 11-11-60 nhiều người trong số này bị bắt lại giam ở Phú-Lâm đến sau ngày 30-1-63.

« — 1958, một vụ *đảo chánh hụt* xảy ra do quý ông Nguyễn-Văn-Lực, Nguyễn-Xuân-Tiếu v.v... tổ chức.

« — 1960, một số đông *nhân sĩ* đã họp tại nhà hàng *Caravelle* để thông báo với báo chí đường lối chống độc tài và gởi thơ phản kháng lên Ngô-Đình-Diệm.

« — 1960, ngày 22-8-60, một vụ mưu đảo chính đã bị bại lộ. Họ Ngô cố tình vu-khống là một tổ chức Việt-Cộng, nhưng không gây được chút tin tưởng nào trong quần chúng vì hầu hết những người can dự trong vụ này là những thành phần chống Cộng khét tiếng.

— Cùng trong năm này, *Mặt trận quốc-gia đoàn-kết* đã âm thầm hoạt động,

ngay từ trước khi xảy ra cuộc đảo chính 11-11-60 do ông Nguyện-Tường-Tam để xướng với sự cộng tác đắc lực của giáo sư Nguyễn-Thành-Vinh và sự tán đồng của nhiều nhân vật quan trọng như quí ông Phan-Khắc-Sửu, Nguyễn-Xuân-Chữ, Trần-Văn-Lý v.v .. Nhưng rồi trong dịp đảo chính 11-11-60, Mặt trận nầy cũng vì cố tình thanh toán họ Ngô nên bị tan rã, kết quả kẻ bị bắt, người trốn tránh. Cuối cùng cái chết của ông Nguyễn-Tường-Tam ngày 7-7-63 để cảnh tỉnh Ngô-triều đã ghi lại một nét son vàng cho Mặt trận.

«— Vụ *đảo chính* 11-11-60, họ Ngô đã không kể gì nhân cách một lãnh tụ nuốt lời hứa để đàn áp hầu hết những người đối lập mình. Dịp nầy trung-tá Nguyễn-Triệu-Hồng đã bỏ mình cùng bao nhiêu chiến hữu khác cũng như một số sinh-viên, nhu-đạo viên trước dinh Độc-Lập đã bị Diệm bắn, lịch sử khó quên. Kết quả thanh toán đối lập tronh dịp nầy, Ngô-Đình đã đưa ra tòa để đưa đi Côn-đảo, giam lại tại Sài-gòn và một số khác bị đưa ra Huế cấm cố tại biệt phòng Mang-Cá đến sau ngày cách-mạng thành công.

«— Sau vụ nầy là *Lực-lượng Dân chủ Liên-Minh*, sau đổi thành *Lực Lượng Quốc Dân Thống Nhất* của ông Phạm-Đình-Nghị cùng các chiến hữu của ông đã bị bắt.

«— 1961 ông *Hồ-Đắc-Hồng* cùng vài chiến hữu khác đã âm-mưu tổ chức diệt trừ họ Ngô, nhưng không thành, bị bắt.

«— 1962 ngày 27-2 vụ ném bôm dinh Độc-Lập đã làm chấn động dư luận trong và ngoài nước do hai sĩ quan phi-công Phạm-Phú-Quốc và Nguyễn-Cử được một số chiến hữu khác tổ chức.

«Cùng trong dịp nầy, Ngô-Đình khám phá Mặt trận Quốc Gia Liên Minh, bắt trên 20 người, trong ấy có linh - mục Phao - Lồ Phan - Tùng - Lộc, và Lực Lượng Quốc Gia Thống Nhất.

«Cùng trong năm 1962, Ngô triều đã khủng bố bắt bớ Mặt Trận Quốc Gia Liên Hiệp mà ngoài những vị đã bị thủ tiêu Vũ-Tam-Anh, Trần-Chí-Tài, Lâm-Bá-Hoàng, Lý-Tấn-Nghiệp, Tôn-Thất-Dương v...v... còn một số cả trăm người bị giam cầm, tra tấn dã man.

«Ngày 26-10-1962, Phong Trào Thống Nhất Dân Tộc (đã có nói đoạn trước trong năm 1955) lại bị bắt lần thứ hai mà anh Nguyễn-Phan-Châu, tức Tạ-Chí-Diệp đã mất tích, còn những chiến hữu khác bị giam đến sau ngày Cách-Mạng.

«Đến đây, là giai đoạn đấu tranh của Phật Giáo 1963. Bởi một công điện chiều ngày 6-5-63 do phủ Tổng Thống đánh ra không cho treo cờ Phật Giáo trong dịp Phật - Đản (hai hôm sau) nên Phật Giáo, từ việc nầy tiếp đến những vụ vi phạm thi - hành Thông - cáo chung của chính quyền, đàn - áp Phật Giáo đồ, đã quyết liệt tranh đấu. Trưa ngày 11-6-63 Hoà - Thượng Thích-Quảng- Đức, vị sư đầu tiên đã tự hiến thân để cúng dường Tam - Bảo, đã

làm rung động Quốc-tế. Hồi 6 giờ 30 ngày 24-10-63, Phái đoàn Liên-Hiệp-Quốc đến Việt - Nam để điều tra sau bao cái chết của nhiều vị Thượng Toạ, Đại đức, Tăng ni, Phật tử.

«Ngày 1-11-63, quân đội đã anh dũng đứng lên cùng nhân dân lật đổ chính quyền họ Ngô với bao cái chết vì đất nước của người quân nhân đáng kính.

«Ngoài 18 vụ được kể trên, Ngô triều còn gây biết bao nhiêu tội ác trong ấy chúng ta khó quên vài cái chết như quí ông Nguyễn - Bảo - Toàn cùng chiến hữu Phạm-Xuân-Gia đã bị Ngô triều thủ tiêu hay những vụ bắt bớ giam cầm lẽ tẻ khác mà thời giờ không cho phép kể ra cho hết».

Tiếp đến, ông Đinh-Xuân-Quảng lên đọc diễn văn, đại ý là tìm rút một bài học mà những người quá cố được truy điệu và tưởng niệm hôm nay để lại cho những người sống sót « sau phong ba bão táp ». Đó là *bài học đoàn kết*. Các cuộc tranh đấu quốc gia đã kém hiệu nghiệm, vì thiếu đoàn kết. Nhìn lại, ta thấy « trong suốt thời trị vì của gia đình Ngô-Đình, không năm tháng nào là không có Đảng, Nhóm, Phái, Phong trào chống đối. Vậy mà sự chiến đấu lẻ loi, khác biệt, nên kết quả rất mong manh, mặc dầu sự hi sinh và bỏ bến». Đó là bịnh ấu trĩ của những người quốc gia đề cao cá nhân, đề cao phái môn, nên mới có tình trạng chia rẽ và kẻ thù chung dễ bẻ gãy từng chiếc đũa rời rạc. Kinh nghiệm tranh đấu với chế độ độc tài Ngô-Đình để lại bài học đau đớn. Những người sống sót qua giai đoạn kinh khủng ấy có bổn phận nhận bài học đoàn kết trước các bạo tàn, trước các thứ độc tài ». Vì thế mà « trước hết, đoàn kết phải có giữa chúng ta là các phần tử đã bị đàn áp, truy nã, tù đày dưới chế độ Ngô-Đình, dẹp bỏ tiểu dị để đoàn kết trên đại đồng. Hi sinh cảm tình, bè nhóm để đoàn kết trong sự tôn trọng ý chí chung của người quốc gia để cùng hướng về một hướng : cứu vãn Tổ quốc chung tránh khỏi nạn xích hóa ».

Sau cùng, ông Hồ-Hữu-Tường, trưởng ban Tổ chức, lên đọc bản kiến nghị :

« Những phần tử tôn giáo và chiến sĩ Quốc gia, hội hiệp lại tại nhà Văn hóa ngày 11 tháng 11 năm 1964, nhơn ngày tưởng niệm và đoàn kết (tưởng niệm những phần tử tôn giáo và những chiến sĩ Quốc gia tử nạn vì chống chế độ độc tài của Ngô-Đình-Diệm, và đoàn kết những phần tử tôn giáo và những chiến sĩ Quốc gia bị tù đày, đàn áp và truy nã dưới chế độ Ngô triều) :

« Xét vì, từ ngày thực dân đặt ách đô hộ lên dân tộc ta, những liệt sĩ yêu nước luôn luôn bị kết án bằng những lời buộc tội ô nhục, và đến bây giờ, chưa có một đạo luật nào tái lập thanh danh cho những vị ấy cả.

«Xét vì, những chiến sĩ quốc gia còn sống sót hãy còn hồ sơ ghi tội, những hồ sơ này làm họ mất quyền công dân (như ứng cử, tham gia vào lắm công tác...) và hóa ra những công dân hạng nhì.

« Xét vì, nếu chẳng tẩy trắng hồ sơ cho những phần tử cách mạng thì họ bị loại ra ngoài chánh trường.

« Xét vì, trong hoàn cảnh nước nhà, cần phải phục hồi quyền công dân cho những phần tử cách mạng để họ có phương tiện mà giúp dân giúp nước.

Nên đồng thanh kiến nghị :

« I .— Yêu cầu Quốc trưởng sử dụng quyền của vị Quốc trưởng mà ban bố một đạo luật tái lập thanh danh cho tất cả liệt sĩ đã vì nước bỏ mình từ ngày thực dân đặt chân lên đất nước, mà hồ sơ còn mang những án làm ô nhục danh tiết của các vị ấy.

« II .— Yêu cầu Quốc trưởng sử dụng quyền ân xá của vị Quốc trưởng mà ban bố một đạo luật đại xá cho tất cả các chiến sĩ Quốc gia bị kết án dưới thời thực dân, dưới thời quân đội viễn chinh Pháp và dưới thời Ngô-Đình-Diệm, luật đại xá bãi bỏ tất cả những bản án ô nhục và làm mất quyền công dân của các vị này, và giúp họ khôi phục tất cả quyền công dân để họ có thể tham gia vào mọi ngành hoạt động có tính cách giúp dân giúp nước.

Bản kiến nghị bị ngắt nhiều đoạn vì những tràng pháo tay nồng nhiệt.

Không một ai phản đối. Chỉ có một vị góp ý về trường hợp một số người đã phải đổi tên họ để dễ bề hoạt động chống chế độ cũ nay mong được phục hồi tên tuổi cũ.

Sau lời cám ơn của trưởng ban, người phát ngôn viên của ủy ban tổ chức tuyên bố bế mạc buổi lễ. Lúc đó là 19 giờ 50 phút.

Người đi dự để viết bài tường thuật này có nghe được hai điều. Một là có vài sinh viên ngồi gần, khi nghe giới thiệu đọc bản kiến nghị, đã bất bình ra mặt. «Ồ ! thì ra các ông này cũng ủng hộ, cũng hoan nghinh, cũng xôi thịt như ai. » Nhưng đến khhi nghe đọc, các bạn này lại vỗ tay hoan nghinh mạnh và lâu hơn ai hết. Hai là có một nhóm người cho lưu hành một bức thư phản đối buổi lễ này, vì theo họ, ai cũng là nạn nhân của họ Ngô-Đình cả, chẳng riêng gì ai.

NGUIỄN-NGU-Í thuật

VIỆN ĐẠI-HỌC VẠN-HẠNH

Cơ sở giáo dục cao đẳng của giáo hội Phật Giáo Việt-Nam Thống Nhất

Tháng 3 năm 1964, một trường Cao-đẳng tôn giáo chuyên về Phật-Học được thành lập lấy tên là Viện Cao-Đẳng Phật-Học Saigon đặt tại — chùa Pháp-Hội số 702/105 đường Phan-Thanh-Giản Saigon — là cơ sở Giáo-dục của

Giáo-Hội Việt-Nam thống nhất. Viện Cao-đẳng Phật-Học đã phân chiếu nội dung thống-nhất này bằng cách cung-cấp những lớp học về cả hai nền Phật-Học Nam-Tông và Bắc-Tông, nhằm mục đích « đào tạo một thế hệ Phật tử mới có kiến thức Đại-Học về Phật Giáo để phục-vụ cho những nhu cầu mới của Phật Giáo V N. »

Hơn 8 tháng sau, khi giảng xong một khóa mùa Xuân và một khóa mùa Thu, Viện Cao-Đẳng Phật học đã được chuyển thành một Viện Đại-Học lấy tên là Viện Đại Học Vạn-Hạnh do Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục, chánh-thức công-nhận, và 10 giờ sáng ngày 22-11-64 một lễ ra mắt đơn giản đã được cử hành tại Giảng đường của Viện Cao-đẳng Phật-Học.

Tới dự lễ ra mắt này người ta nhận thấy có Đức Tăng-Thống, Thượng tọa Pháp Tri, Phó Viện-Trưởng Viện Hóa-Đạo cùng một số Thượng-Tọa của hai Viện Tăng Thống và Hóa-Đạo, một số giáo-sư Đại-học Saigon và một số khá đông sinh-viên.

Trong bài diễn-văn khai mạc, T.T. Thích-Minh-Châu, (1) Viện-trưởng Viện-Đại-Học Vạn-Hạnh, đã giải thích cái tên của Viện, lấy danh một vị thiền sư đời Lý, là do hoài bão « muốn làm sống dậy tinh thần phóng khoáng giải thoát » của vị đó « và nhận lấy sứ mệnh đào tạo kiến thức cho một thế hệ thanh niên biết đoàn-kết trên nền tảng văn-hóa dân tộc ». Cũng do đó mà Viện Đại Học Vạn-Hạnh nhằm « thực hiện một nền văn hóa dân tộc, nhân bản và khai phóng để thực sự đóng góp vào công việc xây dựng văn-hóa dân tộc ».

Theo T.T. Viện-trưởng, Viện Đại Học V.H. sẽ có hai phân-khoa : phân khoa Phật Học, do T.T. Viện trưởng đảm trách khoa-trưởng, phân khoa Văn Học và khoa học nhân-văn, do T.T. Thích-Thiện-Ân(2) giữ chức vụ khoa-trưởng. Ngoài ra Viện còn tổ chức thêm một trường thanh-niên phụng-sự xã-hội đặt dưới quyền điều khiển của sư bà Diệu-Không.

Nói về sự tổng hợp và dung hoà giữa hai nền giáo lý Nam-Tông và Bắc-Tông của phân Phân-Khoa Phật Học T.T. Viện-trưởng cho rằng công tác trên đây «nếu thành tựu được sẽ rất hy hữu, vì chưa nước nào thực hiện được dầu đã có nhiều cố gắng. « Thượng toạ nói tiếp : « Với sự tiến triển của nền văn học Phật-Giáo thế giới và trào lưu nghiên cứu đạo Phật của các học giả Âu, Mỹ, chúng ta không thể tự bằng lòng với một tam-tạng Trung-Hoa, mà phải có sự cố gắng tham cứu kinh tạng Pali, Sanskrit, Tây-Tạng và kinh tạng Nhật-Bản để có thể hiểu tổng quát sự phong phú của văn học Phật-Giáo và ít nhất có thể nhận thức được những giáo-lý căn bản cọng đồng, tất cả tạng. Về phương diện đấu tranh bảo vệ Phật-Giáo, chúng ta có thể nói Phật-Tử Việt-Nam đứng hàng đầu thế-giới, nhưng về văn học Phật-Giáo

---

(1) T.T Thích-Minh-Châu, M.A; Ph. D. nguyên giảng sư Viện Nava Nalanda Mahavihara, Bihar.

(2) T.T, Thích-Thiện-Ân, tức G S. Đoàn-văn-An, M.A., D. Litt đại học Waseda, Tokyo, giáo sư Đại Học Văn Khoa Saigon.

chúng ta phải công nhận chúng ta còn thua cả Cao-Mên, Thái-Lan và Miến-Điện v.v...» và « nước Anh mới biết đạoPhật vào khoảng 100 năm, nhưng toàn bộ tam tạng chữ Pali đã được in và được dịch ra Anh văn. Tuy số Phật-Tử người Anh rất ít, nhưng số học giả tha thiết với sứ mệnh học hỏi tìm hiểu rất lớn và nhờ vậy họ đã hoàn tất một sự nghiệp rất quan trọng một thời gian rất ngắn, còn chúng ta có đến 85% phần trăm là Phật-Tử nhưng vẫn chưa nhận thức quan trọng của vấn đề, đừng nói đến sự thực hiện lý tưởng cao đẹp ấy».

Phân-khoa Văn-học và Khoa-học nhân văn của Viện nhằm « phục hưng giá-trị căn bản truyền thống của văn hóa dân tộc, trao đổi và thâu hóa văn-hóa quốc-tế, làm nẩy nở tinh-thần và những khả năng sáng tạo của dân tộc». Sau khi lên án những quái-thai thời đại hấp thụ một cách nông cạn văn hóa ngoại lai để rồi khinh rẻ nền văn học dân tộc, Thượng tọa tuyên bố « Viện chúng tôi chỉ muốn đào luyện những người Việt thuần túy những người Việt biết kính trọng và thương mến nền văn hóa Việt-Nam, biết đề quyền lợi tối cao của xứ sở lên trên tất cả Và muốn vậy chỉ có cách là đề cao văn học dân tộc thông cảm nhau trong tình thương dân tộc, chúng ta mới thật đoàn kết, thương yêu nhau để xây dựng một nước Việt Nam hùng mạnh an lạc».

Nói về trường Thanh-niên phụng-sự xã-hội, gồm ba ngành Giáo dục, Kinh tế và Y tế. Thượng - Tọa Viện - Trưởng cho rằng : « . . . chỉ khi nào người thanh niên gần gũi sự đau khổ của dân chúng có hiểu được các nỗi thiếu thốn của đồng bào những thanh niên ấy mới thực hành được lý tưởng lợi tha của Đạo Phật và mới biết dùng tất cả khả năng của mình phụng sự cho xã hội, phụng sự cho nhân sanh».

Các quan khách phát-biểu ý-kiến có hai vị : nhà học-giả Nguyễn-Đăng-Thục và nhà thơ Đông-Hồ, đều là khoa trưởng và giáo sư Đại-Học văn-khoa Saigon.

Ô. Nguyễn-Đăng-Thục với địa vị người trí thức đứng ở ngoài đạo, vẫn hằng tha thiết đòi hỏi một nền quốc-học cho dân tộc, tỏ ý công phẫn về sự thờ ơ với nền văn-hoá dân tộc của các nhà lãnh đạo văn-hóa từ trước tới nay. Ông cho rằng cuộc chiến tranh huynh đệ tương tàn sở dĩ kéo dài đến 20 năm nay trên đất nước ta chính cũng là vì chúng ta thiếu ý thức dân tộc. Do đó hôm nay ông hân hoan thấy Viện Đại Học Vạn-Hạnh đã nghĩ đến nền quốc-học và ông mong mỏi viện sẽ đem lại cho thanh niên và trí thức một đòi hỏi cấp thiết là ý-thức dân tộc.

Thi sĩ Đông-Hồ băn khoăn vì không phải là phật tử (chưa từng được hân hạnh một ngày tham gia phật sự) mà cũng không phải là nhà sư phạm, nên e rằng những điều nói ra có điều lệch lạc chăng.

Nhắc lại một kỷ niệm cũ hồi ngót 50 năm xưa, khi nhà thơ còn trẻ ông đã được đọc một bản văn của thi hào Tagore nói về việc thành lập nhà học viện SANTINIKETAN ở Bengale hồi 1900-1901 ; một học viện mà đồng thời

cũng là một tịnh xá, một tu viện. Ông say mê cảnh học viện này và đã từng có cuồng vọng tạo ở nơi sanh của ông — Hà-Tiên — một cảnh Santiniketan như thi hào Tagore đã ca ngợi, và ông cũng đã tan vỡ mộng ước đó từ lâu. Ngày nay thấy viện Đại-Học Vạn-Hạnh được thành lập, ông so sánh với học viện Santiniketan xưa kia ở Ấn Độ và nói rằng «có được một nhà trường như vậy, thời gian tuy đã trễ lắm rồi, cũng đã già rồi, mà tôi cũng cứ còn muốn ôm sách đến đây học tập cho thỏa bạ ước ao, trong hơn nửa đời người chờ đợi ».

Nhưng ông còn hy vọng rằng « Viện Hóa Đạo phải làm hơn thời Lý thời Trần và Viện Đại Học Vạn-Hạnh sẽ làm hơn viện Santiniketan thập bội».

Chừng khi nào Viện khánh thành giảng-đường mới, nhà thơ sẽ xin tặng đôi câu đối như sau :

— Chân như làm nước, chánh giác làm màu, chất tinh túy tưới vun vườn Quốc học.

— Nam hải là nghiên, Trường sơn là bút, sắc giá mây tô điểm bức dư đồ.

∴

Sau hết ông tổng thư ký ban Bảo-trợ của Viện Đại Học Vạn-Hạnh giới thiệu chương trình lạc quyên và xây cất cho biết rằng việc xây cất Viện sẽ tốn phí khoảng 25 triệu và cuộc lạc quyên sẽ khởi sự từ sau buổi lễ ra mắt trên đây.

☆

Bão lụt miền Trung

Hai trận bão liên tiếp Iris và Joan tại miền Trung hồi thượng tuần tháng này chắc chắn là biến cố lớn nhất xảy đến trong đời sống của dân tộc Việt-Nam, mặc dù trong tháng này không phải không có những biến cố chính trị, quân sự quan trọng.

Theo tin tức chính thức đầu tiên của Bộ Nội Vụ thì miền lâm nạn bao gồm xa nhất về phía Bắc là Quảng-Trị về phía Nam là Phú-Yên. và — điều kỳ quặc — những tỉnh ở Cao Nguyên như Phú-Bổn, Kontum cũng lại ngập nước.

Mưa to gió lớn từ ngày 5 tháng 11. Đến ngày 7 thì tình trạng có nơi đã thành nguy ngập : các hoạt động cứu trợ bắt đầu. Ngày 9 thì tai họa thành chính thức : tại Quảng-Nam, ủy ban cứu trợ của địa phương của chính quyền, quân đội và các đoàn thể được thành lập vào ngày này. Đến ngày 10 thì ở tại Quảng-Nam nước ngập sâu các quận Duy-Xuyên, Điện-Bàn, Đại Lộc, Thường-Đức, Hiếu-Đức, tại Quảng-Tín thì các quận Thăng-Bình, Tam-Kỳ, tại Quảng-Ngãi thì khắp tỉnh. Trong thị xã Đà-Nẵng, mực nước lên cao tới 3 thước, trong thị xã Quảng-Ngãi, cũng thế, trong thị xã Tam-Kỳ mực nước cao 2 thước, ở

vùng duyên hải Quảng-Tín mực nước lên 4 thước, Ngay ở tỉnh lỵ Kontum mà mực nước cũng lên tới 8 tấc tây.

Chiều ngày 10-11 nước bắt đầu rút ở những nơi bị lụt nhẹ như Quảng-Trị, Thừa-Thiên. Nhưng tại Quảng-Nam, Quảng-Ngãi, Quảng-Tín thì ngày 11-11 vẫn còn là ngày chết chóc.

Kết quả thiệt hại, theo con số tròn của bộ Ngoại giao trong bản kêu gọi gửi đi các nước, và của Phó Thủ Tướng Nguyễn-Xuân-Oánh trong cuộc họp báo ngày 23-11-1964 là : trên hai triệu mẫu tây bị ngập, hơn một triệu người không nhà ở, hơn bảy ngàn người chết, 90% hoa màu bị hư hại.

Vượt bỏ những con số tròn, đi vào một ít chi tiết cụ thể hơn, ta nhận thấy tại một tỉnh bị tổn hại nhẹ như Phú Yên có :

4 người chết.

3.000 mẫu ruộng hư 100%

3.500 mẫu ruộng hư 50%

1.688 nhà sập

306 nhà trôi.

479 nhà tróc nóc.

102 súc vật chết.

789 tấn muối hư.

100.000 rổ của ngư phủ bị trôi.

và tại một tỉnh vào hạng bị tổn hại nặng nhất như Quảng-Ngãi có :

2.242 người chết và mất tích.

19.876 nhà trôi

50.728 nhà sập.

769 ghe trôi.

1.845 ghe hư nặng.

57.000 con heo chết.

3.545 con bò chết.

347.000 gà vịt chết.

độ 3.000.000 đ. mất mát về ngư cụ . . .

Bây giờ hãy vượt bỏ luôn các con số tròn và không tròn, mà đi vào từng thảm cảnh :

Nhiều gia đình bám vào nóc nhà nổi trên mặt nước, trong 48 giờ, chịu đói chịu lạnh, chờ đợi, và rũ lần xuống. Tại quận Điện Bạn, máy bay trực thăng đi cứu cấp trên vùng Thanh-Thủy, Thanh-Trung, trông thấy trên một mái nhà tranh ngập nước có một bà mẹ với 4 đứa con (trong đó có đứa mới 1 tuổi) cùng ngồi với một cụ già tóc trắng phau bên cạnh một cô cháu gái. Phi cơ thòng dây xuống kéo người lên : cụ già kiệt sức, và cô cháu gái đành ở lại chịu chết với bà. Mỗi máy bay trực thăng chỉ chở 7 người, thế mà nhiều khi đã vớt tới 15 nạn nhân

rồi vẫn còn thấy những bàn tay chới với vẫy cứu trên mặt nước. Phi công nghẹn ngào, ứa nước mắt, bay vội về căn cứ rồi trở lại chỗ cũ thì những bàn tay nọ đã bị cuốn trôi đi mất. Bên cầu Phong Lệ, các hoa tiêu gặp một chùm người gồm hai vợ chồng và 4 đứa con cột dính vào nhau, cùng chết cả. Trường hợp nầy xảy ra rất nhiều, có nơi người cha còn cẩn thận bọc trong túi lá thư yêu cầu kẻ bắt gặp hãy chôn sác tử thi chung vào một chỗ. Lại có những trường hợp hoặc nạn nhân bám vào dây máy bay kéo lên nửa chừng bỗng rũ tay rơi xuống nước mất tăm, hoặc nạn nhân cùng buộc mình với hai đứa con vào dây, máy bay kéo lên nửa chừng bị Việt-Cộng xả súng bắn theo, lúc lên đến máy bay thì người cha đã trúng đạn lủng ngực chết (Ông Trần-Kim-Thi ở xã Tân-Thuận quận Đức-Dục) hoặc trong lúc xuống công-binh đi vớt người thì trúng đạn Việt-Cộng, chìm chết luôn 12 mạng, hoặc trúng đạn Việt-Cộng không đến nỗi chết nhưng cũng đến thành tàn phế (bà Trần-Thị-Lãnh ở Thanh-Quít, quận Điện-Bàn) v.v...

Nhận định chung về thiên tai to lớn này, Thủ Tướng Trần-Văn-Hương viện đến kinh nghiệm của những cụ già bảy, tám mươi tuổi, bộ Cải Tiến Nông Thôn nói đến một chu kỳ 60 năm của năm Giáp Thìn v.v... Nhưng bộ Ngoại Giao, trong bản kêu gọi gởi đi các nước đã cho rằng đây là bão lụt lớn nhất từ xưa đến nay tại Việt-Nam, chứ không phải chỉ là trong vòng 6, 7 mươi năm mà thôi. Có lẽ bộ Ngoại Giao có lý. Bởi vì nếu trong quá khứ có xảy ra một thiên tai như thế, tất nó phải gây một xáo trộn ghê gớm, ảnh hưởng sâu xa đến đời sống quốc gia và đã được ghi vào lịch sử. Hãy tưởng tượng trong sự tiếp cứu nạn nhân thiên tai này mà ta không sử dụng được những phương tiện tối tân ngày nay như phi cơ trực thăng để vớt người, cầu hàng không để chở thực phẩm, không được sự tiếp ứng cứu trợ qui mô và cấp tốc của bao nhiêu là quốc gia trên thế giới. . .thì hậu quả của tai biến ấy biết là đến chừng nào.

Về sự cứu trợ thì, ngay từ những ngày 7, 8 tháng 11 tại các địa phương, nhân dân, các hội thiện, các đoàn thể, chính quyền đã lẽ tẻ tổ chức. Tại Quảng-Nam, đến ngày 9-11 người ta biết đã có tư nhân tự nguyện bỏ ra hàng tấn gạo để nấu cơm cho nạn nhân. Để vớt người trong các ngày 10-11 tháng 11, đã được sử dụng các ca nô, và đặc biệt là máy bay trực thăng. Ở đây phải chú ý đến lòng can đảm cao quí của các binh sĩ Việt-Nam và Hoa-Kỳ, mỗi ngày từ 4 giờ sáng đến 20 giờ đêm, xông pha trên các giòng nước chảy xiết, len lỏi vào bất cứ nơi nào, không e ngại sự tấn công của Cộng-Sản. Hai phi đoàn thuộc căn cứ trợ lực 4 và không lực Hoa-Kỳ tại Đà-Nẵng với 20 chiếc trực thăng đã lượn suốt ngày trên các vùng Đại-Lộc, Điện-Bàn, Duy - Xuyên, Hòa - Vang. . . Thỉnh thoảng một chiếc trực thăng bị lâm nạn, và phi cơ cấp cứu H-35 vội vã đến nơi mang về. Trong 2 ngày, các trực thăng đã thực hiện 1000 phi vụ, vớt về Đà-Nẵng 10.000 nạn

nhân. Ở các nơi khác, nhân dân sử dụng ghe, thuyền, sõng, thúng, bè ... mọi phương tiện cấp cứu, tiếc thay có một số lớn ghe sõng của dân chúng bị Việt-Cộng cướp đoạt để dùng vớt đồng bọn.

Sau ngày 11-11, công cuộc cứu trợ nạn nhân bão lụt miền Trung thành vấn đề toàn quốc. Ngày 12-11, Phó Thủ Tướng Nguyễn-Xuân-Oánh, ngày 13-11, Thủ Tướng Trần-Văn-Hương ra thăm miền Trung, và trở về tuyên bố đã gửi ra giúp trong chuyến đầu tiên tất cả 42 triệu đồng, 5 tấn rưỡi thuốc men, 11.70 tấn gạo, 3 tấn bắp, 14.400 hộp sữa 15 985 chiếc mền v.v... Từ ấy đến nay, tiền bạc và thực phẩm hẳn đã tăng nhiều. Ủy ban liên bộ được thành lập để thực hiện một kế hoạch cứu trợ dài hạn.

Ngoài hoạt động của chính phủ, các đoàn thể tôn giáo, chính trị, sinh viên, học sinh v.v... đã phát động một phong trào nhân dân tham gia cứu trợ rộng lớn. Cho đến ngày 19-11, số tiền quyên góp của dân chúng gửi đến chính phủ lên đến 21 triệu đồng, không kể các vật phẩm khác. Và cho đến ngày 21-11, ủy ban liên bộ đã chuyển được ra (chỉ kể vài nơi làm thí dụ).

Tỉnh Quảng-Ngãi

3.176 cân Anh dược phẩm.

231 tấn thực phẩm.

18.800 bao lúa mạch.

Tỉnh Quảng-Nam

11.712 cân Anh dược phẩm.

225 tấn gạo.

15.000 bao lúa mạch cùng sữa, vải, bánh mì v.v...

Thiên tai ở Việt-Nam đã gây xúc động quốc-tế. Đài phát thanh Áo-Quốc, Úc-Đại-Lợi, đã ngưng một phút để mặc niệm các nạn nhân xấu số. Anh quốc giúp 8.000 chăn, 8 tấn áo quần. Hội Hồng Thập Tự Hoa-Kỳ giúp 15.000 Mỹ kim. Hội Hồng Thập Tự Pháp giúp 10.000 quan. Tổ chức CARE giúp 20.000 Mỹ-kim, thực phẩm, 5000 chăn Cơ qnan USOM giúp 1.000 tấn thực phẩm trị giá 100.000 Mỹ-kim. Đức Giáo Hoàng giúp 20.000 Mỹ-Kim. Hội Hồng Thập Tự quốc tế kêu gọi 104 tổ chức hội viên trên khắp thế giới tham gia tiếp cứu. Đệ thất hạm đội Hoa-Kỳ phái hải hạm Princeton chở trên 600 tấn thực phẩm từ Hồng-Kông đến với máy bay trực thăng để cấp tốc phân phối tặng phẩm...

Cách đây hai mươi năm, một thiên tai đã giáng xuống miền Bắc. Cái nguy hạn hán không cấp bách như cái nguy thủy họa, thế mà nhà cầm quyền hồi đó đã để chết đi 2 triệu dân; về phương diện cứu trợ chúng ta ngày nay đã tiến bộ hơn rất nhiều. Nhưng về phương diện khác, thiên tai năm xưa đã có ảnh hưởng không nhỏ về mặt chính trị. Và hiện nay cái vạ trời vừa xảy ra trong giai đoạn rối ren nhất của miền Nam dường như cũng đang đóng một vai tuồngchính trị. Chính phủ kêu gọi : hãy để yên cho nhà nước lo việc cứu trợ, quấy động lúc này là giết chết nạn nhân bão lụt ; phe phản đối kêu rằng chính phủ đang lợi dụng việc cứu nạn để trấn áp phong trào tranh

đấu chính trị. Chính phủ quốc gia tố giác những vụ Cộng-Sản giết người cướp của dã man trong cảnh đói rét ; phe Cộng-Sản phao lên rằng chính quyền quốc gia định lợi dụng nạn bão lụt để tái lập các ấp chiến lược...

Rồi đây hơn một triệu người không cơm ăn nhà ở, hơn một triệu mẫu đất mất hoa màu, nước uống bị đầu độc, bệnh truyền nhiễm phát sinh v.v... bấy nhiêu khó khăn dồn dập thêm vào các biến cố chính trị xảy ra sẽ đưa nước nhà tới đâu ? Dù đi tới đâu thì chắc chắn phen nầy cũng có sự phụ lực của thiên nhiên. « Bánh xe lịch sử » nếu nó vẫn quay bằng những động lực kinh tế, chính trị, xã hội... gì gì đi nữa, thì sức gió vừa rồi thế nào cũng có đẩy cho nó nhanh thêm một chút.

THU-THỦY

SỨ MẠNG BÁO CHÍ
hay là cuộc hội thảo kỳ quặc

Vào 4 giờ chiều 20-11-64, khi trời đem những gọt mưa trơ-trẽn làm cho lầy lội các mặt đường phố vô-duyên, thì Câu-Lạc-Bộ báo-chí mở đầu một cuộc hội-thảo về cái đề-tài ; « *Sứ mạng của báo chí trong hoàn-cảnh Việt-Nam hiện-tại* »

Theo như giấy mời thì thuyết trình viên — ông Nguyễn-Văn-Cẩn — là một nhà văn. Nhưng lúc nhập đề, ông Cẩn có thanh minh rằng ông chỉ viết đôi quyển sách không mấy phổ biến, nên không dám nhận cái danh từ ấy. Hầu như đa số thính giả cũng không ai có hân-hạnh biết ông viết được sách gì, trừ một đôi người giỏi nhớ bảo rằng ông có làm bài Luận văn khá dài nói về Thanh-niên Việt-Nam gì đó, bằng tiếng « Đại-Pháp », trước kia đã được ông Phạm-Đình-Tân ban cho giải-thưởng, nhưng ông chối từ. Nếu cứ sắp loại theo lối ông Nguyễn-Sĩ-Tế quan-niệm, là những tác-phẩm viết tiếng nước nào phải được xếp vào văn học nước ấy, thì dù ông Cẩn không dám nhận cái danh-từ nhà văn, ông cũng là văn-sĩ Pha-Lang-Sa chính-hiệu.

∴

Sau khi tự xác-nhận mình là cựu-ký-giả, ông Cẩn một hai ngại rằng sẽ làm mọi người thất vọng về những ý-kiến mà ông sắp sửa dãi bày. Trên một giờ rưỡi đồng-hồ vàng ngọc, ông Cẩn giảng-giải ý-kiến của mình gồm có 4 mục, đã được ghi thành dàn bài chi-tiết, quay rô-nê-ô, gởi

trước cho các người được giấy mời. (1) Ông đã cố-gắng trích-dẫn khá nhiều báo cũ, kể những tờ báo xa lắc xa lơ từ đời ông bà chúng ta còn để búi tó, và còn nhuộm răng. Gia-Định thông-báo, Đăng-Cổ tùng-báo, v. v. . . được ông nhắc đến giữa một không-khí càng ngày càng uể-oải thêm. Rồi thính giả, như lá mùa thu, bắt đầu rơi rụng. Cho đến một lúc chỉ còn sót lại độ chừng vài ba mươi người, trong đó độ một phần ba Ký-giả, còn là những người lạ mặt, không rõ ở ngạch vụ gì. Thành phần dự họp đông nhất, có lẽ là. . . nhiếp ảnh-viên, nhưng họ tỏ ra không mấy quan-tâm đến bản thuyết-trình.

Rồi đến phút cuối, phòng họp lại càng thưa-thớt, mặc dầu bên ngoài mưa chiều tuôn xuống mỗi lúc một dày. Khi thuyết trình viên dứt lời, ngoài một sinh-viên đứng lên bày tỏ thắc mắc và một ký-giả chỉ trích lập trường của thuyết trình viên, cuộc hội thảo ấy đã được kết thúc không có hội thảo. Thêm một lần nữa, một cái danh-từ thời đại đã mất ý-nghĩa.

∴

Tuy nhiên, nội dung của bản thuyết-trình, thật đáng cho ta lưu ý. Bởi vì, ngoài một ưu điểm, nó có tối thiểu cũng mười khuyết-điểm, như sau :

---

(1) *Đây là dàn bài của thuyết trình viên* :

SỨ MẠNG CỦA BÁO CHÍ TRONG HOÀN CẢNH VIỆT-NAM HIỆN TẠI

I.— Vai trò của báo chí.

1.— Báo chí là những trang sử thời sự, qua báo chí người ta có thể biết được nếp sống của dân tộc, lịch sử của dân tộc...

2.— Báo chí là vũ khí đấu tranh, qua báo chí người ta có thể biết được những mâu thuẫn, những xung đột, những hình thức và mục đích đấu tranh...

3.— Báo chí đi tiên phong trong cuộc cách mạng văn hóa và tư tưởng, qua báo chí người ta có thể biết được hướng đi của dân tộc, quá trình phát triển và suy sụp của các tư trào, các chế độ chính trị..,

II.— Sức mạnh của báo chí

1.— Báo chí đến với người, mọi gia đình báo chí nuôi dưỡng tinh thần đại chúng, và do đó uốn nắn tinh thần dân tộc...

2.— Báo chí tạo ra công luận (công luận là tiếng vọng chung, là dư âm chung phản ánh sự phê phán chung một biến cố, một tình trạng) : công luận có thể củng cố hay lật đổ một uy quyền.

3.— Báo chí hướng dẫn công luận, nhất là trong hoàn cảnh Việt-Nam, phần đông đại chúng chưa được huấn chính, chưa thể khách quan nhận định chân xác được về những biến cố chính trị.

III.— Qui phạm của báo chí.

1.— Ý thức về quyền tự do báo chí : ở đâu không có công luận; ở đó không có tự do, hòa bình. Nhưng...tự do báo chí không phải để phổ biến, tuyên truyền những gì độc ác, gian ngụy... không phải để reo rắc ngờ vực, hiềm thù, ganh tị .. không phải để bình vực những tham vọng ích kỷ cá nhân...

2.— Ý thức về uy lực của báo chí : tạo ra công luận, hướng dẫn công luận, nhưng không đầu độc công luận, không kích thích công luận, nhất là bằng những lời vu khống, phỉ báng, mạ lỵ... (L'homme est de glace aux vérités ; i. est de feu pour les mensonges. Fables IX, 61

(*xem tiếp trang 92*)

Ưu điểm độc nhất là Câu lạc bộ Báo chí từ khi thành-lập đến nay, đã gây nên một dư-luận không mấy tốt đẹp ở trong các giới. Người ta gọi nó là một tiệm nhảy, hay một tiệm nhậu, hơn là một chỗ tập-họp của giới văn-chương, báo chí. Ông Cẩn là người đầu-tiên đem vấn-đề mình để mà cố gắng thu-dọn bớt không-khí ấy, vậy ông quả đã có công mở đầu cho một... phong trào, có thể gọi là phong-trào... vệ-sinh ở trong địa hạt... tinh-thần !

Nhưng ngoài cái ưu-điểm ấy, ông Cẩn tỏ ra có nhiều xu-hướng về phần khuyết-điểm.

Khuyết-điểm thứ nhất là ông đặt lệch vấn-đề. Ông nói sứ mạng báo chí cùng những vai trò, nhiệm vụ của nó, mà quên hẳn phần quyền-lợi. Một người tỏ ra học nhiều, nhớ giỏi, luôn luôn đọc tiếng la-tinh và thuộc nằm lòng Kinh Thánh, mà lại quên phứt một điều đơn giản như thế, thật là khác thường. Người ta khó lòng nói đến nhiệm vụ mà quên quyền-lợi, bởi lẽ tương quan nghĩa lợi là một tương quan sống chết của mọi vấn-đề. Nhất là vấn-đề báo chí hiện được đặt ra giữa một chế-độ tự mệnh danh là dân chủ, nghĩa là chế độ đặt nặng quyền lợi của quần chúng mình, hơn là đòi hỏi nhiệm.-vụ. Hơn nữa, giữa lúc ông Cẩn thuyết-trình, vấn-đề báo chí hiện đang sôi nổi về chuyện đấu tranh đòi hỏi lợi quyền đã bị bóp nghẹt xưa nay, qua sự tịch thu, đóng cửa, kiểm giấy, xin phép khó khăn kia mà ! Một người nói về báo chí, mà lại làm ngơ trước sự kêu đòi thiết tha của giới báo chí, thực là khó hiểu.

Do đó, *khuyết điểm thứ hai* là ông... lạc đề. Nói về báo chí *hiện nay* mà ông không đếm xỉa gì đến cái hiện-tình của nó, đến cái thực chất của nó, cùng những khó-khăn mà nó trải chịu xưa nay. Sau bao nhiêu năm vinh nhục, thăng trầm, báo chí lại bị mua chuộc, đàn áp suốt chín năm qua, mới ngoi dậy được một năm trong sự trói buộc đủ kiểu mới mẻ, nên còn chịu đựng một cái thực trạng bất công, lệch lạc khác thường. Người ta không thể tách rời báo chí ra khỏi điều kiện thực-tế của xã hội nó, rồi xem nó là một phe đối lập nguy hiểm cần phải đối phó không ngừng với những chiếc mũ chực sẵn để chụp vào đầu, với những đạo luật sốt sắng để mà truy tố. Người ta cũng không thể xem nó là thực-thể tự nhiên

NHẮN TIN

Chị Lê-Văn-Trương .— Xin chị cho biết địa chỉ mới. Có việc cần đến tác phẩm của anh.

Nguiễn-Ngu-Í

hoàn chỉnh, để mà vội vàng buộc lấy nào sứ mạng này, nào nhiệm vụ nọ, quên hẳn những cái khó khăn mà nó đương đầu. Và trong những khó khăn ấy, lập luận ông Nguyễn-Văn-Cẩn cũng là một thứ khó khăn đáng kể.

Khuyết điểm thứ ba là các ý kiến nêu lên trong bản thuyết trình còn có nhiều sự thiếu sót, sai lầm. Bảo rằng báo chí là một « *trang sử thời sự nói lên nếp sống dân tộc* » ông Cẩn đã quên mất tầm quan trọng của cái đời sống quốc-tế hiện nay. Quan trọng đến nỗi « nhất ẩm, nhất trác, giai do... quốc-tế định đoạt » kia mà ! Cơm rượu mà một số người vẫn dùng hàng ngày chẳng phải là tiền viện trợ đấy sao ? Nói về sức mạnh báo chí, ông bảo « *báo chí nuôi dưỡng tinh-thần đại chúng* » mà quên rằng trên 90 phần trăm dân Việt là những nông dân, hiện nay không hề đọc báo bao giờ. Họ không rảnh rỗi, không có thừa tiền, và không đủ chữ cũng như đủ sự yên ổn để mà đọc nữa. Quan niệm « đại chúng » của ông thực sự chỉ là « tiểu-chúng » đó thôi.

Ông lại còn bảo « *Báo chí uốn nắn tinh thần dân tộc* » mà hầu như ông cũng không biết rõ cái tinh thần ấy ra sao. Thiết-tưởng một trong những cái yếu-tố căn-bản của tinh-thần ấy là sự độc lập của quốc-gia mình, độc-lập về mặt chính-trị, độc lập về mặt văn-hóa, tư tưởng. Không có tự do báo chí thực sự, người dân có thể phát triển, đề cao đúng mức tinh thần dân tộc ấy không ? Hay chỉ tiếp tục nuôi dưỡng một cái tinh thần lệ thuộc, nô-dịch cả về chính trị cũng như văn-hóa ?

Ông khuyên cần phải « *tôn trọng danh dự mọi người* » mà quên rằng bọn gian ác, bất nhân, buôn dân bán nước làm gì có danh-dự nữa ? Diệm Nhu và những tay sai của chúng có cần phải được tôn trọng danh-dự hay không ?

Ông bảo cần phải «*xử dụng đúng mức các quyền tự do căn bản*» nhưng các quyền ấy thực-sự đã được tôn trọng hay chưa ? Ngay đến tinh thần cổ lỗ của một luật-lệ báo chí do bọn thực-dân đặt ra từ năm 1881 nào kia, ngày nay chúng ta đã . . . đạt tới chưa ?

Khuyết điểm thứ tư là ông quá ham trích dẫn những câu sách vở lỗi thời rút tỉa trong các sách-vở của « mẫu quốc » Pháp để làm thước ngọc khuôn vàng. Đọc cái dàn bài của ông quây rô-nê-ô, người ta cũng khó mà nén được cười. Hầu như cứ mỗi ý-kiến mà ông tỏ bày phải kèm theo một tư tưởng quan-thầy ngoại quốc thì mới thật có giá trị. Thế thì ông khuyên báo chí « uốn nắn tinh thần dân tộc » chỗ nào ? Hay ông lầm lẫn « tinh thần dân tộc » với cái « tư-tưởng vong-nô » ?

Ông đọc : «*Le mal ne doit pas être mis en évidence*» (tạm dịch : cái xấu không nên đem ra phơi bày) nhưng ông quên rằng có những cái xấu cần được phơi bày ra trước công-luận để mà trừ diệt cho nó khỏi còn tác quái, tác yêu. Vả lại, nếu không làm thế thì e chống lại với cái chủ trương «*cần phải thông tin chính xác*» của ông mất rồi ! Ông lại còn đọc : « *L'homme est de glace aux vérités, il est*

de feu pour les mensonges » (tạm dịch : con người vốn lạnh nhạt với chân lý mà nhiệt tình với dối trá) nhưng ông quên rằng nhân-loại tiến bộ được như ngày nay là nhờ cái tinh-thần đấu tranh phụng sự chân-lý chứ không phải nhờ láo khoét. Xã hội Việt-Nam ngày nay, nếu có một hào-ly nào dễ thở hơn xưa, là nhờ đã diệt Diệm-Nhu, một bọn láo khoét lớn nhất ở trong lịch sử dân tộc. Nói tổng-quát hơn, lịch sử là cuộc đấu tranh không ngừng giữa cái lẽ thực và sự tà-ngụy, và mọi tiến-bộ đều phải dẫm qua xác chết của bọn hư trá, phản bội..

Tóm lại, những câu trích dẫn của thuyết-trình viên đều có tính cách hẹp hòi, cổ lỗ đại loại như thế. Đấy là không kể vô số những ý người ta chán rõ, thế mà ông Cẩn cũng phải « cẩn » bằng chữ tây rồi ngồi thong-thả dịch lại một cách lấm cấm, chẳng hạn như câu : « *Liberté de presse ne signifie pas liberté d'ordures* » mà ông thú vị cắt nghĩa : « Tự do báo chí không có nghĩa là tự do phóng uế » ! Tuy vậy, qua câu nói ấy, người ta mới rõ nhận định của thuyết trình viên về quyền tự do báo chí được có bấy nhiêu.

Khuyết điểm thứ năm là bài thuyết-trình ông Cẩn chứa đầy mâu-thuẫn, chỉ cần nêu lên sự việc một vài :

(*tiếp theo trang 89*)

3.— Tôn trọng chân lý, đừng vô tình làm lợi cho gian ác (vérité de vision, de présentation, vérité objective, sans passion) Une partie de l'art du journaliste consiste à se taire comme l'art du musicien comporte le respect des silences ; le mal ne doit pas être mis en évidence.

4.— Tôn trọng danh dự của mọi người : Tout le monde a droit à sa réputation, même les morts et les personnes morales. On a un droit absolu à une réputation vraie et personne n'a le droit de la violer.

5.— Thông tin chính xác, để soi sáng công luận theo chân lý và công lý. Khi chân lý bị xuyên tạc, thì mầm bất hòa sẽ xảy ra và sẽ đưa đến những cuộc tương tranh chua xót.

IV.— Nhiệm vụ của báo chí.

1.— Nhiệm vụ xây dựng hòa bình : nhất trí giữa các dân tộc, thông cảm giữa các đoàn thể, liên kết giữa các lực lượng và các tầng lớp nhân dân trong Quốc gia ; liên minh với các quốc gia trong thế giới tự do để củng cố hòa bình chung của nhân loại . . .

2.— Nhiệm vụ huấn chính quốc dân : đạo đức công dân, (une langue qui ment, de même que des mains qui versent le sang innocent, on la hait et tout homme juste détestel a parole mensongère) nghĩa vụ và quyền lợi công dân, sử dụng đúng mức các quyền tự do căn bản . . .

3.— Gom phần tích cực chống cộng sản, đối tượng chính yếu của cuộc đấu tranh hiện nay.

V.— Kết luận.

1.— Tham vọng của nhiều ký giả là muốn trở thành chủ báo . . .

2.— Georges de la Fouchardière : Il y a trois grands moyens de se ruiner : les femmes, le jeu et la presse.

3.— Cải thiện nghề nghiệp, tinh thần và vật chất. .

a) Ông kêu gọi phải đem hết tinh thần chiến-đấu, hi-sinh để mà thắng-lợi, v.v. . . nhưng lại bảo rằng nhiệm vụ báo chí phải là xây dựng hoà-bình. Những ai gian khổ đã nhiều vì nạn chiến tranh, xin chớ vội mừng. Ông Cẩn lý-luận : Thánh Kinh bảo rằng : *Muốn có hoà bình, cần phải chuẩn bị chiến tranh.* (ông lại đọc tiếng la-tinh : *Si-vis pacem, para bellum*) nhưng tôi — ông Cẩn — thì bảo : « *Muốn có hoà bình, cần phải chuẩn bị hoà bình* » (ông lại đọc la-tinh nữa : « *Si vis pacem, para pacem !)* Nhưng làm thế nào đem lại hoà bình ? Ông bảo : « *nhất trí giữa các dân-tộc* » và còn gì nữa ? « *Liên minh với các quốc gia trong khối tự do . . .* »

Làm sao liên minh với các quốc-gia tự-do mà còn có thể nhất trí giữa *các* dân tộc ? Và làm sao vừa nhất trí giữa *các* dân tộc lại vừa chống Cọng ? Thực có trời hiểu ! Phải chăng là vì tư-tưởng của ông cao hơn Thánh-Kinh nên nó .. lạ lùng đến thế ? Hay là vì chuyện hòa-bình là một cái «mốt» rất đỗi hợp thời, cũng phải nói theo cả - và thiên hạ cho vui, chứ ông thật chưa có ý-niệm gì rõ rệt ?

b) Ông bảo mọi sự tố cáo vạch trần khuyết điểm của các phần-tử quốc-gia hiện nay là nằm trong cái kế-hoạch «bôi-nhọ» do Việt-Cọng đang chủ trương «tỉ-mỉ» (sic) để cho chúng ta phải hết người dùng.

Nhưng chính nói thế là ông Cẩn đã bôi-nhọ ký-giả, bôi-nhọ quần-chúng, bôi-nhọ chính-quyền. Bởi vì ký-giả không phải là bọn ngu-muội đến mức không phân-biệt nổi trắng đen, quần-chúng cũng không dại-dột đến độ nghe chửi bậy bạ mà không phản-ứng, chính-quyền cũng chưa đến độ ngoan ngoãn ngồi im để nghe thiên hạ lăng-nhục lẫn nhau, và trong cái «lẫn nhau» ấy có thể có mình. Trái lại, chính-quyền đã tỏ ra quá sốt sắng trong sự ngăn-ngừa những sự xúc-phạm đến mình, sốt-sắng đến độ phi-lý nữa kia. Có lẽ ông Cẩn quên mất sắc luật số 2-64 ra ngày 19 tháng 2-64 vừa rồi. Trong khoản 12, sắc luật dạy rằng : « *Khi phỉ-báng nhân-viên công-quyền về một hành động liên quan đến chức vụ, nhà báo cần có những bằng chứng đầy đủ về việc đó. Nếu không xuất trình đủ bằng chứng, nhà báo có thể bị truy tố về tội phỉ báng và sẽ bị phạt từ 200 000 đ. đến 400.000 đ và từ 3 tháng đến 1 năm tù* ». Những bọn ký-giả nghèo nàn, kiết xác, chạy đâu cho đủ số tiền để mà bồi đắp vào cái danh-dự của các ông lớn nếu lỡ miệng mồm xúc-phạm ? Hơn nữa, ký-giả đâu phải quan tòa có cả cơ quan công lực dưới tay để mà xây-dựng hồ-sơ đầy-đủ ? Hầu hết đạo luật dân chủ ở trên thế-giới không có cái khoản buồn cười như vậy. Ngay đến bao nhiêu những vụ ẩu-đả, giết người rầm rộ ở giữa thanh thiên bạch nhật, tại cái thủ-đô Saigon, cách đây đã mấy tháng rồi mà Toà Án đã lập được hồ-sơ đầy đủ hay chưa ? Một khi nắm được chính quyền, người ta đã lo bảo vệ cho mình đầy đủ lắm rồi, hà tất phải đợi ông Cẩn dùng đến thủ đoạn chụp mũ, bôi nhọ, như ở thời vàng son cũ trước đây của ông !

Khuyết điểm thứ sáu là ông Cẩn nói về đời sống của dân-tộc mà không hiểu biết chút nào về đời sống ấy. Ông bảo «*Người Anh đã từng thắt lưng buộc*

bụng chịu mọi gian khổ. Chúng ta chưa kham khổ bằng Tây-phương.» Không nói đến sự dại dột chạy theo bắt chước cái khổ-sở của Tây Phương, người ta đều thấy ngơ-ngác, bàng-hoàng trước cái lập-luận lạ lùng đến thế. Ông Cẩn có «xuất trình đủ bằng-chứng» rằng dân Ăng-lê khổ hơn dân Việt ta chăng ? Trái lại, đa số người Việt, ngoại trừ ông Cẩn và những lớp người như ông, đều biết rằng chúng ta đây đang sống trong nỗi cơ hàn tủi nhục hết sức nặng nề. Có lẽ ông Cẩn chưa hề bữa đói, bữa no đến phải bán con để ăn như người ta vẫn hằng làm ở khu Bàn Cờ, ở ngõ Nguyễn Thông, ngay giữa lúc này. Có lẽ ông Cẩn cũng chưa đến nỗi xanh-xao mà còn phải đi van nài bán máu ở quanh bệnh-viện Đồn-Đất để kiếm chút tiền gầy còm nuôi sống qua ngày. Không, ông Cẩn béo tốt, phương phi, khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang kia mà.

Rất tiếc ông Cẩn đã có những lời kêu gọi quá thừa giữa lúc đĩ điếm hiện ra như nấm để bán thân xác cho lớp ngoại-kiều ở khắp phố-phường, giữa lúc du-đãng hiện lên nhan nhản ở các ngõ hẻm để cướp giật khách qua đường từ đồng bạc lẻ, và giữa một cảnh khốn khổ mênh mông của cả hàng triệu anh em ruột thịt chúng ta ngoài Trung đang rên siết vì thiếu nhà, thiếu cơm, thiếu nước, đang sống trong cảnh bệnh tật, tóc tang bi-thảm nhất đời.

Lập luận ông Cẩn vẽ ra một cái thực-trạng thảm não về một lớp tầng mệnh-danh trí-thức, có đủ cả tai, cả mắt, cả tim như mọi con người, nhưng không còn thấy, còn nghe, còn xúc-động gì được nữa, ngoài chút tư lợi mù-quáng sôi sục trong lòng.

Khuyết điểm thứ bảy là ông Cẩn đã nêu lên mười điều cấm-kỵ hết sức lẩn thẩn để cho «đồng-nghiệp» của ông... y-lệnh thi hành. (2) Nghe xong thập-điều ký-giả của ông người ta có cái cảm tưởng nghe một nhà

---

(2) Đây là thập-điều ký-giả do Nguyễn-Văn-Cẩn ban hành :

1) Ký-giả phải chịu trách nhiệm hoàn toàn về những bài vở của mình, dù là bài vở không có ký tên.
2) Ký-giả phải xem mọi sự vu khống, bóp méo sự thực là trọng tội của nghề nghiệp.
3) Ký-giả chỉ công-nhận sự phán quyết của đồng-nghiệp là tối thượng.
4) Ký-giả phải lãnh sứ mệnh hợp với trọng trách nghề-nghiệp của mình.
5) Ký-giả không được mạo những danh vị bất chính để mà hành nghề.
6) Ký-giả tránh lấy tiền tại một công hay tư sở nào mà vì lẽ đó mình có thể bị lợi dụng.
7) Ký-giả không được ký tên dưới các quảng cáo thương mãi.
8) Ký-giả không được đạo văn, dù đấy chỉ là một tin tức nhỏ.
9) Ký-giả không bao giờ tranh chỗ làm của đồng nghiệp mình.
10) Ký-giả không nên lợi dụng tự do báo chí để mà biến mình thành một cảnh sát tư pháp !

tu đọc truyện giới-nghiêm ở trên chót đỉnh... Olympe ! Nếu được thực sự tự do báo chí, ký-giả đâu có ngại gì trách nhiệm về bài vở mình ? Nếu đồng nghiệp họ không phải là bọn lãnh tiền chánh-phủ hay các cơ-quan... kín đáo để mà che đậy, xuyên-tạc sự-thực thì ký-giả có ngại gì mà không công nhận ý kiến tối thượng của đồng nghiệp mình ? Và họ đã thật đủ quyền tự do hay chưa mà sợ họ sẽ biến thành cảnh sát ? Nhưng thực cảnh sát đâu phải là một lớp người mà ông Cẩn phải sợ hãi dường kia ? Có lẽ nếu được mấy điều cấm cản như thế vào giữa lúc này, ông Cẩn cảm thấy hết sức bằng lòng. Nhưng mà ký giả chúng tôi không thể chia xẻ cái quan niệm ấy. Bởi vì đó là một cái quan niệm còn bót của thời thực dân luôn luôn nghĩ đến đàn áp, chế ngự, răn he, mà không đếm xỉa gì đến thực trạng.

Khuyết điểm thứ tám là ông Cẩn đã lỡ lầm khi muốn gián tiếp can ngăn « đồng nghiệp » của ông trở thành chủ báo. Phải chăng vì lòng nhân đạo, vì tình « đồng nghiệp » mà ông sợ các ký giả phá sản ? Nhưng mà ký giả đâu có dại dột như ông tưởng lầm ? Họ sống nhiều năm trong nghề, có đủ kinh nghiệm hơn ông để mà hiểu rõ hơn ông về việc họ làm. Muốn thành chủ báo, không phải họ chỉ có mỗi một việc kiếm tiền như ông đã quan niệm họ theo cái kích thước của tâm hồn mình. Ký giả không muốn sống đời làm công lệ thuộc, không muốn bị sự hạn chế mọi lời kêu đòi dân chủ, tự do, không muốn chiều ý ông chủ bà chủ để nuông chiều những thị hiếu thấp hèn. Ông đừng quan niệm vấn đề một cách đơn thuần mua bán để khỏi đánh giá quá thấp ý muốn vươn lên hợp lý hợp tình của cái «đồng nghiệp» của ông, bằng cách dựa vào những câu nhâm nhí nước ngoài để mà nói rằng ; « Có ba cách phá sản mau chóng nhất, đó là đàn bà, cờ bạc và báo chí » Qua cái câu nói như là kiểu cách khôi - hài ý vị, người ta bắt gặp một cái ý thức khinh miệt phụ nữ (coi họ là bọn ăn hại, xài tiền, lệ thuộc) và cái tư tưởng xem nhẹ báo chí, vì đem đặt nó ngang hàng với lại cờ-bạc, điếm đàng.

Khuyết điểm thứ chín là ông đã mượn cuộc nói chuyện này để tự thanh-minh và đề cao các thượng cấp của ông. Trong khi tìm các ví-dụ để mà minh chứng, ông làm ra vẻ tìm kiếm hết sức khó khăn, rồi như tình cờ khám phá ra các thượng-cấp của ông đều là những người trong sạch nhưng bị người ta hiểu lầm, bôi nhọ, cũng như ông bị chỉ trích ở trên mặt báo lần nào ! Và thượng-cấp ông là những con người có lắm công lao đối với quốc gia dân tộc nhưng họ không được quốc dân đồng bào biết đến, vì họ chỉ làm công việc ngoại-giao ! Ông bảo : « Người ta chỉ biết đề cao việc làm của ông tướng này tướng nọ chứ ai nghĩ đến những việc to tát mà nhà ngoại-giao đã làm cho xứ sở mình » Thêm một lần nữa ông đã coi nhẹ Ký giả, đánh giá quá thấp đồng bào của ông để được vừa lòng thượng cấp. Hơn thế, ông đã lợi dụng đám đông để mà thông-tin không được... chính xác chút nào.

Khuyết điểm thứ mười là ông cố tình xuyên tạc mọi cái danh từ để che giấu một ẩn ý mà những người nghe phát giác không mấy khó khăn. Ông nói : « Người ta phê-phán chính-phủ là không cách mạng, nhưng thực cách-mạng là gì ? Làm sao mà nói rõ được cho dân chúng hiểu ? Người ta

cứ bảo chính-phủ là không chính-trị, nhưng thực chính-trị là gì ? Làm sao cho dân hiểu được ? » Đại khái cái gì cũng đều vì nước vì dân, nhưng thật chỉ là biện bác theo một tinh thần tà ngụy của cái lối bất-khả-tri-luận đã phá sản rồi, hầu bênh vực cho một ngôi-vị khác đó thôi.

Bởi vậy những cái nhãn hiệu «nhà văn», «ký giả» mà ông đeo vào để gặp «đồng nghiệp», chỉ là giả hiệu. Chỗ đứng của ông là chỗ đứng của chính quyền, nhưng cũng không phải lập-trường của một chính quyền dân chủ mà quốc-dân đang chờ đợi lâu nay ! Lập trường của ông trước sau chỉ là lập trường của một ông Nghị, ở dưới chế-độ phản dân hại nước thời Ngô-Đình-Diệm.

***

Tóm lại, khuyết điểm thứ mười là khuyết điểm chính của ông Nghị Cẩn, mà người ta thường gọi là ông nghị Ka-Ki, vì dưới triều cũ, ông vẫn thỉnh thoảng mặc đồ Ka-Ki để tỏ rằng ông rất gần... quần chúng. Tuy vậy mọi người bình dân đều hiểu bộ đồ Ka-Ki Ăng-Lê rất là đắt tiền, vì khổ vải nó rất hẹp. Và người trí thức thảy đều hiểu rằng cái áo không thể làm nên thầy tu, trừ trên sân-khấu.

Thật ra, bảo ông Nghị Cẩn có mười khuyết điểm là cách nói đùa để trả lại cho đủ số thập điều cấm-kỵ của ông đó thôi. Chỉ với mỗi một khuyết điểm cuối cùng — đứng trên lập trường phản nghịch dân chủ—là đủ cho ông có cả trăm ngàn khuyết điểm lớn lao khác nữa, nói gì là chín hay mười !

Dầu sao, cũng phải nhận rằng ông Cẩn đã được toại nguyện một cách hoàn toàn. Bởi vì ông cứ bảo rằng cuộc thuyết trình này chắc sẽ làm cho mọi người thất vọng, và quả mọi người đã được thất vọng ngoài mức... dự trù !

VŨ-HẠNH

TRONG GIA-ĐÌNH ÊM-ẤM

HAY TRÊN ĐƯỜNG XA

KHÁT MỆT

CAPSTAN

MEDIUM

W.D.&H.O.WILLS.
BRISTOL & LONDON

Quản-nhiệm :
HUỲNH-VĂN-LANG
Chủ-nhiệm :

Tòa Soạn
160, Phan-Đình-Phùng — SAIGON
Dây nói : 25.539

In tại VĂN-HÓA AN-QUÁN
412-414, Trần-Hưng-Đạo — SAIGON

Giá : 10$
Công số : 15$

Nhà Sách KHAI-TRÍ
62, Lê-Lợi, SAIGON